

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3864625 - 0235.3862946 - 0235.3862367

Fax: 0235 3.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Chí Trung

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

*Phó giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Biên tập

Trần Văn An

Võ Hồng Việt

Trương Hoàng Vinh

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm,
tại Công ty cổ phần In - Phát hành
sách và Thiết bị trường học
Quảng Nam. 260 Hùng Vương -
TP. Tam Kỳ. ĐT: 0235 3.859367
Email: Chebaningnam@gmail.com
GPXB số:GP-STTTT do Sở
Thông tin và Truyền thông Quảng
Nam cấp ngày/....../2017. In
xong và nộp lưu chiểu
tháng....../2017

Số 02 (38) - 2017

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Tính chất đặc trưng của đô thị thương cảng quốc tế Hội An.....2
- Kết hợp khai thác kinh tế với bảo vệ chủ quyền biển đảo nhìn từ các tư liệu Hán Nôm về nghề yển Thanh Châu ở Hội An.....10
- Vài nét về việc thay đổi mặt tiền di tích trên tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai ở phố cổ Hội An22
- Vài suy nghĩ về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu.....31
- Hải Thần trong tín ngưỡng của người hoa ở Hội An.....35
- Một số tập tục ở Hội An liên quan đến tín ngưỡng thờ cúng cây cối.....43
- Nghề trồng dâu, ươm tơ ở Cẩm Kim trước năm 1975 qua thông tin tham vấn cộng đồng.....51
- Cây mè trên vùng đất Cẩm Hà53
- Một số công cụ trong cách tác nông nghiệp ở An Mỹ - Cẩm Hà.....56
- Sự hấp dẫn của khu ẩm thực chợ Hội An.....60
- Một vài đặc điểm về địa danh ở Hội An64

✿ Thông tin tư liệu

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

TÍNH CHẤT ĐẶC TRƯNG CỦA ĐÔ THỊ THƯƠNG CẢNG QUỐC TẾ HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Trong nhiều năm qua, khu vực Hội An đã được nhiều cơ quan, cá nhân các nhà khoa học trong nước, quốc tế, trên nhiều lĩnh vực khoa học: khảo cổ, lịch sử, dân tộc học, văn hóa, kiến trúc, đô thị... quan tâm tổ chức nghiên cứu, tổ chức hội thảo đạt được nhiều thành quả khoa học, làm sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển về Đô thị thương cảng quốc tế Hội An qua từng thời kỳ/giai đoạn lịch sử, với nhiều tên gọi khác nhau. Dựa trên những thành quả này, trong phạm vi của bài viết chúng tôi xin khái quát trình bày những ***Tính chất đặc trưng của Đô thị thương cảng quốc tế Hội An. Và với tên chung, gọi tắt là Cảng thị Hội An.***

1. Hội An là một cảng thị quốc tế có lịch sử lâu, dài, liên tục gần 2.000 năm

Bằng vào kết quả nghiên cứu khảo cổ học - lịch sử các nhà khoa học đã chứng minh trên mảnh đất này đã tồn tại và phát triển nền văn hóa Tiên - Sơ sử mà đỉnh cao là nền văn hóa Sa Huỳnh muộn điển hình ở miền Trung - Việt Nam. Qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học tại Cẩm Hà, Thanh Hà, Cẩm Phô, Cẩm Thanh, Tân Hiệp, với nhiều loại hình mộ chum đặc trưng, những công cụ sản xuất, công cụ sinh hoạt, đồ trang sức tuyệt hảo bằng đá, gốm, thủy tinh, đồ sắt,... được lấy lên từ lòng đất đã khẳng

định sự phát triển rực rỡ của nền văn hóa Sa Huỳnh trong thời Tiên - Sơ sử ở vùng đất Hội An, đóng góp quan trọng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu liên quan đến thời kỳ Tiên - Sơ sử của cư dân Xứ Quảng và cả chuỗi Nam đảo ở Đông Nam Châu Á. Đặc biệt, việc phát hiện hai loại tiền đồng Trung Quốc thời Hán (*Ngũ Thủ, Vương Mãng từ thế kỷ II BC - thế kỷ I AD*), những hiện vật sắt kiểu Tây Hán, đáng đập Đông Sơn, Óc Eo, hoặc với đồ gốm có hoa văn ô vuông, đồ trang sức với công nghệ chế tác tinh luyện trong các hố khai quật đã chứng minh một điều thú vị rằng, ngay từ đầu công nguyên, đã có nền ngoại thương sơ khai hình thành ở Hội An.

Dưới thời vương quốc Champa (từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ XV sau Công nguyên) qua di tích khảo cổ và tư liệu thư tịch của Ba Tư, Ả Rập, Trung Quốc... khẳng định khu vực Hội An là Chiêm Cảng - có Lâm Ấp phó đóng vai trò quan trọng bậc nhất của Vương quốc Champa (*tức nước Lâm Ấp hay Chiêm Thành*), cùng với cụm đảo Cù Lao Chàm đây là vị trí quan trọng hàng đầu trong tuyến hàng hải ở khu vực và quốc tế. Nơi có thể trao đổi hàng hóa, tích lũy lương thảo, nước ngọt, nghỉ ngơi, sửa chữa tàu/thuyền... Quan hệ thương mại thông qua Chiêm cảng - Vương quốc Champa, thời kỳ này đã được mở rộng



Phố cổ Hội An nhìn từ trên cao – ảnh Phan Vũ

2. Cảng thị Hội An là một cảng sông cận biển

Cảng thị Hội An, nằm ở vị trí từ $15^{\circ}15'26''$ đến $15^{\circ}55'15''$ vĩ độ Bắc; $108^{\circ}17'08''$ đến $108^{\circ}23'10''$ kinh độ Đông, thuộc vùng hạ lưu, cửa sông - ven biển tỉnh Quảng Nam - Xứ Quảng xưa, nơi hội tụ của các nguồn sông lớn ở xứ Quảng đó là:

- Nguồn Thu Bồn

(được tạo bởi con sông Tranh - ở Phước Sơn, sông Tiên - ở Tiên Phước, sông Trà - ở Trà My,...)

- Nguồn Ô Gia/Vu Gia (được tạo bởi con sông Bung - ở Giồng, sông Vàng - ở Hiên, chảy xuống Đại Lộc... đến Giao Thủy một nhánh nhập vào sông Thu Bồn, một nhánh chảy về Cửa Hàn - Đà Nẵng)

- Nguồn Chiên Đàn (từ phía Nam chảy ra, được tạo bởi con sông Tam Kỳ chạy xuống sông Trường Giang, con sông này nối thông Cửa Đại - Hội An với Cửa Kỳ Hà)

- Sông Đẽ Vông hay Lộ Cảnh Giang (tục gọi là sông Cổ Cò, nối thông Cửa Đại - Hội An với Cửa Hàn - Đà Nẵng)

Các nguồn sông này đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - văn hóa của cả xứ Quảng nói chung và đối với sự hình thành Đô thị thương cảng Hội An nói riêng. Đó là huyết mạch giao thông, là nguồn vô tận bồi đắp lên nhiều vùng đất trù phú, cùng với trữ lượng vô kể về sản vật. Đồng

đền tận các nước ở vùng Trung Cận Đông, Địa Trung Hải, tức là với cả thế giới Ba Tư - Ả Rập, vùng Biển Đỏ.

Thời kỳ Đại Việt - Đại Nam (thế kỷ XV- XIX), người Việt kế tiếp người Chăm, khu vực Hội An càng sôi động với vai trò một Đô thị thương cảng quốc tế nổi tiếng ở Đông Nam Châu Á suốt gần 3 thế kỷ XVII, XVIII, đến đầu thế kỷ XIX. Ngoài các di tích khảo cổ, Hội An còn được mô tả, ghi chép, đánh dấu trên các tư liệu lịch sử, thư tịch, họa đồ, bản đồ hàng hải xưa ở trong nước và quốc tế với các tên gọi: Faifo, Haifo, Faicfo, Haiso, Faiso, Faifoo... hoặc gắn với Cửa Đại - Cù Lao Chàm với các tên gọi: Pullu Ciam pello, Sanf - FuLaw, Cham-pu-lau, Chiêm Bất Lao, Cửa Đại Chiêm, Lâm Ấp phố¹.

¹ Xin tham khảo kết quả nghiên cứu khảo cổ, lịch sử, văn hóa... về Cảng thị Hội An qua các thời kỳ/giai đoạn được công bố trong các kỷ yếu hội thảo: Hội thảo quốc gia về Đô thị cổ Hội An năm 1985; Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An năm 1990; Hội thảo quốc tế về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An năm 1995; và Kỷ yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng năm 2008.

thời góp phần quan trọng tạo nên phong cách sắc thái văn hóa của Xứ Quảng từ ngàn xưa. Các nguồn sông này hợp lưu với nhau - **Hội thủy** - đề trước khi ra biển cả qua Cửa Đại (*Đại Chiêm Hải Khẩu*). **Hội An nằm trên con sông hợp lưu - Hội thủy, cận biển đó.** Và trong điều kiện giao thông cổ xưa, khi mà đường bộ chưa phát triển thì các nguồn sông này càng có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với việc lưu thông hàng hóa, sản vật và giao lưu văn hóa của cả Xứ Quảng - Đàng Trong.

Phía Đông Hội An là biển Đông, có Cửa Đại (*Đại Chiêm Hải khẩu - cửa biển lớn của Chiêm Thành/Chăm pa*) và cách xa bờ về phía Đông Đông Bắc khoảng 18km có cụm đảo Cù Lao Chàm (*còn có những tên gọi khác nhau trong lịch sử Pulociam, Pulaucham, Polochiam pello, Chiêm Bất Lao, Tiêm Bích La,...*), bao gồm 8 hòn đảo lớn, nhỏ: Hòn Lao, Hòn Dài, Hòn Mồ, Hòn Lá, Hòn Khô mẹ, Hòn Khô con, Hòn Tai, Hòn Nôm với tổng diện tích khoảng 15,5km² (*chiếm một phần tư tổng diện tích thành phố Hội An hiện nay*). Ngoài xa cụm đảo này là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Các hòn đảo ở Cù Lao Chàm quần tụ lại tạo thành hình cánh cung, xoay vào hướng đất liền, trên Hòn Lao với nhiều bãi cát thoải thoải, có dân cư sinh sống ở Bãi Làng, Bãi Ông, Bãi Hương.

Nhờ vào vị trí với hệ thống sông, cửa biển này mà Hội An có điều kiện thông thương với các vùng của xứ Quảng. Từ Hội An ngược theo nguồn Vu Gia/Ô Gia, Thu Bồn có thể đến được các vùng núi, trung du ở phía Tây; Theo nguồn Chiêm Đàn - sông Trường Giang qua Cửa Kỳ Hà (*cửa biển*) có thể đến được cả vùng phía Nam của Xứ Quảng;

Theo sông Đê Vông có thể vươn lên phía Bắc nối thông Cửa Đại - Hội An với Cửa Hàn - Đà Nẵng. Hơn nữa, từ Cửa Đại, Cửa Hàn theo những cánh buồm có thể lan tỏa, giao lưu với cả nước và cả thế giới Đông - Tây. Với hệ thống sông, cửa biển này Hội An đã trở thành một địa thế lý tưởng cho quan hệ thương mại Đông - Tây, và đây cũng là giai đoạn cực thịnh của Đô thị thương cảng quốc tế này.

3. Cảng thị Hội An có hệ thống quy mô và hoàn chỉnh, bao gồm cả trung tâm và vệ tinh rộng lớn

Trong thời Tiền - Sơ sử đến Cổ - Trung, Cận đại, Cửa Đại (*Đại Chiêm Hải khẩu*) luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với Hội An và Xứ Quảng. Độ rộng và sâu của cửa biển này rất thích ứng với thời kỳ thuyền buồm ở cả phương Đông và phương Tây. Đến thế kỷ XIX theo “*Đại Nam Nhất thống chí*” mô tả: “*Cửa Đại rộng 160 trượng, thủy triều lên sâu 6 thước, thủy triều xuống 4 thước 5 tấc*” [3, 328]. Cù Lao Chàm như những người lính gác khổng lồ làm “*trấn sơn*”, che chắn, canh giữ bờ biển Hội An và là nơi trú ẩn cho các thương thuyền trong những ngày sóng gió. Đồng thời Cù Lao Chàm còn là điểm dừng chân để trao đổi hàng hóa, lấy nước ngọt, là điểm hoa tiêu, mốc vịnh hằng cho các thương thuyền trên con đường hàng hải và ra vào Cửa Đại, Cửa Hàn buôn bán với Hội An - xứ Quảng, Đàng Trong. Nhiều chứng cứ về khảo cổ học và lịch sử cho chúng ta biết rằng lưu vực sông Thu Bồn đã phát triển toàn diện về mặt kinh tế - xã hội từ những thế kỷ trước và sau Công nguyên. Có thể nói, hệ thống di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử dọc sông Thu Bồn đã hình thành một “*hệ thống trao đổi ven sông*” giữa miền

ngược và miền xuôi. Đây là một hệ thống kinh tế đặc thù được hình thành ở nhiều quốc gia cổ ở Đông Nam Á. Nhưng đây mới là “trục ngang” (trục Tây - Đông), còn “trục dọc” (trục Bắc - Nam), phải nói đến con sông Cổ Cò (tên chữ là *Lộ Cảnh Giang* hay sông *Đế Vông*) và dòng Trường Giang (nguồn *Chiên Đàn*) chảy men/dọc theo bờ biển. Sách Đại Nam Nhất thống chí có ghi: “*Lộ Cảnh Giang ở cuối hai huyện Diên Phước và Hòa Vang, sông này từ xã Thanh Châu chảy ra phía Bắc đến phía Tây núi Tam Thai (Non Nước) nhập với sông Cẩm Lệ, nay nước sông cạn, ghe thuyền không đi được*” [3, 41]. Trước khi bị bồi lấp vào nửa sau thế kỷ XIX, sông Cổ Cò nối liền Cửa Đại - Hội An với Cửa Hàn - Đà Nẵng và là một lộ trình giao thông đường thủy thuận lợi, được nhiều thương khách sử dụng, đi lại. Năm 1618, C. Borri đã viết: “*Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam. Người ta cập bến bằng hai cửa biển: Một gọi là Turon (Đà Nẵng) và*

một gọi là Pulluciambello (Hội An). Các cửa biển cách nhau chừng ba hay bốn dặm, kể đó biển chia thành hai nhánh đi sâu vào đất liền chừng bảy hay tám dặm, làm thành như hai con sông luôn tách rời nhau để rồi cuối cùng gặp nhau và đổ vào một con sông lớn. Tàu bè từ hai phía đi tới cũng đi vào con sông này” [1, 91]. Như vậy, con sông Cổ Cò có vai trò nối thông Cửa Hàn - Đà Nẵng với Cửa Đại - Hội An và đầm Trà Quế với đầm Trà Nhiêu. Đầm Trà Quế gắn với sông Cổ Cò/Đế Vông được xem là “*Vũng Tàu Bắc*”, còn đầm Trà Nhiêu, dải đất cửa sông ven biển Trung Phường gắn với dòng Trường Giang, Cửa biển Kỳ Hà ở phía Nam, cùng với hệ Thu Bồn được xem là “*Vũng Tàu Nam*” của thương cảng Hội An trong lịch sử.

Cùng với đảo Cù Lao Chàm - một “*trấn sơn*” của Cửa Đại, là hoa tiêu, điểm dừng chân của các thương thuyền trên con đường hàng hải ở khu vực và quốc tế đã tạo cho Hội An trở thành một địa thế độc đáo. Nơi đây, quy tụ được những yếu tố tự nhiên tích cực để hình thành một cảng thị lớn có đầy đủ ưu thế

hơn hẳn các địa điểm khác ở Việt Nam và khu vực lúc đương thời. Từ Hội An có thể thu hút sản vật của cả xứ Quảng vốn được ca ngợi là mảnh đất giàu có, phì nhiêu nhất của Đàng Trong về những sản vật mà các dòng thuyền viễn xứ Đông - Tây đều hằng khao khát đó là: “*yến sào, sừng tê, gân hươu, vây*



Một góc phố Hội An giữa thế kỷ XX - ảnh Vĩnh Tân

cá, tôm, rong bẻ, ốc hương, đồi mồi, ngà voi, trân châu, tơ sống, trâm hương, đường tán, đường phèn, xạ hương, quế, tiêu, gạo, đậu khấu, sa nhân...[2, 94], “và người ta còn tìm thấy ở xứ Cochinchine rất nhiều vàng bột...Loại vàng bột này thường được đãi tại các suối nước từ núi đổ xuống” [2, 68]. Mặt khác khu vực Hội An cũng là nơi tập trung các tuyến giao thương chủ đạo trên biển, thu hút tất cả những đặc sản có giá trị trên trường quốc tế về đây bán buôn, trao đổi. Ngoài ra, xuất phát từ môi trường sông nước, biển đảo Hội An còn rất nổi tiếng với nghề buôn ghe bầu và một nghề khá đặc biệt khác đó là nghề khai thác yến sào. Và trãi làng Thanh Châu - Hội An xưa kia luôn được các Chúa Nguyễn và các vua triều Nguyễn trọng dụng, bổ sung vào những đội lính Trường Sa, Hoàng Sa chuyên khai thác tài nguyên trên biển Đông. Và do là nơi có vị trí hiểm yếu về quân sự, kinh tế nên từ thời các Chúa Nguyễn đến các triều đại phong kiến sau này dân làng Thanh Châu, Làng Câu/Phước Trạch - Hội An còn được giao nhiệm vụ cảnh giới tàu thuyền đi lại, ra vào vùng biển Cửa Đại - Hội An. Nhiều căn cứ thủy quân, bến tàu được thành lập tại đây, nhiều tướng lĩnh người Thanh Châu được giữ trọng trách và ghi công lớn trong quân đội của các triều đại phong kiến¹.

Xuất phát từ những điều kiện vị thế địa lý nêu trên mà Đô thị thương

cảng Hội An có một hệ thống quy mô hoàn chỉnh bao gồm :

- **Cửa biển:** “...Một gọi là Pullu Ciam Pello (Cửa Đại - Hội An), Cửa kia là Turon (Cửa Hàn - Đà Nẵng)..., chúng hợp với nhau làm một, nơi đó người ta gặp các tàu đi vào từ cửa này hay cửa khác... ở đây gọi là Faifo...;

- **Tiền cảng:** Nơi neo đậu tàu/thuyền của các nước sau khi vào cửa (Cửa Đại hoặc Cửa Hàn) như: Touron, Trà Nhiêu, Trung Phường... làm thủ tục hải quan...

- **Các bến chợ trên sông:** Đà Nẵng, Trà Nhiêu, Thăng Bình, Thành Hà, Trà Kiệu, Trà My....

- **Điểm tiền tiêu:** Ở về phía Đông Hội An là Cù Lao Chàm một “trấn sơn”, đảo tiền tiêu của Cửa biển, Pháo đài Hội An hay điểm dừng chân, mốc vịnh hàng cho các thương thuyền trên con đường hàng hải.

- **Dinh trấn Quảng Nam/Trung tâm hành chính - chính trị ở Càn Húc (Duy Xuyên),** sau dời về Thanh Chiêm, rồi La Qua (Điện Bàn). Trong thời kỳ các Chúa Nguyễn, đây vừa là Trung tâm chính trị của Dinh/Trấn Quảng Nam vừa là thượng đô thứ hai đóng vai trò quản lý cả thương cảng quốc tế Faifo - Hội An, với tính chất xem Hội An như một “*Đặc khu kinh tế*”. Xuất phát từ vị thế địa lý thuận lợi, cùng nhiều cơ may lịch sử, vai trò là một trung tâm kinh tế thu hút hàng hóa của cả xứ Quảng - Đàng Trong - Việt Nam để giao thương với nước ngoài, Faifo - Hội An trở thành một trung tâm thương mại quốc tế phát triển rực rỡ vào bậc nhất của cả nước và cả

¹ Phải chăng, cũng bởi vai trò của vùng đất và người dân nơi đây mà vua Quang Trung đã chọn người con gái tộc Trần (bà Trần Thị Quy) làng Thanh Châu làm Thứ phi, đồng thời bà cũng là cháu, con, em của các vị tướng trong một gia đình họ Trần (Thanh Châu) có công lớn trong việc phò vua Quang Trung khởi nghiệp, lên ngôi hoàng đế.

khu vực Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XIX¹.

- Phố chợ Faifo - Hội An: Trung tâm Hội chợ quốc tế: Tất cả các vị trí: Cửa biển - Sông, Tiền cảng, Bến chợ trên sông, Điểm tiền tiêu, Dinh Trấn Quảng Nam... vừa là vệ tinh trực tiếp của trung tâm phố chợ Faifo - Hội An, đồng thời vừa là phần nhân tố hữu cơ, gắn kết cấu thành Đô thị thương cảng quốc tế Hội An, tạo nên sự vượt trội về tính quy mô, hoàn chỉnh của thương cảng này ở trong cả khu vực Đông Nam Á. Nơi đây, lượng thuyền vào ra dày đặc đến nỗi cột buồm của chúng *“như rừng tên xúm xít”* còn hàng hóa thì *“không có thứ gì không có... trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được”*, và *“năm nào cũng mở hội chợ kéo dài gần bốn tháng liền”*. Như vậy, Cảng thị Hội An không phải là một cảng thuần túy làm nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa - xuất, nhập khẩu mà còn là trung tâm hội chợ quốc tế. Thương nhân các nước Trung Quốc, Nhật Bản lập phố buôn bán; thương nhân các nước phương Tây, Đông Nam và Nam Á đến lập văn phòng mại biện, lập thương điểm, cùng với nhiều hình thức bao mua, mại biện, trao đổi hàng hóa, tiền tệ khá phong phú, đa dạng.

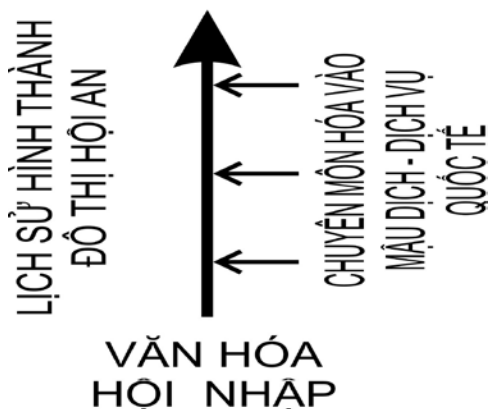
4. Cảng thị Hội An là một mẫu hình tiêu biểu về một kiểu thức hình thành Đô thị ở Đông Nam Á

¹ Các vua triều Nguyễn (lấy Hội An làm tỉnh lỵ) hay thực dân Pháp sau này thành lập *“vill de Faifoo”* - thị xã Hội An (năm 1899) và đặt tòa Công sứ tại đây hoặc Ngụy quyền Sài Gòn cũng đặt Hội An làm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam. Đặc biệt, Faifo - Hội An, trở thành một trong những trung tâm giao lưu văn hóa quốc tế của Việt Nam - là cái nôi truyền bá Thiên Chúa giáo, Phật giáo ở Đàng Trong; Là một trong cái nôi cho sự ra đời của chữ quốc ngữ vào thế kỷ XVII.

Bằng vào những kết quả nghiên cứu liên ngành gần đây nhất, các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế đều thống nhất cho rằng: Đô thị - Phố cảng quốc tế Hội An - là một kiểu mẫu tiêu biểu về lịch sử hình thành, phát triển đô thị ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á thời Trung - Cận đại. Nó được ra đời vào cuối thế kỷ XVI trên mảnh đất vốn hàng nghìn năm trước đã là một cảng thị sơ khai của cư dân văn hóa Sa Huỳnh điển hình ở miền Trung Việt Nam, tiếp nối bởi Chiêm cảng - Lâm Ấp phố (*phố của người Lâm Ấp/Champa*) thế kỷ II - XV. Sự ra đời của Đô thị - Phố cảng Hội An không do yếu tố kinh đô - Trung tâm hành chính - chính trị của cả nước, thậm chí của Tỉnh (lỵ) quyết định như nhiều đô thị - thành thị ở Việt Nam, ở phương Đông; Không phải do sự tách khỏi lãnh địa phong kiến - nông nghiệp của tiểu thủ công nghiệp mà hình thành như nhiều đô thị ở phương Tây; Cũng không phải do kết quả khai phá thuộc địa của chủ nghĩa thực dân như các đô thị ở nhiều nước thuộc Châu Mỹ, Châu Phi, vùng Đông Nam Á, hay ở Việt Nam (như Hải phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn...), mà do xuất phát từ vai trò trung tâm, vị thế địa lý - lịch sử, là kết quả của sự gắn kết độc đáo, tất yếu giữa những yếu tố lịch sử phát triển trong nước với nhu cầu giao thương buôn bán trên thế giới, trên con đường *“Tơ lụa - hương liệu - gốm sứ...”* trên biển giữa phương Đông và phương Tây. Theo xu hướng: Hội nhập dân cư, hội nhập kinh tế - Văn hóa, tiếp biến và phát triển bằng con đường biển giao lưu quốc tế.

Mô hình con đường hình thành đô thị/đô thị hóa ở Hội An và đô thị thông thường:

ĐÔ THỊ HÓA



ĐÔ THỊ HÓA



5. Cảng thị Hội An được bảo tồn và phát huy khá hoàn hảo

Trải qua bao sự biến đổi, sự khắc nghiệt, tàn phá của điều kiện tự nhiên (bão, lụt...), sự tàn khốc của chiến tranh và cả công cuộc đô thị hóa... cùng với nhiều cơ may lịch sử quần thể di tích Đô thị thương cảng Hội An vẫn được bảo tồn gần như nguyên vẹn (cả về yếu tố văn hóa vật thể, phi vật thể) trong sự nâng niu, trân trọng giữ gìn của các lớp thế hệ cư dân Hội An. Và rồi, từ sau thời kỳ mở cửa, đổi mới của đất nước (năm 1986) Đô thị - Phố cảng Hội An lại dần được “tái sinh”, phát triển với một tầm

thể về tiềm năng và định hướng chiến lược mới. Với tư cách là một đô thị có Khu phố cổ - được tổ chức UNESCO ghi danh vào Danh mục Di Sản Văn hóa thế giới ngày 4/12/1999; Đồng thời với hệ sinh thái, sinh quyền rộng lớn, đặc thù và đa dạng, phong phú: nằm trong vùng hạ lưu của nguồn Thu Bồn - Vu Gia hợp lưu với nguồn Chiên Đàn (Trường Giang), sông Cổ Cò (Lộ Cảnh Giang) và cả vùng ven biển Cửa Đại, vùng đảo, biển Cù Lao Chàm - Hòn ngọc quý trên biển Đông, ngày 26/5/2009 Cù Lao Chàm - Hội An đã được Ủy ban sinh quyền và con người thuộc tổ chức UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyền thế giới. Hội An hiện nay nằm trên trục kinh tế Liên Chiểu - Kỳ Hà - Dung Quất, cận kề thành phố Đà Nẵng, khu công nghiệp, khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc; Là một trong 16 khu du lịch chuyên đề, thuộc một trong bốn khu du lịch tổng hợp của quốc gia. Nghĩa là Hội An hội đủ điều kiện trở thành một đô thị sinh thái, văn hóa; một trung tâm du lịch lớn của tỉnh Quảng Nam, của khu vực miền Trung và cả nước. Nghĩa là cảng thị Hội An tiếp tục hội nhập quốc tế và phát triển - Kinh tế Du lịch, dịch vụ, là điểm đến, thu hút thương nhân và khách du lịch nổi tiếng ở trong khu vực và thế giới. Sự thành công trong việc bảo tồn và phát triển du lịch ở Hội An được Ông Richard Engelhardt - nguyên cố vấn văn hóa Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đánh giá: “Thời kỳ phục hưng của Hội An có thể được coi là sự thành công trong công tác bảo tồn di sản địa phương, trong việc sử dụng truyền thống văn hóa, kỹ năng và những sản phẩm địa phương như là nền tảng cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Hôm nay UNESCO chúc mừng những người dân Hội An - và tất cả những người đã ủng

hộ họ về tầm nhìn đã mang quá khứ vào tương lai, và về cam kết những tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất của công tác bảo tồn di sản. Kết quả này là cả sự tuyệt vời và mẫu mực và chắc chắn rằng Di sản văn hóa và cộng đồng dân cư của phố cổ xinh đẹp này sẽ không bao giờ mất đi...”

Quả thực, Hội An như cố giáo sư Trần Quốc Vương đã khái quát: là nơi **Hội thủy/nước** 3 nguồn Vu Gia, Thu Bồn, Chiên Đàn và con sông Đẽ Vồng (*Lộ Cảnh Giang*) nối Cửa Hàn với Cửa Đại; **Hội nhân/người**, có cư dân Việt tiếp nối người Sa Huỳnh cổ, Champa, có sự nhập cư của người Hoa, người Nhật và giao lưu của thương nhân các nước Châu Á, phương Tây; **Hội văn**: trên cơ sở kế thừa yếu tố văn hóa truyền thống Việt, tiếp thu văn hóa Sa Huỳnh - Champa bản địa và sự hội nhập giao lưu của văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản, phương Đông, phương Tây... Trên cơ sở này mà Cảng thị Hội An đã có được các yếu, tính chất khá đặc trưng. Để rồi được định danh trên một cái tên (*gọi*) rất Việt Nam đầy ước vọng **Hội An** - tức là nơi **Hội thủy - Hội nhân - Hội văn/vật** được **An** hưởng những điều an lành, hòa bình, chung vui, lạc nghiệp. Đúng như

đánh giá của tổ chức UNESCO khi ghi danh Hội An vào Di sản Văn hóa thế giới: **Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế; là một điển hình tiêu biểu về một cảng thị Châu Á truyền thống được bảo tồn hoàn hảo** ♦

Tài liệu tham khảo

1. Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ dịch, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội.
3. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (1964), *Đại Nam Nhất thống chí, tỉnh Quảng Nam*, bản dịch: Nguyễn Tạo, Sài Gòn.
4. Ủy ban quốc gia Hội thảo quốc tế về Hội An (1991), *Đô thị cổ Hội An, Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế*; NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Ủy ban nhân dân thị xã Hội An (1985), *Kỳ yếu hội thảo quốc gia về Hội An*.
6. Ủy ban nhân dân thị xã Hội An (2004), *Kỳ yếu hội thảo về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*.
7. Ủy ban nhân dân thị xã Hội An (2007), *Kỳ yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng*.



Một góc Hội An và vùng hạ lưu sông Thu Bồn nhìn từ trên cao - ảnh Phan Vũ

KẾT HỢP KHAI THÁC KINH TẾ VỚI BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO NHÌN TỪ CÁC TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ NGHỀ YẾN THANH CHÂU Ở HỘI AN

Trần Văn An

Yến sào - tổ chim yến là một sản vật biển đảo quý hiếm, một loại thực phẩm siêu việt từ lâu đã là một công phẩm dành riêng cho triều đình và là một mặt hàng xuất khẩu hàng đầu được thương nhân nhiều nước quan tâm. Việc quản lý, tổ chức khai thác nguồn lợi biển đảo này được thực hiện khá sớm ngay từ thời Champa và kế đó là thời các chúa Nguyễn và vua triều Nguyễn. Địa phương được các chúa Nguyễn và triều Nguyễn giao quản lý và khai thác nguồn lợi này là làng Yến Thanh Châu ở Hội An. Tuy nhiên những tư liệu liên quan còn lại rất hiếm hoi để có thể nhận biết một cách tương đối về vấn đề này. Gần đây chúng tôi đã sưu tầm được một số tư liệu Hán Nôm hiện được lưu giữ tại Hội An, Khánh Hòa liên quan đến nghề khai thác yến sào Thanh Châu. Cùng với những thông tin về hoạt động của nghề yến Thanh Châu, về các cá nhân liên quan đến quá trình quản lý khai thác yến sào vào triều Nguyễn, các tư liệu này còn cung cấp những thông tin về cách thức quản lý khai thác cho thấy các vua triều Nguyễn ngay từ rất sớm đã chú trọng xác lập chủ quyền biển đảo và thực hiện sự kết hợp giữa khai thác kinh tế với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Số tư liệu này gồm 30 bản sao các văn bản: 1/ Sắc phong, sắc chỉ, chiếu

chỉ, lệnh chỉ, chỉ thị của các vua triều Nguyễn từ Gia Long đến Thành Thái; 2/ Văn bằng, trát văn, công văn, tờ truyền của bộ Binh, bộ Hộ, công đường dinh Quảng Nam, tỉnh đường Quảng Ngãi, Định Biên; 3/ Bản tâu, đơn xin, trình bẩm của các cá nhân phụ trách yến đội, yến hộ qua các đời (*danh mục bên dưới*).

Niên đại sớm nhất của các văn bản này là năm Gia Long 3 (1804), niên đại muộn nhất là Thành Thái 8 (1896). Đây là các bản sao lại từ văn bản gốc. Việc sao chép này được thực hiện vào khoảng đầu thế kỷ XX. Chúng tôi không tìm thấy bản gốc và theo thông tin từ các gia đình lưu giữ tư liệu thì chúng đã bị thất lạc. Tuy là các bản sao nhưng chúng rất đáng tin cậy do người sao chép rất am tường về chữ Hán, căn cứ vào thư pháp và cách sao chép. Những chữ bị mất, những chỗ bị hư rách, các ấn triện đóng ở văn bản gốc cũng được chú ý ghi lại. Các sắc phong người chép ghi chú “*Có dấu sắc mệnh chi bửu*”, văn bằng thì ghi “*Có dấu Hộ bộ đường chi ấn*” hoặc “*Có dấu Binh bộ đường chi ấn*”. Những chỗ bị rách, mất chữ thì ghi “*mất một số chữ*” v.v...

Văn bản năm 1804 (*số 01 trong danh mục - VB1*) là trát văn của công đường dinh Quảng Nam sai phái Hồ Văn

Hòa, người giáp Đông, xã Thanh Châu làm đội trưởng yển đội để dẫn người canh giữ các hang yển không cho kẻ lạ đột nhập. Như vậy là, ngay sau khi tình hình đất nước ổn định, chính quyền quy về một mối thì nhà Nguyễn đã chú ý đến việc quản lý nguồn lợi biển đảo quý giá yển sào. Ở đây ta thấy có sự tiếp nối từ thời các chúa Nguyễn thế kỷ 17,18 đến các vua triều



Miếu Tổ nghề yển ở Cẩm Thanh

Nguyễn thế kỷ 19 với việc giao làng/xã Thanh Châu ở Hội An quản lãnh việc khai thác yển sào ở biển Đông. Lê Quý Đôn trong Phủ biên tạp lục ghi: *“phủ Thăng Hoa, huyện Hà Đông, xã Thanh Châu có nghề lấy yển sào, dân xã ấy tản cư ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định hàng năm cứ đến tháng 2 phải nộp tổ non mới 120 tổ, người áp thu lĩnh tờ thị, sửa sang thuyền đi đến các phủ để thu thuế, tháng 7 mang về trình nộp sổ tiêu sai, thực nộp là bao nhiêu người, tùy từng hạng mà tính thu. Hạng tráng mỗi người nộp 2 cân yển sào; nếu không có thì nộp thay bằng tiền 2 quan, hạng dân mỗi người nộp 1 cân 8 lạng, hạng lão và hạng đình mỗi người nộp 1 cân, còn cả xã lại nộp lễ thường tân, chính đán 1.500 tổ. Năm Mậu Tý thuế yển sào nộp thay bằng tiền là 773 quan 1 tiền 30 đồng”*¹

Ghi chép này cho biết khi vào tiếp quản vùng đất Quảng Nam các chúa Nguyễn đã thực hiện việc độc quyền quản lý nguồn lợi yển sào ở biển Đông

bằng cách giao dân làng Thanh Châu khai thác và tính thu thuế trên đầu dân theo từng hạng. Cách thức này có điểm khác so với triều Nguyễn sau này, khi các văn bản sưu tầm được cho thấy các vua triều Nguyễn đã giao cho Hồ Văn Hòa là người có chức Đội trưởng, đến cai đội, Phó quản cơ tước Hòa Đức bá rồi Hòa Đức hầu quản lý, khai thác yển sào và sau đó con cháu tộc Hồ thay nhau đảm nhận các chức vụ quản lãnh tam tỉnh yển hộ. Cách thức thu thuế là tính theo đầu các yển hộ, mỗi người nộp mỗi năm 8 lạng (VB03, 07).

Do nhận biết được vai trò quan trọng của biển đảo nhất là qua thực tế trong cuộc chiến tranh trên biển với Tây Sơn nên đối với triều Nguyễn, biển đảo là 1 bộ phận không thể tách rời của cương vực đất nước. Trong các sắc phong, triều Nguyễn dùng từ *“Hải Vũ”* để chỉ bờ cõi chứ không chỉ là lãnh thổ, đất đai: *“Ngã Thế tổ Cao Hoàng đế thống nhất hải vũ, khánh bĩ thần nhân...”* (Đức Thế tổ Cao Hoàng đế ta, thống nhất bờ cõi, mang phúc đến cho thần nhân...)

¹ Lê Quý Đôn (1977), Phủ Biên tạp lục, Nxb Kh – XH, tr230.

Từ cách nhìn nhận này nên cùng với khai thác kinh tế về nguồn lợi yến sào, các vua triều Nguyễn đã có sự kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo. Điều này thể hiện qua một số khía cạnh ở các tư liệu Hán Nôm về nghề yến Thanh Châu.

1/ Việc quản lý, khai thác yến sào ở các đảo ven biển nước ta được giao cho 2 bộ là bộ Binh và bộ Hộ. Bộ Binh lo về tổ chức, phiên chế con người, bộ Hộ lo về thu thuế. Tờ Truyền của bộ Hộ năm Minh Mạng 12 (1831) (VB12) ghi rõ: “Việc thu thuế yến do bốn bộ (bộ Hộ) quản lý; còn việc tu chỉnh, bổ sung ngạch tịch, sổ sách thì do bộ Binh cấp bằng...”.

2/ Những người đứng đầu tổ chức quản lý, khai thác yến sào được phong những chức đội trưởng, quản cơ, quản lãnh... là những chức vụ thuộc về võ ban triều Nguyễn.

3/ Tổ chức yến đội, yến hộ vừa làm nhiệm vụ khai thác vừa làm nhiệm vụ canh giữ các hang yến không cho kẻ ngoài đột nhập (VB05, 07). Vì vậy các

yến hộ, yến hộ được lập các đội hải thuyền để canh giữ và các thuyền yến hộ chắc hẳn phải có vũ trang để làm nhiệm vụ.

4/ Một số văn bản cho biết các vua Nguyễn đã lập đồn và cử quan quân ra canh giữ các đảo Côn Lôn, Phú Quốc và tổ chức cho binh lính vừa làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo vừa làm nhiệm vụ kinh tế (thu lượm yến sào, trầm hương) (VB14,16)

Qua một số tư liệu Hán Nôm về nghề khai thác yến sào Thanh Châu ta có thể thấy được sự quan tâm của triều Nguyễn đối với nguồn lợi biển đảo đặc biệt này, đồng thời qua đó cũng cho thấy triều Nguyễn từ khá sớm đã thực hiện việc quản lý, khai thác nguồn lợi này có sự kết hợp giữa khai thác kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Có thể nói đây là một chính sách phù hợp, tích cực của những người đứng đầu triều Nguyễn thời bấy giờ. Và chính sách này cần được xem xét, đánh giá dưới những khía cạnh mới để vận dụng có hiệu quả hơn trong giai đoạn hiện nay

DANH MỤC TÓM LƯỢC TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ NGHỀ YẾN THANH CHÂU LƯU GIỮ Ở HỘI AN VÀ KHÁNH HÓA

TT	Tên tư liệu	Số trang	Nội dung tóm lược	Niên đại	Địa chỉ Lưu trữ	Ghi chú
1	Trát văn của công đường dinh Quảng Nam sai phái Hồ Văn Hòa	2	Do trước đây có đơn xin (mất một số chữ) theo cự lệ mộ dân, nội ngoại tịch của xã Thanh Châu tổ chức 3 chiếc thuyền lập thành đội yến sào Thanh Châu đông hàng năm neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ hang yến và thu lượm yến sào đệ nạp. Nay có 7 người gia nhập đội, mùa yến đã đến nên sai Hồ Văn Hòa, người xã Thanh Châu đông giáp, thuộc Vồng Nhi, phủ	Ngày 13 tháng 12 năm Gia Long 3 (1804)	Tộc Hồ ở Hội An và Khánh Hòa	Đây Là bản chép lại từ các văn

			Điện Bàn làm đội trưởng, tước Hòa Đức bá, dẫn hai chiếc thuyền neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ cẩn thận các hang yến không cho kẻ lạ đột nhập vào. Đội đến năm sau sẽ có tầu lên triều đình.			bằng, sắc chỉ gốc và Bản sao trên giấy A4 hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An
2	Lệnh chỉ của vua Gia Long cho Hồ Văn Hòa		Đặc chuẩn cho Hồ Văn Hòa là người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, thuộc Võng Nhi, phủ Điện Bàn làm đội trưởng hai đội yến sào, tước Hoà Đức Bá mọi việc theo sự sai phái của Lộc Tiến hầu ở Trà đội. Nếu công vụ biếng nhác sẽ bị trị tội theo pháp luật.	Ngày 27 tháng 11 Gia Long 17 (1818)	Tộc Hồ ở Hội An	
3	Chỉ thị của vua Minh Mạng cho Hồ Văn Hòa	2	Chuẩn đổi Yến sào đội thành Yến hộ cho Hồ Văn Hòa làm hộ trưởng tước Hòa Thuận tử, trật tòng Cửu phẩm xướng suất yến hộ theo lệ thuế phụng nạp. Mọi việc nghe theo sai phái của công đường dinh Quảng Nam. Nếu công vụ biếng nhác sẽ bị trị tội theo quốc pháp.	Ngày 7 tháng 6 năm Minh Mạng 1 (1820)	Tộc Hồ ở Hội An và Khánh Hòa	
4	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	3	Hồ Văn Hòa tâu xin miễn thuế thân, thuế tạp dịch cho 2 đội yến hộ 28 người và xin nộp mỗi người 8 lạng yến hàng năm trong đó yến đội cũ 10 người, năm Mậu Dần (1818) mộ thêm 8 người, năm Kỷ Mão mộ thêm 10 người và hàng năm nộp thêm 2 cân, tu bộ tại Kinh và nộp thuế cho phủ Nội vụ. Lại xin theo lệ hàng năm đôn đốc quân yến hộ canh giữ các hang yến ngoài biển từ Quảng Nam dinh, Bình Hòa trấn thu thuế yến nộp về Kinh đô. Châu phê: Chuẩn miễn và không cần phải nộp thêm. Năm nào thu hoạch khá thì tiến thêm ít nhiều cũng được. Văn thư phòng phụng sao gửi bộ Hộ đóng dấu để làm bằng.	Ngày 2 tháng 6 năm Minh Mạng 2 (1821)	Tộc Hồ Khánh Hòa	
5	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	3	Từ năm Mậu Dần (1818) vâng chỉ lập 2 sở yến hộ ở dinh Quảng Nam và Bình Hòa trấn quân số 36 tên, trong đó yến hộ Quảng Nam 26 tên, Bình Hòa 10 tên. Xin mộ dân bổ sung vào yến hộ	Ngày 26 tháng 1 năm Minh Mạng	nt	

			Quảng Nam để 2 sở đủ số 40 người và lập đội hải thuyền 12 chiếc, quy cách đà ngang từ 5 thước đến 6 thước 9 tấc để canh giữ các hang yến ngoài biển 2 trấn dinh và xin lãnh thuyền bài tại dinh Quảng Nam để y lệ nộp thuế. Chỉ chuẩn: Y tầu Bộ Hộ vâng sao gửi: (Hò Văn Hòa)	3 (1822)		
6	Công văn của Nguyễn Hữu Thận (bộ Hộ) gửi Hò Văn Hòa	2	Sao gửi Hò Văn Hòa thể lệ của triều đình về lập đội thuyền yến hộ: - Yến hộ có số đình 40 người thì lập đội thuyền 12 chiếc. - Yến hộ 36 người trở lên lập đội thuyền 8 chiếc. - Yến hộ 20 người trở lên lập đội thuyền 5 chiếc. - Yến hộ 10 người trở lên lập đội thuyền 2 chiếc. Đà ngang của thuyền từ 5 thước đến 6 thước 9 tấc. Đăng ký thuyền bài là yến hộ thuyền và y lệ nộp thuế tại dinh trấn. Miễn việc trưng dụng và nếu có cũng không được quá 10 người và không được xem đây là lệ. Bộ Hộ sao gửi Hò văn Hòa để thi hành.	Ngày 26 tháng 1 năm Minh Mạng 3 (1822)		
7	Chiếu phong cho Hò Văn Hòa	2	Thăng cấp cho Hò Văn Hòa là chánh đội trưởng tước Hòa Đức hầu, trật tông Lục phẩm, mọi việc nghe theo sai phái của dinh Quảng Nam.	Ngày 14 tháng 2 năm Minh Mạng 5 (1824)	nt	
8	Bản tầu của Hò Văn Hòa	4	Do chỉ chuẩn lập yến hộ 40 người, hàng năm thu nộp yến sào ở các đảo ngoài biển dinh Quảng Nam, trấn Bình Hòa, mỗi người nộp 8 lạng thành 20 cân, năm trước lãnh mua thuế yến trấn Bình Hòa là 4 cân, cộng cả thảy 24 cân, đã nộp đủ. Nay xin chiếu mộ thêm dân ngoài đội 10 người, thành 50 người, chiếu lệ nộp thuế mỗi người 8 lạng, nếu mộ	Ngày 25 tháng 6 năm Minh Mạng 6 (1825)	nt	

			không đủ 10 người cũng xin nộp đủ 5 cân và nộp thuế yển Bình Hòa trấn thêm 1 cân thành 5 cân. Nộp về Kinh đúng loại yển nguyên màu hoàn thành trong ba lần. Chỉ chuẩn: cho chiêu mộ dân ngoài đội 10 người lập làm Bình Hòa yển hộ, hàng năm nộp mỗi tên 8 lạng, giao Hồ Văn Hòa quản suất, không đủ 10 tên cũng nộp đủ 5 cân. Thi hành từ năm Minh Mạng 7 (1826). Bộ Hộ phụng sao.			
9	Bằng của bộ Hộ cấp cho Hồ Văn Hòa	3	Do hộ trưởng yển hộ Bình Định Trần Văn Thư can tội nộp thuế yển có loại thô xấu, thiếu cân lại ăn nói can quấy nên giao phủ Thừa Thiên xem xét phạt 100 trượng, giáng chức giao Hồ Văn Hòa quản thúc để tiếp tục lập yển hộ Bình Định 21 người, hàng năm nộp thuế 12 cân và mỗi người 4 lạng việc sưu, tổng cộng là 17 cân 4 lạng, hoàn thành trong 3 lần. Phụng chỉ ngày 8 tháng 9, cấp bằng cho Quảng Nam yển hộ chánh đội trưởng Hồ Văn Hòa thi hành.	Ngày 13 tháng 9 năm Minh Mạng 9 (1828)	nt	
10	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	4	Tâu: Nhờ ơn vua, lãnh Quảng Nam Bình Hòa trấn yển hộ là 53 người, hợp thành 1 hộ hàng năm phụng nạp yển thuế đầy đủ. Đến mừng 8 tháng 9 năm nay vâng chỉ kiêm lãnh Bình Định yển hộ 21 người, nộp thuế 17 cân 4 lạng. Nay xin mộ dân ngoại tịch bổ sung vào đội (Bình Định) đủ 40 người thường niên nộp thuế 8 lạng một người cộng lại là 20 cân, bắt đầu nộp từ năm Minh Mạng 10 (1829). Và xin nhập yển hộ Bình Định và Quảng Nam Bình Hòa yển hộ thành 1 để tiện thu và nộp thuế 1 lần tại phủ Nội vụ. Chỉ vua chuẩn: Mộ dân ngoại tịch 19 tên cho đủ số 40, vẫn giữ tên Bình Định yển hộ, giao Hồ Văn Hòa quản suất. Hàng năm mỗi tên nộp 8 lạng như	Ngày 13 tháng 12 năm Minh Mạng 9 (1828)	nt	

			Quảng Nam Bình Hòa yển hộ, nếu không đủ số cũng phải nộp đủ 20 cân, tính từ năm Minh Mạng 10. Không chuẩn việc nhập các kỳ thuế làm một. Hộ bộ đường phụng ghi và truyền đạt: Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Văn Phúc, Thân Văn Quyền.			
11	Bảng của công đường dinh Quảng Nam cấp cho Hồ Văn Hòa	2	Do tháng trước nhận được công văn của quan trấn Bình Định theo cung lục của bộ Hộ về việc giao Trần Văn Thư về trấn để chịu phạt. Vâng theo chỉ đã phạt Trần Văn Thư 1 trượng (?), thu đủ số thuế yển thiếu, và hạ chức y xuống làm phục dịch trong yển hộ giao Hồ Văn Hòa thi hành và báo cáo lại kết quả cho quan trấn sở tại được biết không được chậm trễ.	Ngày 11 tháng 7 năm Minh Mạng 10 (1829)	nt	
12	Tờ truyền của bộ Hộ cho Hồ Văn Hòa	2	Phụng chỉ giao Hồ Văn Hòa quản suất yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa hàng năm thu nộp thuế yển về Bộ. Việc thu thuế yển theo lệ do Bộ quản lý, còn việc tu chỉnh, bổ sung ngạch tịch, sổ sách thì do bộ Bình cấp bằng, không quan hệ đến bản Bộ nhưng đến kỳ thuế phải tu chỉnh sổ bộ và sao gửi Bộ 1 bản để lưu chiếu. Quản yển hộ đội trưởng Hồ Văn Hòa căn cứ thi hành.	Ngày 11 tháng 6 năm Minh Mạng 12 (1831)	nt	
13	Chiếu của vua Minh Mạng cho Hồ Văn Hòa		Do Hồ Văn Hòa lo việc thuế yển năm nào cũng đầy đủ và theo đề nghị của bộ Hộ nay chuẩn thăng làm cai đội trật tông ngũ phẩm, mọi việc theo sai phái của dinh Quảng Nam. Nếu không làm hết chức trách, biếng nhác sẽ bị trị tội theo quốc pháp.	Ngày 30 tháng 8 Minh Mạng 15 (1834)	Tộc Hồ ở Hội An	
14	Bản tấu của bộ Hộ		Theo năm Minh Mạng 17, tháng 10 Thanh Minh hầu cùng chúng thần ở bộ Bình đề nghị tại đảo Côn Lôn thuộc Gia Định có lập đồn đất và tinh thần tỉnh ấy cử suất đội 1 viên, kỳ binh 15 tên đến đó phòng thủ, lại nghe nơi ấy có nhiều tổ yển mà trước đây chưa thu nạp. Nay xin nhân tiện lệnh cho số binh	Ngày 13 tháng 11 Minh Mạng 19 (1838)	nt	

			lính ấy lưu tâm thu nạp. Nếu hàng năm thu được trên 10 lạng thì theo giá mà thưởng cấp, nêu tên nào không thu đủ số thì giao quan tỉnh trách phạt để làm gương. Lại nghe ở đảo Phú Quốc thuộc Hà Tiên sản xuất trầm hương rất tốt song trong sổ bộ chưa có thuế ngạch nên xin khám xét lại. Việc này xin cho thị vệ khoa đạo cùng Hồ Văn Hòa sau khi thu tổ yến xong thì đến đảo ấy xem xét tường tận để tâu lên. Hồ Văn Hòa cùng thị vệ khoa đạo và các yến hộ trong chuyến đi này cũng rất gian lao nên tâu xin cấp cho ít nhiều lộ phí. Nội các (đứng tên tâu): Nguyễn Văn Chương; Lâm Duy Nghĩa, Hà Duy Phiên, Doãn Uẩn, Phan Thanh Giản, phụng thảo: Võ Vĩnh. Chỉ (của vua) cho y như bản tấu, phái khoa đạo 1 viên cùng Hồ Văn Hòa thưởng bạc 6 lạng; thị vệ một tên thưởng bạc 3 lạng yến hộ 5 tên mỗi tên thưởng bạc 2 lạng để chi phí Bộ Hộ cung kính sao lại Yến hộ Hồ Văn Hòa theo chỉ thi hành.			
15	Sắc phong của vua Thiệu Trị cho Hồ Văn Hòa		Do Cai đội lãnh yến hộ Hồ Văn Hòa nhiều năm làm tròn chức vị nay gia ân thăng chức Phó quản cơ vẫn lãnh yến hộ, mọi việc theo lệ mà làm. Nếu không tròn nhiệm vụ, lười nhác sẽ bị trị tội theo phép nước.	Ngày 28 tháng 6 Thiệu Trị 3 (1843)	nt	
16	Bằng của Thái tử thái bảo hậu quân Đô thống Chương Phủ sự, Tổng đốc Định Biên họ Nguyễn cấp cho Hồ Văn		Do Hồ Văn Hòa phụng mệnh (vua) cùng thị vệ khoa đạo đến Côn Lôn thu tổ yến và đến Phú Quốc làm việc công nay đã hoàn thành. Khiêng chuyển tổ yến đệ nạp là việc vất vả nên trong hành trình từ Tân Giang cấp cho 1 chiếc thuyền với đầy đủ người phục dịch chuyển đến Biên Long lên bộ thì cấp cho 2 chiếc võng cùng 4 người khiêng và 2 người khiêng hòm tổ yến chuyển đến kinh thì xong. Vậy cấp bằng cho quản suất yến hộ Hồ Văn Hòa, yến hộ Trần Văn Võ thi hành.	Ngày 8 tháng 7 nhuận năm Tự Đức 7 (1854)	nt	

	Hòa, Trần Văn Võ				
17	Bằng của bộ Binh cấp cho Hồ Văn Học		Theo báo cáo của phó quản cơ Hồ Văn Hòa bẩm hiện chưa có người làm hộ trưởng yển hộ Quảng Nam, nay có Hồ Văn Học là người mẫn cán có thể làm chức ấy nên xin cấp bằng. Vậy cấp bằng hộ trưởng yển hộ Quảng Nam cho Hồ Văn Học, mọi việc theo sai phái của quan quản lãnh, biếng nhác phải chịu tội.	Ngày 8 tháng 7 nhuận năm Tỵ Đức 7 (1854)	
18	Bằng của bộ Binh cấp cho Hồ Văn Hòa		Do phó quản cơ Hồ Văn Hòa tuổi đã 70 lại thêm bệnh tật khó cán đáng công vụ, phụng chỉ cho giữ nguyên hàm về hưu tại quê quán. Vậy cấp bằng để trình tỉnh Quảng Nam.	Ngày 10 tháng 7 năm Tỵ Đức 8 (1855)	nt
19	Sắc của vua Tự Đức cấp cho Hồ Văn Học		Theo đề nghị của bộ Binh nay chuẩn cho Hồ Văn Học, hộ trưởng yển hộ, người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn là người siêng năng, am hiểu nghề nghiệp được bổ làm yển hộ thuộc Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa. Nếu công việc không chuyên cần sẽ bị trị tội theo phép nước.	Ngày 23 tháng 11 năm Tỵ Đức 8 (1855)	nt
20	Sắc của vua Tự Đức phong cho Hồ Văn Bình		Do hộ trưởng Hồ Văn Bình quản lãnh yển hộ của hạt Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa ở chức lâu năm, thu thuế đầy đủ nên theo đề nghị của bộ Hộ chuẩn thăng là chánh bát phẩm đội trưởng văn quản lãnh yển hộ 3 hạt để đôn đốc thuế khóa.	Ngày 23 tháng 8 Tỵ Đức 28 (1875)	nt
21	Bằng của tạm quyền Tuần phủ Nam Ngãi họ Chu cấp cho Hồ Văn Trước		Do các yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa bẩm rằng năm trước hộ trưởng Hồ Văn Kiểm quản lãnh 3 tỉnh yển hộ đã thu thuế yển đầy đủ để nạp về kinh. Ngày 15 tháng này y bị bệnh qua đời, không người xướng suất công việc. Nay chọn được em ruột của Hồ Văn Kiểm là tú tài Hồ Văn Trước, tính tình cẩn thận, am hiểu nghề nghiệp, gia tư lại giàu có nên có thể cấp bằng tạm quyền đội trưởng, quản lãnh	Ngày 26 tháng 7 năm Tỵ Đức 30 (1877)	nt

			yến hộ để đôn đốc thu thuế yến trong khi chờ hiệp y của bộ Binh để cấp bằng. Nếu công việc không chuyên cần sẽ bị trị tội theo phép nước.			
22	Bảng của bộ Binh cấp cho Hồ Văn Yến		Do quản lãnh yến hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa Hồ Văn Trước bẩm rằng đang thiếu một hộ trưởng để đôn đốc công việc và đề cử Hồ Văn Yến, là người giáp Đông, xã Thanh Châu, huyện Hòa Vang có nhiều năm trong quân công việc mẫn cán có thể giữ chức hộ trưởng yến hộ Bình Định. Vậy cấp bằng hộ trưởng yến hộ Bình Định cho Hồ Văn Yến để thi hành...	Ngày 20 tháng 9, Tự Đức 33 (1880)	nt	
23	Bảng của thự Tuần phủ Nam Ngãi hộ Đẳng cấp cho Hồ Văn Phú		Do bộ Hộ có công văn báo rằng hộ trưởng yến hộ Lê Văn Vân có đơn trình rằng Hồ Văn Trước có lỗi đương xem xét, không có người lo việc đôn đốc thuế yến nên xin đề cử Hồ Văn Phú là người có học thuộc tộc Hồ dòng chính vào tạm quyền đôn đốc yến hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa để thu thuế yến đệ nạp. Mọi việc theo lệ thi hành, nếu biếng nhác sẽ bị trị tội theo phép nước.	Ngày 6 tháng 11, Tự Đức 36 (1883)	nt	
24	Bảng của bộ Binh cấp cho Nam Ngãi hộ Nguyễn cấp cho Hồ Văn Khải		Theo đề nghị của quyền quản lãnh yến hộ 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa là Hồ Văn Phú về việc yến hộ Bình Định đang khuyết chức đội trưởng và cử Hồ Văn Khải là người giáp Đông, xã Thanh Châu, huyện Hòa Vang am hiểu nghề nghiệp, tính toán thông suốt và có tài lực sung vào chức ấy. Nay cấp bằng để Hồ Văn Khải thi hành.	Ngày 15 tháng 9 Kiên Phúc 1 (1883)	nt	
25	Bảng của bộ Hộ cấp cho Hồ Văn Phú		Do quyền quản lãnh yến hộ Hồ Văn Phú có đơn xin rằng tổ yến ít được dùng vào việc công nên xin thay bằng nộp tiền và xin lãnh trưng 5 năm liền với mức thuế mỗi năm là một vạn một trăm hai mươi lăm quan (10.125 quan, tương đương 50 cân 10 lạng tổ yến/200 quan 1 cân). Nếu nhà nước có nhu cầu	Ngày 22 tháng 2 Đồng Khánh 1 (1886)	nt	

			dùng tổ yến thì sức nộp và tính khấu trừ vào tiền thuế, nếu năm này thiếu 5 cân 10 lượng thì năm sau bù vào. Vậy cấp bằng để quản lãnh yến hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa thi hành.		
26	Bằng của bộ Hộ cấp cho Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải		Do Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải có đơn bẩm rằng tổ phụ đời trước đã mộ dân lập nên yến hộ thu thuế đệ nạp, nay có người Thanh (<i>người Hoa</i>) tranh lãnh trung. Vậy nên xin tổng trưng thuế yến 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa lên 10 năm, mỗi năm tiền thuế 6 vạn quan (60.000 quan). Xin nạp tiền cọc trước 1.000 quan. Bộ xét thấy theo mức tiền ấy thuế có tăng. Chỉ có hạn 5 năm sẽ thương nghị với quan Đông Pháp đại thần để quyết định. Nay cấp bằng để tổng trưng 3 tỉnh thuế yến nguyên quản lãnh yến hộ Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải thi hành.	Ngày 24 tháng 3 Thành Thái 4 (1892)	nt
27	Tờ bẩm của Nguyễn Văn Chắt		Lãnh trưng thuế yến tỉnh Khánh Hòa là Nguyễn Văn Chắt bẩm xin: Do lãnh trưng yến thuế 3 tỉnh Hồ Văn Phú có chuyển sao bằng ký và bẩm xin cho dân (Nguyễn Văn Chắt) lãnh trưng thuế yến tại Khánh Hòa, nộp trước trưng sau, đã giao nộp xong, Thiết nghĩ các sở yến hệ thuộc vào việc trị an mà lâu nay bị trộm cắp nhiều. Thuế yến rất quan trọng không dám tự chuyên nên bẩm xin quan lớn Tỉnh đường có công văn cho phép được mua sắm ghe thuyền, phương tiện, mộ dân làm yến lập thành đội yến canh giữ các hang yến và xin có sức nghiêm cấm người Hán Thanh các phủ Ninh Hòa, tổng Phước Hà ngoại, huyện Vĩnh Xương, tổng Xương Hạ được biết.	Ngày 15 tháng 1 Thành Thái 5 (1893)	nt
28	Bằng của Tổng đốc Nam Ngãi họ Nguyễn cấp cho Nguyễn Văn Chắt		Theo đề nghị của Tổng trưng thuế yến 3 tỉnh là Hồ Văn Phú xin cho Nguyễn Văn Chắt người xã Vinh Huy, phủ Thăng Bình, được lãnh trưng thuế yến Khánh Hòa với mức thuế mỗi năm 3.500 quan với lãnh trưng trong 5 năm. Vì Khánh Hòa là tỉnh hạt ngoài vùng quản lý nên cấp bằng này để y đến trình	Ngày 13 tháng 10 Thành Thái 5 (1893)	nt

			chính quyền sở tại biết y không giả mạo. Vậy cấp trát này cho lãnh trưng thuế yển Khánh Hòa Nguyễn Văn Chất thi hành.			
29	Sắc của vua Thành Thái cho Hồ Văn Khải		Do khóa sinh Hồ Văn Khải, người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang nhiều năm thu nộp thuế yển đầy đủ lại tự nguyện quyên góp (vào công quỹ) là người có hảo tâm nên theo đề nghị của bộ Hộ chuẩn cho là tòng cử phẩm văn giai để khuyến khích	Ngày 18 tháng 8 Thành Thái 8 (1896)	nt	
30	Đơn của Hồ Văn Trước, Hồ Văn Phú	4	Đơn gửi công sứ Nam Nghĩa ở Cửa Hàn xin trưng lĩnh thuế yển để nói nghiệp tổ tiên. Trong đó có ghi: Đồng Khánh năm đầu (1888), cho người Thanh hiệu Xán Ký nộp thuế yển bằng tiền, nay Hồ Văn Phú xin trưng thay người Thanh	Không ghi ngày tháng	Tộc Hồ ở Khánh Hòa	Bằng chữ Nôm



Miếu Tổ nghề vắn ở Bãi Hương - Cù Lao Chàm

VÀI NÉT VỀ VIỆC THAY ĐỔI MẶT TIỀN DI TÍCH TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI Ở PHỐ CỔ HỘI AN

Trần Thanh Hoàng Phúc

Đường Nguyễn Thị Minh Khai (NTMK - viết tắt), trước đây còn có tên gọi là đường Khải Định (thời Pháp thuộc), đường Duy Tân (thời kháng chiến chống Mỹ). Hiện nay, tuyến đường này thuộc địa phận phường Cẩm Phô. Qua một số tư liệu khảo cổ (kết quả khảo cổ tại di tích đình Cẩm Phô, tại nhà số 16 NTMK), văn bản Hán Nôm (giấy tờ mua bán ngôi nhà số 3 NTMK có niên đại năm 1739)¹ cũng như lịch sử hình thành di tích đình Cẩm Phô, chùa Cầu có thể đoán định đường NTMK được hình thành từ rất sớm, tương tự như đường Trần Phú ở phía đông chùa Cầu. Mặc dù vậy, nếu so với đường Trần Phú thì số lượng di tích có giá trị bảo tồn loại đặc biệt, loại I, II trên tuyến đường này không nhiều. Toàn tuyến đường (kể cả kiệt, hẻm) trong phạm vi khu vực I có tổng cộng 105 di tích, trong đó chỉ có 07 di tích loại đặc biệt, 06 di tích loại I, 09 di tích loại II, còn lại là di tích loại III, loại IV. Các di tích có giá trị chủ yếu nằm tập trung ở đầu đường, khu vực gần chùa Cầu, một số ít khác nằm rải rác ở đoạn giữa (đình Cẩm Phô, miếu Ngũ Hành), các di tích nằm về phía cuối

đường đa số là nhà mới được xây dựng về sau này, ít có giá trị về kiến trúc.

Về hiện trạng kiến trúc: Các ngôi nhà trên tuyến đường có khoảng lùi không đều nhau, một số đoạn có vỉa hè rất rộng, có nhiều cây xanh (đây là một trong số ít các tuyến đường có nhiều cây xanh trên vỉa hè trong Khu phố cổ). Đa số các ngôi nhà có giá trị kiến trúc là nhà 2 tầng, mặt tiền vách gỗ, có hiên + ban công (nhà số 04, số 06, ...), nhà có dạng cổ lâu (nhà số 05, 07, 11, ...), nhà thờ tộc (tộc Nguyễn Tường - nhà số 8/2, tộc Tăng - nhà số 16), một số nhà có mặt tiền kiểu Pháp, phần lớn còn lại là nhà một tầng, tường gạch, mái ngói âm dương, một số ngôi nhà mới được tu bổ lại (theo hướng tôn tạo thích nghi) trong thời gian gần đây.

Riêng đối với dãy nhà số lẻ, trước đây, phía sau dãy nhà này là ao hồ, đầm lầy và ruộng lúa. Năm 2005, UBND thị xã (nay là Thành phố) đã tiến hành nạo vét, quy hoạch chỉnh trang lại khu vực này, hình thành nên tuyến đường bao NTMK (nay là đường Công Nữ Ngọc Hoa) và Quảng trường sông Hoài, khu vườn tượng An Hội. Tuy có sự thay đổi đáng kể trên mặt bằng tổng thể của khu phố cổ nhưng việc quy hoạch đã góp phần rất lớn trong việc tôn tạo cảnh quan chung khu vực, tạo nên diện mạo mới

¹ Theo sách Kiến trúc phố cổ Hội An - Việt Nam của Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản (xuất bản tiếng Việt năm 2006), tr 39.

đẹp hơn, hoàn thiện hơn cho khu vực này.

Vì tuyến đường NTMK (cùng với đường Bạch Đằng) nằm trong khu vực thấp lựt và trũng hơn các tuyến đường khác trong khu phố cổ, do đó có thể nhìn thấy, tính từ mặt đường những nhà trên tuyến đường này thường có nền cao hơn một chút so với các khu vực khác. Vì địa hình thấp dần từ Đông sang Tây (từ chùa Cầu đến cuối đường) nên nền các ngôi nhà khu vực đầu đường (thường xây một bậc cấp) thấp hơn nền các ngôi nhà khu vực giữa và cuối đường (thường xây ba bậc cấp trở lên). Do địa hình khu phố cũng nghiêng dần từ Bắc xuống Nam nên mỗi khi có lựt lội, dãy nhà số lẻ bị ngập nước trước dãy nhà số chẵn. Các ngôi nhà loại III, IV mới tu bổ gần đây, dễ thuận tiện việc kinh doanh, nên nhà thường chỉ xây cao một bậc cấp (như nhà số 55, 65), không cần xây nền cao để tránh lựt.

Về thay đổi hình thức kiến trúc các ngôi nhà mặt tiền đường NTMK (chi tiết xem phụ lục 1): Nhìn chung, do có sự quản lý chặt chẽ của các ban ngành trong việc cấp phép, giám sát tu bổ, tôn tạo di tích, các di tích có giá trị (loại đặc biệt, loại I, II) được bảo tồn nguyên vẹn, không bị thay đổi, hoặc thay đổi theo hướng tốt (phục hồi theo dấu vết hiện trạng như nhà số 10 (loại I), 12, 27 (loại II)); tuy nhiên, do tác động của cuộc sống hiện đại, thương mại du lịch, gia tăng nhân khẩu... công năng sử dụng của các nếp nhà và các điều kiện sinh hoạt cũng bị thay đổi ít nhiều. Hiện trạng này cũng đang diễn ra tương tự đối với các di tích khác thuộc sở hữu tư nhân trong khu phố cổ.

Các di tích còn lại (loại III, IV), hoặc được giữ nguyên trạng, hoặc được

cải tạo theo hướng thay đổi tốt, góp phần tôn tạo kiến trúc của ngôi nhà và cảnh quan chung của tuyến phố. Đối với các di tích loại III, nếp nhà trước được tu bổ lại như hiện trạng, nếp nhà sau cải tạo lại, hoặc được xây mới, coi nói, như nhà số 15, 45, 79A... Tuyến đường này nằm trong khu vực thấp trũng, do đó, khi cải tạo, nếp nhà sau thường được xây 2 tầng. Đối với các di tích loại IV, tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng mới theo hướng cải tạo thích nghi, có thể kể đến nhà số 26, 50, 55, 57, 61, 73... (nhà xây mới theo hướng thích nghi - địa số có sự thay đổi chủ sở hữu).

Theo thống kê, từ năm 1994 đến 06/2017, có khoảng 65 di tích ở đường NTMK được chủ di tích xin phép tu bổ, tôn tạo (kể cả các di tích trong kiệt, hẻm). Phần lớn các di tích chỉ được xin phép sửa chữa nhỏ, tu bổ lại theo hiện trạng như dặm dọi, lợp lại mái ngói âm dương, trảy tường tô trát lại, cải tạo nếp nhà sau. Thời gian gần đây, một số nhà loại 4 cải tạo (xây mới) toàn bộ nhà. (xem phụ lục 2)

Vậy đâu là nguyên nhân gây nên những sự biến đổi về hình thức kiến trúc của các di tích trên tuyến đường này?

Dễ dàng nhận thấy rằng, hiện nay gần như toàn bộ nếp nhà mặt tiền trên trục đường NTMK đều được sử dụng để trưng bày hàng lưu niệm, hoặc kinh doanh nhà hàng để phục vụ khách du lịch, thậm chí điều đó còn diễn ra bên trong khuôn viên một số nhà thờ tộc. Chủ di tích thay đổi hạng mục này, lắp dựng hạng mục kia, chung quy lại cũng chỉ phục vụ cho mục đích sử dụng nói trên. Du lịch mang lại nhiều lợi ích kinh tế, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập của người dân, tuy nhiên, nó cũng gây tác động không nhỏ đến văn hóa vật

thể (ở đây là các di tích kiến trúc) và văn hóa phi vật thể.

Qua khảo sát các thay đổi kiến trúc ở nếp nhà mặt tiền cụ thể nêu trên, ta có thể thấy nguyên nhân chính dẫn đến những thay đổi của di tích là do sự phát triển thương mại du lịch, kéo theo sự cải tạo, coi nói không gian, thay đổi công năng sử dụng. Một số di tích có thay đổi nhỏ như thay cửa sổ mặt tiền thành cửa đi, tháo dỡ lan can ở hiên trước để tạo mặt tiền thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán. Vì đây là các thay đổi nhỏ nên ít gây chú ý, nhưng điều đó lại âm thầm làm mất dần đi tính chân xác của di tích.

Nguyên nhân tiếp theo là sự thay đổi chủ sở hữu. Có thể do di tích xuống cấp nặng, chủ di tích không có khả năng tu bổ, tôn tạo, hoặc do ngôi nhà không đáp ứng được các tiện nghi của cuộc sống hiện đại nên mới tiến hành chuyển nhượng, mua bán. Người chủ sở hữu mới thường tiến hành tháo dỡ toàn bộ nhà cũ, xây dựng ngôi nhà mới phù hợp với mục đích sử dụng mà họ mong muốn (chủ yếu là để phục vụ kinh doanh) như nhà số, 55, 61, 73. Tuy nhiên, đây là các di tích loại III, loại IV, ít có giá trị kiến trúc, giá trị lịch sử, vì vậy, việc cải tạo, coi nói di tích theo hướng hài hòa với

kiến trúc chung của các di tích lân cận và hài hòa với cảnh quan tuyến phố có thể coi là phù hợp, chấp nhận được. Cũng lưu ý thêm rằng, nhiều chủ sở hữu mới không phải là người địa phương, ngoài việc thay đổi phần “xác” (hình thức kiến trúc), phần “hồn” (giá trị phi vật thể) của ngôi nhà cũng đổi khác là điều không thể tránh khỏi.

Trên đây chỉ là những nhận xét tổng quan về sự thay đổi kiến trúc trên tuyến đường NTMK dựa vào thay đổi ở nếp nhà mặt tiền, phần dễ nhận biết nhất. Để đánh giá chính xác hơn sự thay đổi của di tích, cần phải tìm hiểu thêm sự thay đổi hình thức kiến trúc ở các nếp nhà sau, nội thất, bố trí công năng, vật liệu sử dụng để tu bổ... và cả yếu tố phi vật thể của di tích.

Tóm lại, giống như nhiều tuyến đường khác trong KVI Khu phố cổ, các di tích trên tuyến đường NTMK được cấu thành phần lớn từ gỗ hiện đang bị xuống cấp, cần phải tu bổ, tôn tạo. Hơn nữa, việc thay đổi chủ sở hữu, thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi công năng của ngôi nhà cho phù hợp với nhu cầu cuộc sống hiện đại... dẫn đến việc nhu cầu sửa chữa, cải tạo di tích ngày càng tăng, việc di tích bị biến dạng là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, việc



Mặt tiền nhà số 45 Nguyễn Thị Minh Khai năm 1986 và năm 2016

tìm hiểu, đánh giá tình trạng biến dạng di tích, các nguyên nhân gây biến dạng trên tuyến đường NTMK nói riêng và các tuyến đường khác trong khu phố cổ nói chung là hết sức cần thiết để có những nhận định chính xác hơn, từ đó có những thay đổi, điều chỉnh quy chế quản lý, sử dụng, cấp phép tu bổ tôn tạo các di tích cho phù hợp, tiến đến đảm bảo tính nguyên trạng, chân xác của khu phố cổ

*** Tài liệu tham khảo:**

- Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (2006), Kiến trúc phố cổ Hội An – Việt Nam, NXB Thế giới.
- Hồ sơ lưu của Phòng Quản lý tu bổ Khu phố cổ (giấy phép tu bổ, tôn tạo; các số liệu thống kê về cấp phép; ảnh mặt tiền các di tích trên tuyến đường NTMK qua các năm).
- Ảnh chụp mặt tiền tuyến đường NTMK vào năm 1985 của bà Utsumi Sawako, giáo sư Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (Nhật Bản).

PHỤ LỤC 1

**Thay đổi nếp nhà mặt tiền
các di tích trên tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai**

(So sánh ảnh chụp mặt tiền di tích trên trục đường chính từ năm 1985 đến nay. Các di tích trong kiệt, hẻm không có đủ ảnh tư liệu nên chưa đủ cơ sở để so sánh sự thay đổi)

STT	Tên di tích	Giá trị bảo tồn	Hình thức sở hữu	Sự thay đổi hình thức kiến trúc mặt tiền
01	Nhà số 01	Loại IV	Tư nhân	Nâng tầng (từ nhà trệt thành nhà 2 tầng)
02	Nhà số 02	Loại II	Tư nhân	Không thay đổi
03	Nhà số 03	Loại II	Tư nhân	Không thay đổi
04	Nhà số 04 (Phùng Hưng)	Quốc gia (Đặc biệt)	Tư nhân	Không thay đổi
05	Nhà số 05	Đặc biệt	Tư nhân	Không thay đổi
06	Nhà số 06	Loại I	Nhà nước	Không thay đổi
07	Nhà số 07	Đặc biệt	Tư nhân	Không thay đổi
08	Nhà số 08	Loại I	Tư nhân	Không thay đổi
09	Nhà số 09	Loại II	Tư nhân	Không thay đổi
10	Nhà số 10	Loại I	Tư nhân	Thay đổi tường mặt tiền tầng 1 xây

				gạch sang mặt tiền vách gỗ dạng nhà 3 gian.
11	Nhà số 11	Loại I	Tư nhân	Không thay đổi
12	Nhà số 12	Loại II	Nhà nước	Thay đổi tường mặt tiền xây gạch, không có hiên sang mặt tiền vách gỗ dạng nhà 3 gian <i>(có hiên)</i> .
13	Nhà số 13	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
14	Nhà số 14	Loại II	Tư nhân	Không thay đổi
15	Nhà số 15	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
16	Nhà số 16 <i>(NT tộc Tăng)</i>	Đặc biệt	Tư nhân	Không thay đổi
17	Nhà số 17	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ phòng lõi xây tạm, mái tôn phía trước nhà. Thay 02 bộ cửa sổ 2 cánh ở 2 bên tường mặt tiền thành 02 bộ cửa đi 2 cánh
18	Nhà số 18	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
19	Nhà số 19	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
20	Nhà số 20	Loại III	Tư nhân	Hạ thấp bệ cửa sổ 2 bên mặt tiền
21	Nhà số 21	Loại III	Tư nhân	Cải tạo mặt tiền <i>(phòng lõi thành dạng nhà 3 gian có cột gỗ ở hiên)</i>
22	Nhà số 22	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ nhà trệt, xây nhà gác lửng
23	Nhà số 23	Loại I	Tư nhân	Không thay đổi
24	Nhà số 24	Loại III	Tư nhân	Thay đổi hệ cửa mặt tiền tầng 1, 2; thay đổi hình thức lan can hiên tầng 2 <i>(lam bê tông → sắt)</i>
25	Nhà số 25	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
26	Nhà số 26	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới <i>(tôn tạo)</i> : nhà 2 tầng, mặt tiền vách gỗ <i>(cửa bản ván xáng)</i>
27	Nhà số 27	Loại II	Tư nhân	Thay đổi tường mặt tiền xây gạch, cửa đi + cửa sổ pano lá sách, cửa ván xáng sang mặt tiền vách gỗ, cửa bản ván xáng <i>(phục hồi)</i>
28	Nhà số 28	Loại III	Tư nhân	Thay đổi hình thức tường rào, cổng ngõ
29	Nhà số 29	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi

30	Nhà số 30	Loại IV	Tư nhân	<i>(Đã giải tỏa)</i>
31	Nhà số 31	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
32	Nhà số 32	Loại IV	Tư nhân	Xây thêm chái phía trước tạo ki-ốt bán hàng lưu niệm
33	Nhà số 33	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
34	Nhà số 34	Loại III	Nhà nước	Thay đổi hình thức trụ hiên và sê nô thu nước <i>(sang nhà kiểu Pháp)</i>
35	Nhà số 35	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
36	Nhà số 36	Loại III	Nhà nước	Thay đổi hình thức trụ hiên và sê nô thu nước <i>(sang nhà kiểu Pháp)</i>
37	Nhà số 37	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ lan can và trụ hiên ở giữa
38	Nhà số 38	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
39	Nhà số 39	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
40	Nhà số 40	Loại IV	Tư nhân	Thay ngói móc bằng ngói âm dương; Xây thêm chái phía trước tạo ki-ốt bán hàng lưu niệm
41	Nhà số 41	Loại II	Tư nhân	Thay đổi mặt tiền vách gỗ dạng 3 gian, cửa thượng song hạ bản <i>(1985)</i> sang tường gạch, cửa pano gỗ.
42	Nhà số 42	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới <i>(tôn tạo)</i>
43	Nhà số 43	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ lan can ở hiên, thay đổi 01 bộ cửa đi + 01 bộ cửa sổ <i>(1985)</i> thành bộ cửa đi 4 cánh
44	Nhà số 44	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới <i>(tôn tạo)</i>
45	Nhà số 45	Loại III	Tư nhân	Nếp nhà hướng Đông: tháo dỡ lan can ở hiên. Nếp nhà hướng Tây: tôn tạo mặt tiền.
46	Nhà số 46 <i>(NT tộc Huỳnh)</i>	Loại I	Tư nhân	Xây thêm tường rào, cổng ngõ phía trước
47	Nhà số 47	Loại IV	Tư nhân	Nếp nhà hướng Đông: thay đổi hệ cửa mặt tiền

				Nếp nhà hướng Tây: không thay đổi
48	Nhà số 48	Loại III	Tư nhân	Tháo dỡ tường rào, cổng ngõ ở mặt tiền
49	Nhà số 49	Loại IV	Tư nhân	Các bộ cửa sổ (<i>tăng trệt</i>) biến đổi thành cửa đi
50	Nhà số 50	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới (<i>tôn tạo</i>)
51	Nhà số 51	Loại III	Tư nhân	Thay đổi hình thức lan can hiên, thay đổi vị trí lối vào chính
52	Nhà số 52 (<i>đình Cẩm Phô</i>)	Quốc gia (<i>Đặc biệt</i>)	Tập thể	Không thay đổi
53	Nhà số 53	Loại IV	Tư nhân	Xây nâng tầng nếp nhà hướng Đông
54	Nhà số 54	Loại IV	Tư nhân	Thay tường tô đá rửa, cửa kính, ngói móc bằng tường gạch, cửa gỗ, ngói âm dương
55	Nhà số 55	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới (<i>tôn tạo</i>)
56	Nhà số 56A	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới có gác lửng gỗ (<i>tôn tạo</i>)
57	Nhà số 56 (<i>miếu Ngũ Hành</i>)	Đặc biệt	Nhà nước	Xây thêm tường rào thấp, trụ cổng ở phía trước
58	Nhà số 57	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới (<i>tôn tạo</i>)
59	Nhà số 58	Loại II	Tư nhân	Không thay đổi
60	Nhà số 59	Loại IV	Tư nhân	Thay đổi vật liệu lợp mái, từ tôn sang ngói móc
61	Nhà số 60	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
62	Nhà số 61	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới, mặt tiền vách gỗ (<i>tôn tạo</i>)
63	Nhà số 62	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
64	Nhà số 63	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
65	Nhà số 64	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi

66	Nhà số 65	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới, mặt tiền vách gỗ (tôn tạo)
67	Nhà số 66	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
68	Nhà số 67	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
69	Nhà số 68	Loại IV	Tư nhân	Lắp thêm khung sắt phía trước tạo ki-ốt bán hàng lưu niệm
70	Nhà số 69	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
71	Nhà số 70	Loại IV	Tư nhân	Lắp thêm khung sắt phía trước tạo ki-ốt bán hàng lưu niệm
72	Nhà số 71	Loại III	Tư nhân	Hạ cốt nền 0,2m; thay nền lát xi măng bằng nền gạch đất nung
73	Nhà số 72	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
74	Nhà số 73	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ (BTCT 2 tầng), xây dựng nhà mới (mặt tiền vách gỗ 2 tầng) (tôn tạo)
75	Nhà số 75	Loại IV	Tư nhân	Không thay đổi
76	Nhà số 77	Loại III	Tư nhân	Không thay đổi
77	Nhà số 79A	Loại IV	Tư nhân	Tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới (tôn tạo)
78	Nhà số 79B	Loại IV	Tư nhân	Xây nâng tầng

PHỤ LỤC 2

Các di tích được cấp phép tu bổ, tôn tạo kể từ năm 1994 đến 6/2017

Bảng thống kê các di tích trên tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (thuộc khu vực I), kể cả các di tích trong kiệt, hẻm được cấp phép tu bổ, tôn tạo (giấy phép do UBND Thành phố, Phòng Quản lý đô thị và Trung tâm QLBT DSVH Hội An cấp) từ năm 1994 đến 06/2017 (sắp xếp theo số nhà từ nhỏ đến lớn, không theo trình tự thời gian cấp phép):

Năm	Các di tích được cấp phép tu bổ, tôn tạo		Tổng số lượt được cấp phép
	Dãy số lẻ	Dãy số chẵn	
1994	13, 37	22	03

1995	01, 47	08	03
1996	03, 25, 45, 79A	62	05
1997	27, 33	18, 44, 48, 56A	06
1998	05, 51, 63/2	10, 20, 44, 54B, kiệt (không rõ số nhà)	08
1999		02, 06, 10/3, 18	04
2000	13, 51	52 (đình Cẩm Phô)	03
2001	07, 31	04, 06, 8/2 (Nhà thờ tộc Nguyễn Tường), 10, 46, 62	08
2002	07, 15, 17, 67	12, 52, 56B	07
2003	05	20, 34, 36, 48	05
2004	05, 63/2	48	03
2005	63/2	04, 12, 8/2	04
2006	53, 71, 79A	8/2, 8/10, 10/1B, 42, 44	08
2007	21, 53, 57	10/10, 16	05
2008	37	20, 40	03
2009	37, 79A	02, 06, 10/5, 50, 68, 72	08
2010	73	02, 8B, 50	04
2011	07, 15, 25, 45, 49, 55, 61, 73	02, 28, 44, 42/2, 52, 56A, 70	15
2012	15, 31, 45, 61	26, 40, 56A, 62	08
2013	75	8/2, 68	03
2014	27, 33, 37	48, 54B	05
2015	21, 25, 71, 73	04	05
2016	01, 19, 51, 55, 61, 65, 79A		07
2017	67	56A	02
Tổng cộng:			132



VÀI SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG RỪNG DỪA BẢY MẪU

Nguyễn Cường

Di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu nằm trên địa bàn xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An. Di tích đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng cấp tỉnh vào năm 2008. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, với vị trí có ý nghĩa chiến lược và đặc điểm tự nhiên hiểm yếu, dễ phòng thủ, khó bị tấn công, nên Thị ủy và lực lượng vũ trang thị xã Hội An xây dựng nơi đây thành căn cứ cách mạng vững chắc, làm bàn đạp để tấn công địch trên toàn mặt trận Hội An, tiến lên giải phóng quê hương, hòa vào niềm vui chung của đất nước trong ngày đại thắng mùa xuân năm 1975.

Rất tiếc cho đến nay, do tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau làm cho các công trình liên quan của một căn cứ cách mạng ngày nào giờ đây hầu như không còn nữa. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực của cơ quan chuyên môn thành phố trong thời gian qua thông qua việc lập hồ sơ khoa học, khoanh vùng bảo vệ, đánh dấu vị trí ghi dấu sự kiện, đặt bia thông tin, ... nhưng có thể thấy đó mới là những công việc cần thiết để đảm bảo điều kiện phục vụ cho công tác quản lý di tích. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích cũng đã sớm được đặt ra thông qua khảo sát, đánh giá hiện trạng nhưng do tính chất đặc thù của di tích và những điều kiện cần thiết để triển khai nên hiện nay

vẫn chưa có những công trình/dự án được cụ thể hóa trên thực tế. Do đó trong bài viết này, bản thân xin nêu lên một số vấn đề với mong muốn góp thêm suy nghĩ về việc bảo tồn và phát huy giá trị đối với di tích này trong thời gian đến.

Thứ nhất, di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu có những điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị. Nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, cách khu phố cổ khoảng 4km, Rừng dừa Bảy Mẫu có địa hình bị chia cắt bởi nhiều kênh rạch tạo nên một hệ sinh thái tự nhiên khá phong phú; trong đó đặc trưng là cây dừa nước. Đây là một trong những điều kiện để Cẩm Thanh mà hạt nhân là Rừng dừa Bảy mẫu trở thành nơi đứng chân hoạt động của lực lượng cách mạng Hội An trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc. Với kẻ địch, chúng luôn xem đây là cái gai trong mắt cần phải nhổ bỏ. Chúng đã mở biết bao chiến dịch lớn nhỏ, gieo rắc biết bao bom đạn giày xéo lên mảnh đất này. Thế nhưng đất thép Cẩm Thanh với những con người kiên trung, bất khuất, đâu phải gánh chịu bao gian khổ, hy sinh vẫn đứng vững như sức sống mãnh liệt của cây dừa nước; kiên quyết đẩy lùi mọi bước tiến của kẻ thù để giữ lấy từng tấc đất quê hương. Thích ứng với điều kiện tự nhiên, qua mỗi giai đoạn đấu tranh, quân và dân ở đây đã có nhiều hình thức đấu tranh

thông qua sáng tạo nên nhiều loại vũ khí, nhiều công trình phục vụ sinh hoạt và chiến đấu. Vì thế bên trong di tích Rừng dừa Bảy Mẫu có rất nhiều loại hình được ghi dấu. Trước năm 1960, phong trào cách mạng ở đây chủ yếu là đấu tranh chính trị hợp pháp và bán hợp pháp nên loại hình phổ biến thời gian này là hầm bí mật của cán bộ, các hình thức thông tin liên lạc. Từ năm 1960 đến năm 1964, phong trào đấu tranh ở đây chủ yếu là xây dựng, phát triển cơ sở cách mạng, tiến hành đồng khởi giành chính quyền nên loại hình phổ biến thời gian này là cơ sở cách mạng, các loại hình ẩn nấp của cán bộ, địa điểm tổ chức và tiến công giành chính quyền. Từ năm 1964 đến năm 1968, phong trào cách mạng ở đây chủ yếu là xây dựng làng chiến đấu chống lại các cuộc càn quét của địch, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền nên loại hình phổ biến thời gian này là làng chiến đấu, nơi làm việc và sinh hoạt của các cơ quan thị xã, các địa điểm ghi dấu chiến công của ta. Từ năm 1968 đến năm 1975, phong trào cách mạng chủ yếu ở đây là phát triển chiến tranh du kích, chống địch càn quét tiến lên giải phóng quê hương nên loại hình phổ biến thời gian này là cơ sở cách mạng, địa điểm ghi dấu chiến công của ta. Như vậy, chúng ta thấy rằng, nội dung đề hướng đến thực hiện công tác bảo tồn đối với di tích Rừng dừa Bảy Mẫu là rất phong



Bia di tích lịch sử cách mạng Cơ quan Thị ủy Hội An

phú, xoay quanh mẫu hình về một căn cứ kháng chiến đặc thù không phải nơi nào cũng có được. Ngoài ra, Rừng dừa Bảy mẫu là hai trong số các di tích thuộc loại hình di tích lịch sử cách mạng ở Hội An (*cùng với di tích nhà lao Hội An hiện đã có dự án tu bổ, tôn tạo và đang được triển khai*) có giá trị lịch sử cao, có quy mô về không gian và hội đủ các điều kiện cần thiết khác: môi trường sinh thái, tiềm năng du lịch, định hướng phát triển của địa phương, ... để thực hiện việc bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của di tích.

Thứ hai, trong điều kiện hiện nay, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu được đặt ra cấp thiết. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hội

An lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp để phát triển văn hóa - xã hội của thành phố là “*tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch và xây dựng thành phố sinh thái*.”. Bộ phận di tích lịch sử cách mạng là thành phần trong giá trị di sản văn hóa chung của Hội An. Trong thời gian qua, việc đầu tư tu bổ, tôn tạo cho bộ phận di tích này còn tương đối hạn chế, hầu hết việc đầu tư cũng chỉ ở mức độ dựng bia ghi dấu. Điều này do nguyên nhân chủ yếu là đa phần di tích chỉ còn lại dấu tích ghi dấu sự kiện. Và, di tích Rừng dừa Bảy Mẫu cũng không nằm ngoài đặc

điểm chung đó. Tuy nhiên hiện nay, hoạt động du lịch ở Cẩm Thanh đang phát triển mạnh và chủ yếu dựa vào giá trị mang lại của Rừng dừa Bảy Mẫu. Nhưng việc khai thác này mới chỉ dừng lại ở thể mạnh về giá trị sinh thái (*cảnh quan, sông nước*) còn giá trị chính (*lịch sử cách mạng*) của di tích thì chưa được khai thác. Hơn nữa, trong điều kiện quá trình đô thị hóa đang diễn biến mạnh mẽ như hiện nay; nếu không thể triển khai một công trình/dự án bảo tồn và phát huy cho di tích thì sẽ rất khó, thậm chí không thể thực hiện được trong tương lai vì sẽ không có quỹ đất để thực hiện. Thậm chí các nhân chứng sống đóng vai trò rất quan trọng trong việc phục hồi sẽ lần lượt ra đi. Vì vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu được đặt ra cấp thiết hiện nay. Đây không chỉ là nhiệm vụ bảo tồn di sản mà còn là nhiệm vụ chính trị để giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho thế hệ mai sau trên mảnh đất Hội An anh hùng.

Thứ ba, cần phải tạo sự gắn kết giữa việc bảo tồn với phát huy giá trị di tích. Bảo tồn là mục tiêu chính nhưng đó chưa phải là cuối cùng mà còn phải hướng đến khai thác, phát huy nhằm giới thiệu giá trị di tích đến với đông đảo công chúng. Để làm công việc này nhất thiết phải có một quy hoạch tổng thể với việc lựa chọn phân khu, phân kỳ đầu tư cụ thể theo từng giai đoạn, nội dung thực hiện. Việc phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy mẫu hứa hẹn sẽ tạo sức hút lớn nếu có định hướng bảo tồn phù hợp giữa giá trị di tích với điều kiện môi trường sinh thái của địa phương hiện nay.

Thứ tư, xác định quan điểm, mục tiêu, nội dung bảo tồn và phát huy phù

hợp với giá trị và trong điều kiện, đặc điểm di tích hiện nay. Thiết nghĩ khi xác định quan điểm bảo tồn và phát huy di tích cần lựa chọn khoanh vùng vị trí đầu tư có trọng điểm để hình thành một khu di tích. Vị trí lựa chọn ở đây có sự gắn kết với không gian sinh thái rừng dừa và ít nhất đảm bảo các yếu tố: trong phạm vi khoanh vùng bảo vệ I của di tích; có diện tích rộng tương đối; thuận tiện đường giao thông; gắn với các di tích/dấu tích/sự kiện lịch sử của di tích; đồng thời phù hợp với các quy hoạch của địa phương và hạn chế tối đa việc giải tỏa, đền bù cho nhân dân. Trong việc phục hồi các hạng mục di tích có thể kết hợp nhiều hình thức để mô tả nhưng phải đảm bảo được tính khoa học, tính lịch sử. Nội dung thực hiện bảo tồn toát lên được quá trình sống, chiến đấu của quân và dân ta tại căn cứ Rừng dừa Bảy Mẫu, trong đó lấy giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ làm chủ yếu.

Có lẽ hình thức bảo tồn và phát huy phù hợp nhất đối với di tích là hình thành nên một bảo tàng ngoài trời có tính đặc thù. Ở đó sẽ thực hiện 2 chức năng: khu bảo tồn di tích lịch sử cách mạng ngoài trời (*chức năng chính*) và khu du lịch sinh thái gắn với cảnh quan rừng dừa. Về bảo tồn sẽ hình thành tổ hợp công trình chuyên đề về lịch sử đấu tranh cách mạng ngoài trời với nội dung phục hồi các công trình và hình thành nhà trưng bày truyền thống. Việc phục hồi sẽ lựa chọn thực hiện cho các loại hình tiêu biểu, trong đó chú trọng đến loại hình trú ẩn (*như hầm chữ T, hầm chữ A, hầm dừa, phen đôi...*), các loại chông (*như chông dừa, chông quay, chông hom, chông hầm, chông chữ thập, chông đập...*), công sự chiến đấu, lán trại mô tả cảnh hội họp, ở, canh trực, và các mô hình hố bom, mô hình làng chiến



đầu, mô hình bãi chôn, mô hình một trận chống càn. Mỗi công trình sẽ có khuôn viên riêng, có thuyết minh, giới thiệu cụ thể các nội dung liên quan. Việc bố trí các hạng mục công trình này đảm bảo theo chủ đề và hài hòa giữa các hạng mục với nhau. Kết hợp với đó là hình thành nhà truyền thống làm nơi trưng bày, giới thiệu hai chủ đề về truyền thống đấu tranh yêu nước cách mạng của quân và dân Cẩm Thanh (*sơ lược*) và về di tích Rừng dừa Bảy Mẫu (*chủ yếu*). Trong đó phần giới thiệu về di tích Rừng dừa Bảy Mẫu nhấn mạnh một số nội dung như: vị trí địa lý và đặc điểm của rừng dừa (*trong kháng chiến có vị trí chiến lược quan trọng của phong trào đấu tranh cách mạng ở Hội An và hiện nay là nằm trong vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An*), quá trình sống, chiến đấu của quân dân ta, các di tích/dấu tích tiêu biểu bên trong rừng dừa. Về phát huy sẽ hình thành các công trình phụ trợ

như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác phục vụ khai thác tham quan du lịch. Chúng tôi nghĩ rằng đầu có định hướng bảo tồn và phát huy nào đi nữa đối với di tích Rừng dừa Bảy Mẫu trước hết cũng phải trên cơ sở phục hồi các hạng mục vốn có của di tích.

Sẽ không ít khó khăn để cụ thể hóa vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên thực tế. Nhưng với ý nghĩa thiết thực của công việc này, hy vọng trong thời gian gần sẽ có một dự án/phương án khả thi triển khai thực hiện để có thêm một điểm tham quan du lịch lý thú; một điểm nhấn phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của địa phương; và quan trọng hơn là có một nơi lưu niệm về những tháng ngày gian khổ, hy sinh nhưng rất đổi trung kiên của con người và mảnh đất Cẩm Thanh để thế hệ con cháu mai sau tự hào và thêm gắng sức vun đắp cho quê hương ngày một thêm giàu đẹp ♦

HẢI THẦN TRONG TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI HOA Ở HỘI AN

Võ Văn Hoàng

Hải thần là một loại hình tín ngưỡng dân gian đã xuất hiện từ xa xưa ở Trung Quốc. Dưới thời nhà Tần (221 - 206 trước CN), người ta cho rằng, Hải thần vốn là một con cá to ở trong biển. Từ đời nhà Hán (203 trước CN - 220 sau CN) trở về sau, người ta có xu hướng nhân cách hóa nhằm chỉ một vị thần chủ, cai quản khu vực biển mà Tứ Hải Long Vương là một trong những Hải thần được người ta sùng bái nhiều nhất. Sau này, tại các vùng Phúc Kiến, Quảng Tây, Đài Châu,... của Trung Quốc rất thịnh hành việc sùng bái Thiên Hậu. Ngoài ra, tại một số địa phương ở Trung Quốc, người ta còn thờ những vị Hải thần khác, mang tính địa phương, quản lý khu vực biển không rộng, nhưng truyền thuyết về những vị thần này cũng hết sức sinh động.

1. Một số Hải thần trong tín ngưỡng người Hoa¹

1.1. Mặc Nương

Theo truyền thuyết dân gian của người Hoa còn lưu lại đến nay thì vào thời Ngũ Đại Thập Quốc (907 - 979), vợ của quan Đô tuần Lâm Duy Di ẩn cư ở cảng Hiền Lương (tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc), một hôm bất chợt nhìn thấy một luồng hồng quang chiếu sáng vào trong nhà, làm cho cả căn nhà phát ra những ánh hào quang rực rỡ, hương thơm tỏa ra ngào ngạt, xung quanh âm

âm rung chuyển tựa tiếng sấm xuân, vợ của Lâm Duy Di là Vương Thị sinh ra một hài nhi. Đứa bé gái này khi sinh ra không kêu, không khóc, đến lúc đầy tháng vẫn không cười, nên cha mẹ mới đặt tên là Mặc Nương.

Mặc Nương từ nhỏ đã rất thông minh, lanh lẹ, mẹ dạy cho cô đọc sách, biết lễ nghĩa, học và tụng kinh Phật. Bà thường dẫn cô đến trước Quan Âm để ngắm nhìn biển rộng, xem thiên văn. Đến năm bảy, tám tuổi, Mặc Nương có thể biết tinh tú, rõ tiếng con nước, lại còn có thể kể rất nhiều chuyện ly kỳ cổ quái. Lúc đó ở vùng đông nam duyên hải, nạn lụt liên tiếp xảy ra, hải nạn không ngừng, tiếng kêu than khổ sở của dân chúng ngút trời. Mặc Nương từ nhỏ đã hạ chí nguyện giải trừ tai nạn cho dân. Có lần tại một chiếc giếng cổ, cô được Quán Thế Âm Bồ Tát tặng cho một cái hộp gấm, trong đó có rất nhiều pháp bảo trấn yêu giải nạn. Từ đó về sau, cô bắt đầu dùng pháp bảo để tạo phúc cho dân nên nhân dân quanh vùng gọi Mặc Nương là Thần Cô.

Đến năm 28 tuổi, Mặc Nương tới bờ biển và cưỡi lên một đám mây màu vừa từ trên trời hạ xuống để bay lên trời. Tương truyền rằng, sau khi bay lên trời thành tiên, Mặc Nương vẫn luôn thác mộng, hiển linh giáng phúc cho dân. Người dân ở cảng Hiền Lương đã xây

một ngôi đền tại nơi Bà bay lên rồi đúc tượng để thờ cúng.

Hơn 1.000 năm trở lại đây, các nơi thuộc miền duyên hải và các bến cảng lớn nhỏ, hoặc những nơi ở hải ngoại có người Hoa sống tập trung, họ đều xây dựng miếu thờ Bà. Bà đã trở thành vị Hải thần phù hộ không chỉ trong tâm mắt của người Hoa ở vùng duyên hải Trung Quốc mà cả người Hoa ở hải ngoại.

1.2. Thiên Hậu Thánh Mẫu

Thiên Hậu được người Hoa gọi dưới nhiều danh xưng tôn quý khác nhau như: Thiên Thượng Thánh Mẫu (*Mẹ Thánh trên trời*), Mã Tổ Bà (*Bà Tổ*), A Phò (*Đức Bà, Đức Mẫu*),... Người ta cho rằng, Bà sinh vào thời Tống Kiến Long năm thứ nhất (960), là con gái thứ sáu của Lâm Nguyên - Đô tuần kiểm huyện Bồ Điền, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phúc Kiến (*Trung Quốc*). Tương truyền khi Bà mới sinh ra đã có những luồng ánh sáng và mùi hương thơm kỳ lạ xuất hiện, khi lớn lên bà rất hoạt bát và thông minh, đặc biệt Bà có thể cưỡi chiếu lướt trên biển cả, cưỡi mây ngao du khắp thiên hạ nên người ta gán cho Bà danh hiệu “Long Nữ”. Đến tuổi cập kê, rất nhiều người đến cầu hôn nhưng Bà lại không muốn lấy chồng. Đến thời Tống Ung Hy năm thứ 4 (987), khi sắp qua sinh nhật lần thứ 28, Bà nhờ mẹ giúp mình trang điểm thật lộng lẫy, sau đó ngồi trang nghiêm trên ghế và nhẹ nhàng nhắm đôi mắt lại. Mẹ Bà ngửi thấy mùi phấn hương kỳ dị tỏa ra lan rộng ngoài mây dậm, và một đoàn tiên nữ từ trên trời bước xuống dìu Bà bước lên đôi rồng và mất hút giữa bầu trời.

Nhiều truyền thuyết còn lưu lại đến ngày nay xoay quanh sự cứu rỗi của Bà. Việc thờ cúng Bà bắt đầu nảy sinh vào

cuối thế kỷ XI, về sau, đền miếu thờ Bà được người Hoa xây dựng ở khắp nơi. Vào năm Tuyên Hòa Tống Huy Tông năm thứ 4 (1122), một viên quan triều đình là Cấp sự trung Lộ Doãn Địch phụng mệnh đi sứ sang Triều Tiên, khi thuyền của ông gần đến My Châu thì sóng thần kéo tới, bỗng dưng Bà xuất hiện và dẫn con thuyền đi yên ổn, từ đó danh tiếng của Bà càng lan xa. Năm sau khi ông trở về, hoàng đế nhà Tống đã ban tặng cho ngôi đền của Bà tên “Thuận Tế Miếu”. Năm 1155, không rõ vì lý do gì bà được phong là Linh Huệ Phu Nhân. Công đức của Bà còn được nhắc đến khi cứu trận hạn hán năm 1187 và 1190 ở Trung Quốc. Năm Tống Quang Hy thứ 3 (1192), vì có công trừ trỉ bọn cướp biển mà Bà được thăng bậc từ tước Phu Nhân đổi thành tước Phi và vài năm sau Bà được phong Thánh Phi. Đến đầu thế kỷ XIII, Bà được cư dân vùng duyên hải nam Trung Hoa thờ tự nhiều. Trên tám bia đá được dựng năm 1228 tại đền thờ Bà ở Hàng Châu kể lại như sau: có một luồng sáng siêu nhiên bất chợt hiện trong đêm bên bờ biển My Châu, tất cả những người dân ở nơi đó đều mơ thấy một cô gái nói với họ: “Ta là nữ thần My Châu, phải để ta ở đây”. Sau sự kiện này, người dân lập một ngôi đền thờ Bà trên bãi biển. Đến năm 1278, hoàng đế Mông Cổ là Hốt Tất Liệt phong Bà chức Thiên Hậu. Đến thời Minh Thành Tổ Châu Đệ, Bà được phong là Thiên Phi. Đến thời Khang Hy nhà Thanh lại phong là Thiên Hậu, nên danh hiệu Thiên Hậu Thánh Mẫu còn lưu lại đến ngày nay...²

Hơn mười thế kỷ trôi qua, từ đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh và trải dài cho đến tận ngày nay, người Hoa đã thêm dệt lên rất nhiều câu chuyện về sự linh ứng của Bà và xây dựng nhiều đền miếu

để thờ tự Bà. Bà đã trở thành vị thần Biển, vị Hải thần luôn theo cùng con người trên các chuyến hải trình đầy gian nan, nguy hiểm.

1.3. Hải Tiên Hoa

Theo tương truyền, Hải Tiên Hoa vốn là con gái của một ông lão đánh cá ở bờ biển Bắc Đới Hà (*tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc*) mà người dân trong vùng gọi ông là Lão Đầu Cá. Sau khi sinh ra cô thì mẹ cô qua đời. Từ đó, Lão Đầu Cá ở một mình nuôi con.

Một hôm ông lão ra biển đánh cá, ông nhìn thấy trên ghềnh đá cạnh bờ biển mọc lên một bông hoa tươi đẹp, lá xanh non mơn mớn giống hệt đôi má của con gái mình nên ông đem hoa về tặng cho con và lấy tên hoa đặt tên cho con mình là Hải Tiên Hoa.

Hải Tiên Hoa lớn lên, khi cô mười sáu tuổi, dáng vẻ càng thanh tú, xinh đẹp. Ngư dân trên bờ biển Bắc Đới Hà đều yêu thích cô, mỗi khi cô đi tới đâu ai nấy đều hết lời khen ngợi. Lúc này ở trong vùng có một tên ngư bá là Hải Hòa Thượng, ngư dân ra biển đánh cá về phải nộp thuế cho hắn, những ngư dân không nộp đủ thuế đều phải đem con cái mình tới nộp để xuống biển săn tìm hải sâm cho hắn. Cách thức thu nhật hải sâm của Hải Hòa Thượng vô cùng độc ác, hắn bắt những đứa con gái nhỏ đi thu nhật hải sâm đến, dùng dây thừng buộc chặt vào cổ rồi mới thả xuống biển. Một là hắn sợ người ta ăn cắp những hải sâm đã thu nhật được. Hai là mỗi ngày những đứa bé này đều phải thu nhật một số lượng hải sâm nhất định, nếu không thu nhật đủ thì chúng chẳng được nghỉ ngơi.

Hải Tiên Hoa cũng là một trong số những cô gái bị bắt đi thu nhật hải sâm cho Hải Hòa Thượng. Một hôm, trên trời

nổi gió to, mây đen vần vũ, dưới nước sóng biển như những quả núi liên tiếp vỗ vào bờ, nước biển đục ngầu nhưng cô vẫn phải lặn mò hải sâm. Bất ngờ cô bắt gặp một viên Dạ Minh Châu, cô dùng nó làm đèn soi, đi đến đâu mặt biển liền gió yên sóng lặng. Cô đã mò được rất nhiều hải sâm, đem số hải sâm trao đủ thuế cho Hải Hòa Thượng, số còn lại cô đem bán lấy tiền mua gạo và thức ăn về cho cha.

Sau đó, Hải Hòa Thượng phát hiện cô có viên Dạ Minh Châu bèn tìm cách cướp của cô. Một hôm cô ra biển lặn tìm hải sâm về vừa chuẩn bị lên bờ thì bị người của Hải Hòa Thượng vây bắt. Cha cô và người dân trong làng bảo cô hãy chạy đi. Cô bèn nuốt viên Dạ Minh Châu vào bụng rồi lao mình ra biển. Hải Hòa Thượng cho người lên thuyền đuổi theo, lúc này bầu trời đang trong xanh bỗng nhiên mây đen từ đâu kéo đến, gió điên cuồng xô lên những đợt sóng lớn làm cho cả đoàn thuyền của Hải Hòa Thượng hoàn toàn bị lật úp và chết chìm trong sóng biển.

Về sau, người ta kể rằng, Hải Tiên Hoa vì nuốt ngọc minh châu nên đã biến thành thần. Nhân dân đã dựng lên một ngôi miếu Hải thần để thờ cô ở Kim Sơn Chũy. Ngày 18 tháng 4 hàng năm là ngày hội ở miếu Hải thần.

1.4. Hải thần ở eo biển Hàng Châu

Ở ven eo biển Hàng Châu (*tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc*), có một ngôi miếu Sắc Hải. Các cụ già nói, Hải thần được thờ cúng trong miếu vốn là một cậu bé có tám lòng tốt. Truyện kể rằng, từ rất xa xưa, tại một vùng phía đông thành huyện Hải Yên (*tỉnh Chiết Giang*) có thị trấn tên là Vọng Hải, trong trấn có rất nhiều gia đình sinh sống. Một hôm,

Tam Thái tử của Đông Hải Long Vương hóa thân thành con cá chép rất to đi rong chơi, vừa hay gặp nước triều rút nên bị mắc cạn trên bờ biển ở phía ngoài trấn Vọng Hải. Một người đánh cá nhìn thấy bèn đem về chặt thân cá thành hai khúc chuẩn bị nấu ăn. Vừa hay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ Tát trên trời nhìn thấy bèn dùng phát trần làm nổi lên một trận gió đưa Tam Thái tử bay ra biển. Hai mảnh cá vừa gặp nước bèn ráp lại với nhau và quẫy đuôi bơi đi.

Đông Hải Long Vương khi hay tin con bị như vậy bèn nổi trận lôi đình, thề sẽ dâng nước làm ngập chết hết cư dân trấn Vọng Hải. Quán Thế Âm biết vậy bèn biến thành một ông lão mù đi bán dầu để thử lòng người trong trấn. Nhưng người dân nơi đây thấy ông lão mù lòa nên họ nổi lòng tham, trả tiền thì ít nhưng múc rất nhiều dầu, có người lại không trả tiền,... Chập tối, ông lão mù ngao ngán tìm đến một ngôi miếu đồ nát ở ven biển để ngủ qua đêm. Bất giác ông thở dài và nói một mình: “Lẽ nào lại không có một người tốt ư?”. Đang thăm nói như vậy thì ở bên ngoài có tiếng gõ cửa, một cậu bé độ mười lăm mười sáu tuổi cõng trên lưng một bà lão. Cậu bảo đến để trả tiền dầu vì ban ngày mua dầu nhưng cậu không trả tiền, về nhà bị mẹ rầy la bắt phải đi trả nên cậu mới cõng mẹ tìm đến đây và nhất định phải trả tiền cho bằng được. Thấy vậy, cụ già thu tiền và nói cho cậu bé biết một bí mật, khi nào thấy mắt của con sư tử đá ở ven biển chảy máu thì lúc đó Long Vương sẽ dâng nước làm chết hết người dân trong trấn. Nhưng cụ chỉ nói cho cậu và mẹ cậu biết, nếu cậu nói cho bất kỳ người nào khác thì sẽ bị trời trừng phạt.

Một hôm, cậu bé thấy mắt của sư tử đá chảy máu, cậu bèn cõng mẹ chạy

đi, nhưng nghĩ đến người dân vô tội trong trấn, cậu bèn quay lại báo cho họ biết để chạy trốn. Sau đó, vừa ôm mẹ đặt lên một gò đất cao thì cậu bị nước biển cuốn đi. Người ta bảo rằng, do cậu có lòng thương người nên được Ngọc Hoàng đưa về trời và phong làm Hải thần quản lý một vùng Hải Yên ở trên mặt biển. Nhân dân đã xây lên một ngôi miếu ở ngay nơi cậu bé bị nước biển cuốn đi và gọi là miếu Sắc Hải.

2. Hải thần trong tín ngưỡng của người Hoa ở Hội An

2.1. Đôi nét về người Hoa ở Hội An

Người Hoa là một trong những dân tộc có mặt từ rất sớm ở cảng thị Hội An (*Quảng Nam*). Đây là một bộ phận dân cư có vai trò quan trọng trong việc hình thành cũng như phát triển Hội An trở thành một trong những đô thị thương cảng sầm uất vào bậc nhất của xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn sau này. Phần lớn người Hoa ở Hội An đến từ các vùng duyên hải Nam Trung Hoa như: Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam, Triều Châu... Đây là những cư dân có nhiều kinh nghiệm trong việc giao thương buôn bán trên biển. Dựa vào nhóm ngôn ngữ và địa phương gốc ở nguyên quán, họ sinh hoạt cộng đồng theo năm bang: Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam và Gia Ứng. Ngoài tổ chức quản lý chung là Ngũ Bang, mỗi Bang có tổ chức quản lý và thiết chế cộng đồng, tôn giáo tín ngưỡng riêng như: Hội quán Phúc Kiến, Hội quán Triều Châu, Hội quán Quảng Triệu, Hội quán Hải Nam,... Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, thì cộng đồng người Hoa ở Hội An có khoảng 669 người.

2.2. Tín ngưỡng thờ Hải thần của người Hoa ở Hội An

Từ xưa, Trung Hoa đã là một trong những quốc gia trên thế giới nổi tiếng về ngành hàng hải, đồng thời họ có nền thương nghiệp trên biển trải dài hàng nghìn năm qua. Những thương nhân Trung Hoa chỉ cần một chiếc thuyền nhỏ là có thể giong buồm ra khơi, tiến xuống các quốc gia ở khu vực miền Nam kiếm sống. Thời đó, phương tiện đi lại trên biển chủ yếu là thuyền buồm nên họ phải lên đèn trên biển hết tháng này qua tháng khác, trong khi đó biển cả thì bao la và nguy hiểm, còn con người thì nhỏ bé, họ không có một năng lực phòng thủ hiệu quả và phải luôn đối mặt trước sức mạnh của các thế lực siêu nhiên. Mỗi lần giong buồm đi/về, họ luôn cầu nguyện những vị thần mà họ tin rằng những vị thần đó có một khả năng siêu nhiên, có thể cứu giúp họ bất cứ lúc nào mà Hải thần - là vị thần gắn chặt trong tâm thức của họ.

Ở Hội An, việc thờ cúng Hải thần của người Hoa được duy trì từ trước đến nay tại Hội quán Trung Hoa³ và Hội quán Phúc Kiến⁴ cũng như tại nhà riêng của một số gia đình người Hoa. Vị Hải thần được thờ cúng tại đây là Thiên Hậu Thánh Mẫu. Tuy nhiên, qua câu chuyện Mặc Nương và Thiên Hậu Thánh Mẫu được chép trong *Bồ tát ngoại truyện* như tôi đã lược thuật ở trên có nội dung hầu như giống nhau, chỉ khác nhau ở một số chi tiết rất nhỏ, phải chăng Mặc Nương và Thiên Hậu Thánh Mẫu cũng chỉ là



Bàn thờ Thiên Hậu Thánh mẫu tại Dương Thương hội quán

một? Có thể do thời gian, những truyền thuyết về sự linh ứng của Bà tùy theo mỗi lúc, mỗi nơi mà người ta có những cách kể khác nhau chăng?

Trên linh vị thờ Bà tại Hội quán Phúc Kiến đã cho chúng ta biết khá rõ về lịch sử của Bà: “Thiên Hậu - người Bồ Đề ở tỉnh Mân (*Phúc Kiến*). Ông tăng tổ là Bảo Kiết Công, họ Lâm. Thời nhà Châu, ông tổ 5 đời làm chức Thống lĩnh Binh mã sứ, về ở ẩn tại cảng Hiền Lương ở Hải Tân. Tổ ngài làm chức Tổng quản ở Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến. Nói đến, cha là Duy Ý Công và mẹ là Vương Thị. Sinh ngài năm đầu Kiến Long nhà Tống, ngày 23 tháng 3. Khi sinh có nhiều điều thần dị. Lên tuổi 13 gặp vị đạo sĩ cho ngài “Linh trung bí

pháp”. Năm 16 tuổi dìm xuống giếng được điệp bùa và cảm phép linh thông biến hóa, đuổi tà, cứu thế. Quần chúng đều tôn làm “Thông Hiền Linh Nữ”. Thêm 13 năm sau (29 tuổi/tiết Trùng cửu - mồng 9 tháng 9 - lên núi My Châu và giữa ngày phi thăng lên trời). Sau đó giúp nước cứu dân linh hiển rõ ràng có nhiều thánh tích. Triều Tống gia phong ngài là “Linh huệ phu nhân”. Qua các triều Nguyên, Minh nhiều lần phong “Thiên Phi”. Đời Khang Hy (triều Thanh) sắc phong “Thiên Hậu”. Đời Ung Chính (triều Thanh) chuẩn cho các tỉnh được ký tế Xuân Thu. Từ Càn Long đến Gia Khánh được gia phong và truy phong cho cha là Tích Khánh Công và mẹ là Tích Khánh Phu Nhân được thiết lập bia phía sau điện để ký tế”.⁵

Còn trong *Toàn tập đồ chí linh tích Thiên Hậu Thánh Mẫu* cho rằng: “Thánh Mẫu là vị ngày trước nước ta (Trung Quốc) phương ngôn xưng là “Má Tô nương”. Cứ theo truyền thuyết thì Má là người đời Tống. Sau có lời ghi thuật cả làng, quận phủ, cha họ Lâm, mẹ họ Vương rất thành tâm thờ phụng Quan Âm Đại Sĩ, ra sức làm việc lành và thường cầu đảo Đại Sĩ, trên thiên không ban cho một hoàn thuốc, uống vào thì thọ thai. Thời Kiến Long nhà Tống, ngày 23 tháng 3 năm Mậu thân sinh ngài ở cảng Hiền Lương. Đêm sinh ngài ánh sáng đầy nhà, đất biến đủ màu. Đầy tháng mà không có một tiếng khóc, nhân đó mà cha mẹ đều gọi là “con câm”. Tám tuổi thì mở miệng đọc sách, không quên một chữ. Đến 10 tuổi thì rất tin Phật. Lúc tuổi 16 thì ngẫu nhiên dìm xuống giếng xưa bỗng thấy xuất hiện một vị thần tiên trao cho ngài cái đồng hồ. Từ đó Má được thuật thông linh song hóa và rồi đi vân du giúp người cứu thế rất nhiều, không kể xiết. Năm 29 tuổi

thành đạo lên trời, nhân dân đều ngưỡng mộ thánh linh mới lập miếu thờ mà gọi tên ngài là ‘Thông Linh Hiền Nữ’. Do đó, mà từ các triều Tống - Nguyên - Minh - Thanh đều có sắc phong ban tặng làm Thánh Mẫu oai linh. Thời thường, ngài bảo hộ cho các tàu thuyền vận tải vượt biển, khi có bão táp phong ba hễ ai cầu đảo, vái van thì được giúp đỡ bình an, nhiều lúc đánh bọn giặc cướp, khi cho thấy mộng báo trước. Trên đường đi cũng được hiển hiện để trừ giặc cướp. Nhờ oai trù hung, diệt bạo mà triều đình tấn phong không biết mấy lần. Lòng từ bi tế thế của Thánh Mẫu bốn biển dương oai, năm châu sùng ngưỡng nên các vị tiền bối tín chủ mới in ra ghi linh tích của Thánh Mẫu để sau cho hậu thế”.⁶

Tại Hội quán Trung Hoa và Hội quán Phúc Kiến, người Hoa thờ Bà trang trọng ở gian chính giữa của hội quán, cung thờ Bà được trang trí lộng lẫy với các bao lam được sơn son thếp vàng và chạm trổ hoa văn tinh xảo, bên trong đặt tượng của Bà. Tượng của Bà thể hiện hình dáng của một người phụ nữ đang ngồi, khuôn mặt đầy đặn phúc hậu, bên ngoài khoác chiếc áo choàng màu đỏ, thêu kim tuyến, đầu đội mũ cửu long, tay cầm bài vị. Hai bên Bà có tượng của hai thuộc hạ là Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhĩ, giúp Bà nhìn xa ngàn dặm và nghe thấy tiếng kêu cứu từ ngàn dặm để kịp thời ứng cứu.

Tại những nơi thờ Bà, người Hoa đi lễ hầu hết các ngày trong tháng. Nhưng ngày vía Bà (ngày 23 tháng 3 âm lịch) được xem là ngày hội lớn của cộng đồng người Hoa ở Hội An. Vào những ngày này, mọi người trong và ngoài Bang Hội đem lễ vật và nhang đèn đến cầu cúng rất đông. Đây được xem là dịp để cộng đồng người Hoa có dịp gặp gỡ

nhau, cùng nhau ôn lại những chuyện đã qua, đồng thời nhắc cho lớp trẻ nhớ đến nguồn gốc của quê hương dân tộc, đồng thời bàn bạc phương hướng giúp đỡ những người trong Bang Hội đang gặp cảnh khốn cùng,...

Ngay từ chiều ngày 22 tháng 3 âm lịch, trong khuôn viên của Hội quán Phúc Kiến và Hội quán Trung Hoa, người ta trang hoàng hàng trăm chiếc đèn lồng, cờ hiệu của ngày vía với nhiều kiểu dáng và màu sắc rực rỡ từ trong ra ngoài. Quan trọng nhất là lễ tắm Bà và dâng lên Bà những bộ trang phục, những đồ trang sức mới. Trong lễ tắm Bà, người ta dùng một chiếc khăn mới, mềm, sạch nhúng vào nước và lau bụi bám trên thân tượng. Sau đó, thay cho Bà bộ áo mới đẹp nhất được chọn trong số những bộ quần áo mà những người đem tới dâng cúng.

Đến ngày 23 tháng 3 âm lịch, người ta tổ chức lễ chính theo nghi thức cổ truyền gắn với tập quán của người Hoa Phúc Kiến. Một số lễ vật có nguồn gốc từ tỉnh Phúc Kiến được bày biện để dâng cúng Bà như: bún xào Phúc Kiến, bánh bao Phúc Kiến, cơm Dương Châu, vịt tiềm bát bửu, khoai nhục,... Ngoài ra còn phải có cá, giò heo, gà, vịt, cua đã được nấu chín và kèm theo heo quay. Buổi lễ diễn ra, tất cả những người tham dự đều đứng nghiêm, sau đó người chủ tế và bồi tế bước vào vị trí của mình. Lúc này chiêng trống được đánh vang, người ta dâng lên hương, rượu, heo quay và sau đó hướng về điện thờ Bà vái lạy 3 lạy. Lúc này người chủ tế đọc văn tế. Sau khi đọc văn tế xong, người ta tiến hành đốt vàng mã rồi lại hướng về điện thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu vái tạ ba lạy, như vậy là nghi lễ đã hoàn thành. Sau

đó, người ta xin xăm, xin lộc, vay vốn Bà để làm ăn, cầu tự, cầu tài,...

Sau *phần lễ* là *phần hội* diễn ra, tiệc chiêu đãi tân khách được dọn trong khuôn viên của hội quán, đồng thời cũng diễn ra các hoạt động khác như liên hoan văn nghệ, xổ số cầu may, bán đấu giá lồng đèn, biểu diễn múa lân sư rồng,... để thu tiền làm những công việc từ thiện,... Lễ vía Thiên Hậu không chỉ thu hút cộng đồng người Hoa, người Việt ở Hội An mà còn thu hút đông đảo bà con các địa phương lân cận cũng như du khách trong nước và quốc tế tham dự.

Trước đây ở Hội An còn diễn ra lễ rước kiệu Thiên Hậu đi qua các ngõ phố trong tiếng nhạc bát âm rộn ràng, đây là dịp để cho bà con người Hoa chiêm ngưỡng và cầu mong những điều may mắn sẽ đến với mình và gia đình. Vào dịp này, trước những ngôi nhà của đồng bào người Hoa được giăng đèn, kết hoa, đốt pháo, lập bàn hương án để nghinh đón Bà rất trang trọng. Nhưng sau năm 1975, vì nhiều lý do nên hình thức rước kiệu này không còn nữa, đây cũng là một điều hết sức đáng tiếc mà đến nay vẫn chưa phục hồi lại.

*

* *

Có thể nói, Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị Hải thần trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Trung Hoa được thờ tự ở rất nhiều nơi trên thế giới. Ở Hội An, tín ngưỡng thờ Hải thần của cộng đồng người Hoa cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Trải theo thời gian, trong tín ngưỡng Hải thần của người Hoa ở Hội An đã có những nét văn hóa mới, tạo nên sự phong phú đa dạng của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng tộc người cùng sinh sống

trên mảnh đất Hội An trong suốt những thế kỷ qua. Hiện nay ở Hội An, ngày vía Thiên Hậu Thánh Mẫu không chỉ dành riêng cho bà con người Hoa mà đã trở thành ngày hội chung, thu hút đông đảo dân cư Hội An, du khách trong nước và quốc tế tham dự❖

Chú thích

¹ Những câu chuyện trong phần này được trích lược từ *Bồ tát ngoại truyện* (Dương Thu Ái - Nguyễn Kim Hanh dịch), (Hà Nội: Văn hóa Thông tin, 2003), 433-446.

² Herri Maspero, *Đạo giáo và các tôn giáo ở Trung Quốc* (Lê Diên dịch), (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 2000), 258.

³ Hội quán Trung Hoa còn gọi là Dương Thương Hội quán, chùa Bà, chùa Ngũ Bang, trường Lễ Nghĩa,... được xây dựng khoảng năm 1741 gồm: nhà tiền điện, chánh điện, tả vu và hữu vu. Bên trong chánh điện có khám thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu - vị Hải Thần theo quan niệm của người Hoa. Ngoài ra, còn thờ Thiên Lý Nhân, Thuận Phong Nhĩ và mô hình thuyền buồm, đây là mẫu thuyền ngày xưa được người Hoa sử dụng làm phương tiện hàng hải giao thương buôn bán. Đồng thời cũng là nơi sinh hoạt tín ngưỡng và hội họp chung của năm bang: Phúc Kiến, Triều Châu, Gia Ứng, Hải Nam và Quảng Đông.

⁴ Hội quán Phúc Kiến còn gọi là chùa Phúc Kiến, được khởi công xây dựng vào năm 1757, có kiến trúc hình chữ Tam (三). Khu vực chính gồm tiền điện, nhà Đông Tây, chính điện và hậu điện theo kiểu nội công ngoại quốc. Trong chính điện thờ tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu - vị Hải Thần có công cứu giúp những người bị nạn trên biển được đại đa số người Hoa thờ cúng. Trước tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu, bên trái đặt mô hình thuyền buồm, đây là mẫu hình thuyền của thương nhân người Hoa từng sử dụng để vượt biển buôn bán.

5. Bản dịch của Nhà Nghiên cứu Nguyễn Bội Liên. Hội An, ngày 15 tháng 3 năm 1992.

6. Bản dịch của Nhà Nghiên cứu Nguyễn Bội Liên. Hội An, ngày 10 tháng 3 năm 1992.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn An. 2005. *Di sản văn hóa nghệ thuật dân gian Hội An*. Hội An: Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An.

2. Cristophoro Borri. 1998. *Xứ Đàng Trong năm 1621* (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch và chú thích). Thành phố Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Bồ tát ngoại truyện* (Dương Thu Ái - Nguyễn Kim Hanh dịch). Hà Nội: Văn hóa Thông tin, 2003.

4. Tô Nam Nguyễn Đình Diêm. “Minh Hương lược khảo”. *Văn hóa Á Châu*, 5/1958.

5. Herri Maspero. 2000. *Đạo giáo và các tôn giáo ở Trung Quốc* (Lê Diên dịch). Hà Nội: Khoa học Xã hội.

6. Châu Hải. 1992. *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.

7. Nguyễn Văn Huy. 1993. *Người Hoa ở Việt Nam*. France: Paris.

8. Vương Kiến Huy - Dịch Học Kim (Chủ biên). 2004. *Tình hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*. Hà Nội: Thế giới.

9. Diệp Truyền Hoa. 1997. *Hội An kim tích*. Hội An: Hội quán Trung Hoa.

10. Trần Kinh Hòa. “Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An”. *Việt Nam Khảo cổ tập san*, Sài Gòn, số 1/1961; 3/1962.

11. Trần Kinh Hòa. “Phổ người Đường ở Hội An vào thế kỷ XVII, XVIII và nền thương nghiệp của nó”. *Tân Á học báo*, 3(1) Tân Gia Ba, 1957.

12. Tsai Maw Kuey. 1968. *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*. Paris - Thư viện Quốc gia.

13. Nguyễn Quốc Hùng. “Vài nét về di tích trong khu phố cổ Hội An”. *Văn hóa nghệ thuật*, số 8 năm 1998.

14. Nguyễn Chí Trung. 2005. *Cư dân Fajfo - Hội An trong lịch sử*. Hội An: Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An.

MỘT SỐ TẬP TỤC Ở HỘI AN LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÂY CỐI

Trần Phương

Thờ cúng cây cối là một trong những hình thức tín ngưỡng đã có từ lâu đời trên đất nước Việt Nam và tồn tại cho đến ngày nay. Đây là một loại hình tín ngưỡng biểu hiện sự gắn bó mật thiết giữa con người với tự nhiên và thể hiện cho quan niệm tín ngưỡng “vạn vật hữu linh” của người dân Việt Nam. Tại những cây cổ thụ, người ta luôn tin rằng đây là nơi ngự trị của thần linh và các linh hồn bơ vơ không nơi nương tựa, đặc biệt những cây nào càng già cỗi, tán to, rậm rạp thì càng gắn bó nhiều với thần linh. Vào những ngày rằm, ngày mùng một, người dân thắp hương để tỏ lòng tôn kính các vị thần linh hoặc cầu cho những linh hồn bơ vơ không đi lang thang quấy nhiễu dân làng. Thậm chí người ta không dám chặt nhánh hay rẽ cũng như thân cây, không để cho trẻ con leo trèo, phá phách cây vì sợ sẽ làm thần nổi giận.

Tín ngưỡng thờ cúng cây cối, tùy theo đặc thù mỗi vùng miền mà có những đặc điểm khác nhau về đối tượng, hình thức, ý nghĩa thờ những loài cây khác nhau. Trong đời sống văn hóa tín ngưỡng từ xa xưa của người Việt Nam, tín ngưỡng thờ cúng cây cối đã được thể hiện qua câu chuyện Mộc tinh trong tác phẩm Lĩnh Nam chích quái, quyển sách được viết bằng chữ Hán vào thời nhà Trần, chuyện kể về một cây lớn thành tinh gây những nhiễu dân lành, người

dân phải lập đền thờ và hằng năm phải cống nạp lễ vật thì cây mới để người dân yên ổn sinh sống. Người Việt còn thờ Mẫu Thượng Ngàn trong Đạo Tứ Phủ, một vị nữ thần cai quản rừng cây lớn, người ta phải làm lễ cúng và trồng cây để gọi là “trả lại bà Chúa”. Cũng trong Lĩnh Nam chích quái, với câu chuyện về Man Nương cho thấy tín ngưỡng thờ cây cối có sự liên quan đến yếu tố Phật giáo, chuyện kể: “vào thời Hiến Đế nhà Hán, quan thái thú là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là Thiên Đức Giang). Phía Nam thành đó có chùa thờ Phật, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già-la-đồ-lê trụ trì ở đây, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo. Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học đạo Phật, nhưng vì ả có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách tứ phương tới học. Một đêm vào tháng năm, đêm ngắn, tăng đồ tụng kinh đến lúc gà gáy. Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng đồ tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo. Man Nương bèn nằm tựa ở trong cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng đồ tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa, sư Già-la bước qua mình Man

Nương. Man Nương tự nhiên mang thai. Có thai được ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già-la cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đây tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già-la mà trả. Đêm đến, sư Già-la bế đứa con gái tới ngã ba đường thấy một cây phù dung cành lá xum xuê, có một cái hốc sâu mà sạch sẽ, sư đặt đứa trẻ vào mà nói: "Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo". Già-la, Man Nương từ già ra về, Già-la cho Man Nương một cây trượng mà bảo: "Ta cho nàng vật này, nàng về nhà nếu gặp năm đại hạn thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân". Man Nương cung kính bái lĩnh mà về ở trong chùa. Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuộn cuộn chảy ra, dân được nhờ ơn. Khi Man Nương ngoài chín mươi tuổi là lúc cây phù dung bị đổ, trôi ra ở bên sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bỏ làm củi nhưng rìu nào cũng đều bị gãy,

bèn đưa hơn ba trăm người trong làng ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Chúng đều ngạc nhiên, bảo Man Nương kéo lên bờ sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đứa con gái thì thấy đã hóa thành một tảng đá rất rắn. Tốp thợ lấy rìu đập tảng đá, rìu đều bị mẻ. Họ liền vứt đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên, hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bốn thợ đều chết cả. Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng. Sư Già-la đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Long, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật mẫu. Ngày 4 tháng 4, Man Nương không bệnh mà chết, táng ở trong chùa. Người đời lấy ngày này làm ngày sinh của Phật. Hàng năm, tới ngày ấy, nam nữ bốn phương thường tụ hội ở chùa này



Cây đa ở An Bàng – Cẩm An

vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật”.¹

Đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, có nhiều câu chuyện thần thoại lưu truyền từ bao đời nay về tập tục thờ cúng cây cối. Người Mường luôn tôn thờ cây si là tổ tiên của mình qua câu chuyện cây si thần bị bão làm gãy đổ, trong đó bay ra hai con chim lớn là Ác Các Ủa Quê (Hay Ay và Ua), chúng bay đến làm tổ ở động Hào và đẻ ra một trăm trứng, trong đó có ba cái to lớn dị thường. Có một vị thần bày cho họ cách ấp trứng, sau 50 ngày có 97 trứng nở ra người, trong đó có 50 người đi về mạn đồng bằng thành người Kinh, còn 47 người lên mạn ngược thành tổ tiên các dân Lào, Mường, Mán, Thổ... Còn lại ba trứng ấp đủ 100 ngày nở ra ba người gồm có hai trai một gái. Tá Cần lấy em gái của mình làm vợ, họ sinh ra những đứa con nhưng chúng đều lần lượt chết đi. Tá Cần lấy vợ mới là Bà Chu Bà Chuông đẻ được 18 người con. Trong số 9 người con trai có một người nối công việc của cha, còn 8 người khác thành bốn họ Đinh, Quách, Bạch, Hoàng chia nhau làm Lang các nơi. Còn 9 người con gái trở thành vợ các Lang.² Bên cạnh đó còn có một thần thoại khác lại kể rằng cây si là cây nhờ mặt trời truyền sức sống đã trở thành bất tử, cây toả lá chia cành đến đâu là đất Mường lan đến đó. Cây hoá thành Bà Dần - Mẹ khởi nguyên, bà Dần đẻ ra hai người con trai là Bướm Bạc và Bướm Bờ, về sau lấy hai người con gái trời và sinh ra các chúa Mường, đẻ ra chim Tùng chim Tót, sau chim đẻ ra trứng,

trứng nở thành muôn loài. Bà Dần cũng là nữ thần dạy con người cách làm ăn.³ Có thể thấy được biểu tượng cây vật tổ và cây vũ trụ trong thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam đã thể hiện ý niệm về tổ tiên, nguồn gốc các tộc người. Leopold Cadiere cho rằng: “*Theo quan sát dân tộc học thì những cây được tôn sùng là cây vật tổ và cây vũ trụ đều là những loài cây to lớn, có độ tuổi cao (cây cổ thụ), có hình dáng độc đáo, thân cây thì chằng chịt, đan mắc vào nhau, có khi lại tách ra, xé lẻ để rồi lại nối sát vào nhau; có cây thì thân hình khúc khuỷu, cành vượn vẹo uốn quanh, rễ treo lủng lẳng như một dải tóc lưng lưng trên không, tán lá sà quét xuống đất rồi lại vươn xa, phủ bóng dày đặc bí ẩn. Chính kích thước to lớn của cây, tuổi thọ lâu dài, hình thù kỳ lạ và sự vươn lên bầu trời một cách kỳ vĩ, đầy sức mạnh đã tạo ra cho các cây ấy có một quyền lực siêu nhiên, nhiệm mầu. Do đó trong trí tưởng của con người, họ dễ dàng gán cho một chút gì đó nhiệm mầu đủ để biến cây từ một thể giới tự nhiên bổng nhạp vào một thể giới siêu nhiên.*”⁴ Nhìn nhận theo góc độ siêu hình thì trong mỗi thực thể cây cối đều có hồn, đặc biệt là những cây có kích thước to lớn, hình thù kỳ dị thường được gắn liền với thần⁵. Nhìn nhận về tín ngưỡng thờ thần, Đào Duy Anh có nhận định rằng: “*trong sự tín ngưỡng quỷ thần của dân chúng, còn có một thứ thần rất phổ thông ta có thể gọi là thần tự nhiên (esprits de la nature) để*

¹ Trần Thế Pháp (2013), *Lĩnh Nam chích quái* - Thành phố Hồ Chí Minh; NXB Trẻ - Hồng Bàng; Ttr. 85-86.

² Nguyễn Đồng Chi (1956), *Lược khảo thần thoại Việt Nam* - Hà Nội; NXB Ban nghiên cứu văn sử địa; Ttr. 67-68.

³ Tạ Đức (1999), *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc - biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn* - Hà Nội; NXB Hội Dân tộc học Việt Nam; Tr. 174.

⁴ Leopold Cadiere (2010), *Văn hoá, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt tập 2* (Đỗ Trinh Huệ duyệt) - Huế; NXB Thuận Hóa - Tr. 69.

⁵ Tạ Chí Đại Trường (2014) *Thần, người và đất Việt*, NXB Tri Thức, công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam - Tr.49.

phân biệt với các hạng quỷ thần đã kể ở trên, tức như thần đá thần cây. Người ta tin rằng có nhiều hòn đá có thần ở, nhất là những hòn đá kỳ hình quái tượng ở hang động hay ở trước cửa đền chùa, hoặc những hòn đá ở giữa ghềnh hoặc ở bờ biển thường nguy hiểm cho ghe thuyền. Những cây đa, cây đề, cây si, cây thị, cây đại là những cây hay có thần ở, người ta thường gọi là tinh (mộc tinh). Những con tinh ấy có khi không phải là thần tự nhiên, mà lại là linh hồn của những người con gái chết phải giờ thiêng, thường hay hiện hình ra để chọc ghẹo con trai”.¹ Vì thế, trong dân gian có câu: “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề”; hay “Cây thị có ma, cây đa có thần”; “Ở cho phải phải phân phân/Cây đa cây thần, thần cây cây đa”. Có thể nói, khi đứng trước những cây đại thụ to lớn, trong suy nghĩ con người có phần sùng bái vì con người tin rằng trên những cây đó có thần hay ma quỷ trú ngụ nên họ đã thờ phụng, cúng lễ để không bị quấy phá mà được che chở trong cuộc sống thường ngày. Không chỉ tôn thờ, sùng bái những cây đại thụ to lớn mà người Việt còn có tập tục thờ những cây cối gần gũi với đời sống hằng ngày của con người, chẳng hạn như tục thờ cây mía trong dịp Tết Nguyên Đán. Người ta thường chọn hai cây mía to cao còn nguyên phần rễ và lá dựng hai bên bàn thờ gia tiên. Giải thích về tập tục này, có nhiều ý kiến khác nhau nhưng cách lý giải phổ biến trong dân gian đó là từng đốt mía như nấc thang để hồn leo lên trời đến cõi siêu sinh và hai cây mía như là cây gậy để ông bà chống gậy tìm về sum họp với con cháu trong ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Tại Hội An, vùng đất nằm ở vị trí vùng cửa sông - ven biển, thuộc hạ lưu, tả ngạn sông Thu Bồn, là đầu mối giao thông đường thủy của cả hệ thống sông ngòi ở Quảng Nam. Từ hơn 2.000 năm nay, Hội An đã và đang là nơi giao lưu kinh tế - văn hóa mạnh mẽ giữa các cộng đồng, các dân tộc khác nhau qua các thời kỳ lịch sử, từ đó tạo nên một hệ thống tín ngưỡng đa dạng. Trước khi lưu dân người Việt đến đây sinh sống, nơi đây thuộc địa phận của vương quốc Champa. Đến năm 1306, sau sự kiện hôn nhân giữa Huyền Trân công chúa và vua Champa là Chế Mân, khu vực Hội An đã là một phần lãnh thổ của nhà nước Đại Việt nhưng thực tế người dân Đại Việt vẫn chưa thể đến đây định cư. Đến năm 1402, sau khi vua Champa là Ba - Đích - Lại dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy Động, Hồ Quý Ly chia làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt An phủ sứ bộ Thăng Hoa để cai trị, lệnh cho những người dân không có ruộng di cư đến vùng đất mới, đặc biệt là cuộc di dân năm 1471 theo cuộc viễn chinh của vua Lê Thánh Tông. Việc di dân, lập làng ở Hội An tiếp tục diễn ra mạnh mẽ sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558, đến năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam và đến năm 1602 cho lập Trấn Dinh Quảng Nam. Qua những đợt di dân này, người Việt đến định cư tại vùng đất Hội An ngày càng nhiều, những người này phần lớn gắn liền với đời sống nông nghiệp, mà cuộc sống nông nghiệp thì không tránh khỏi việc ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, đất đai... Những trắc trở của thiên nhiên khiến cho con người không khỏi có ý niệm về yếu tố thần linh chi phối. Mỗi khi cảm thấy bất an, con người đều đi tìm sự bình an bằng đời sống tâm linh. Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên,

¹ Đào Duy Anh (1992) Việt Nam Văn hóa Sử cương, NXB Thành phố Hồ Chí Minh - Tr.249.



Thờ tự ở cây đa bia yêm

Thành hoàng, thờ Cá Ông, thờ Tiên hiền,... của người Việt hay tục thờ Quan Công, Thiên Hậu Thánh mẫu, Bắc đẩu Trấn Võ, Mã Viện, Lục tánh Vương gia,... của người Hoa và thờ cả Linh Cậu (*chó thần*), Thần Hàu (*khỉ thần*) theo tín ngưỡng tô tem của người Nhật thì tín ngưỡng thờ cúng cây cối cũng là một trong những niềm tin của cư dân Hội An, tất cả đều mong muốn được sự chở che, cứu giúp họ vượt qua những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống ở một vùng đất mới, nơi mà phong tục, thổ nhưỡng còn khá xa lạ.

Trong quá trình di cư đến vùng đất Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng, vùng đất xưa của người Champa, những lưu dân Việt đã dần thích nghi và hòa nhập với hoàn cảnh và môi trường mới, một nơi vừa khác biệt về phong tục tập quán vừa khác biệt về điều kiện thổ nhưỡng. Để tồn tại được và phát triển đời sống, những lưu dân người Việt bắt buộc phải thích ứng với những phong

tục mới. Theo Li Tana: “Người Việt Nam đã bị chi phối rất nhiều bởi phong tục của người Chăm. Sống trong vòng ảnh hưởng của bùa, phép, thư, ếm rất linh ứng, người Việt bị bắt buộc phải theo các tục lệ hoặc phương thức thờ cúng của người Chiêm Thành”.¹ Tuy nhiên, những lưu dân người Việt trong quá trình sinh sống đã khéo léo dung hòa giữa những phong tục, tín ngưỡng truyền thống với phong tục tín ngưỡng dân cư bản địa, từ đó vừa gìn giữ được những phong tục tín ngưỡng truyền thống vừa góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng các hình thức tín ngưỡng. Người Champa tôn thờ cây cau và cây dừa, tuy nhiên họ lại kiêng cử không trồng các cây cao lớn ở trong làng và gần nhà vì người ta cho rằng đó là nơi ở của ma quỷ, nếu trồng cây trong làng hoặc gần nhà thì chúng sẽ quấy nhiễu cuộc sống của dân làng. Trong khi đó, những lớp lưu dân người Việt sinh sống tại đây mặc dù bị chi phối bởi phong tục của người Champa nhưng họ có sự tiếp nhận một cách có chọn lọc nhằm gìn giữ tín ngưỡng truyền thống của mình, điều đó thể hiện qua việc người Việt vẫn trồng và tôn thờ những cây cao lớn trong làng, tiêu biểu ở đây là cây đa. Cây đa là hình tượng biểu hiện cho sự trường tồn, sức sống dẻo dai, thường được trồng ở vị trí đầu làng, cuối làng, giữa làng và bên cạnh các di tích tín ngưỡng. Những cây đa xanh tốt tỏa bóng làm cho các di tích trở nên linh thiêng hơn, con người khi bước đến di tích cũng cảm thấy được thư thái hòa đồng hơn với thiên nhiên. Không những vậy, cây đa còn gắn liền với biểu tượng của làng quê truyền thống Việt Nam “*cây đa, bến nước, sân*

¹ Li Tana (1999) Xứ Đàng Trong, Hồ Chí Minh; NXB Trẻ - Tr.196.

đình”. Ở Hội An, trong mỗi đình, chùa, miếu, lăng hầu như đều có những cây cối mang yếu tố tâm linh như cây đa, sanh thường trồng tại các đình, miếu, cây bồ đề được trồng nhiều tại các chùa với ý niệm “Bồ đề” (*giác ngộ thành Phật*). Trong số các cây cổ thụ gắn liền với di tích ở Hội An, cây đa đình ấp Xuân Mỹ (*khối Nam Diêu – phường Thanh Hà*) có thể được xem là một trong những hình ảnh tiêu biểu cho văn hóa làng quê truyền thống ở Hội An. Cây có kích thước to cao, tán rộng, các rễ phụ phát triển bao quanh gốc cây và bao quanh một bệ thờ tượng voi đá, có thể trước đây nơi này là một miếu thờ, bên trong có tượng voi, về sau cây đa phát triển bao phủ lên cả ngôi miếu.

Mỗi một cây cổ thụ, với sự tồn tại hàng trăm năm, trải qua những giai đoạn, những biến chuyển khắt nghiệt của thời gian và biến cố lịch sử, bản thân mỗi cây sẽ mang những đặc trưng, dấu ấn của một địa danh, người ta thường có thói quen gắn một địa điểm cùng với một cây cối nào đó, như xóm cây đa, xóm cây me, cây đa xóm chùa, cây me nhà thương... Đến thời điểm hiện nay, trải qua những thăng trầm của lịch sử, những biến đổi về mặt đô thị hóa nhưng những cây cổ thụ ở Hội An vẫn tồn tại song hành với tín ngưỡng của người dân địa phương, với những công trình di tích tín ngưỡng đình, chùa, miếu mạo, là nơi lưu giữ các ký ức của cộng đồng, của văn hóa làng/xã ở Hội An. Khi nhắc đến Cây Đa - Da Kèn ấp Xuân Lâm, người dân ở Hội An hầu như ai cũng biết đến. Cây Da Kèn được trồng từ khi nào không rõ, theo các cụ kỳ hào cho biết trước đây được nghe người lớn kể lại rằng trước đây khu vực này có nhiều cây cối rậm rạp, dân cư sinh sống thưa thớt. Trong thời kỳ Pháp thuộc, khu vực này

được khai mở nhiều tuyến đường, tuyến phố mới, ở khu vực gần đình ấp Xuân Lâm có một cây đa rất lớn, cành lá um tùm. Trong bài viết của nhà nghiên cứu Trương Đình Quang có đề cập đến cây đa này trong bài viết “Cây cối ở Hoài Phố - Cây Da Kèn”: “*Phố Hội, ngay đầu phố Trần Cao Vân có cây da kèn. Cái tên nghe là lạ. Ngày xưa, người Hoài Phố không có cái tên ấy. Là cây da chùa ấp Xuân Lâm*”. Về sau, có một đội kèn tây phục vụ trong đồn lính Pháp ở Hội An thường xuyên tụ họp dưới gốc cây đa này để tập luyện các bài nhạc, và trải qua một thời gian dài, người dân dần quen thuộc với tên gọi cây Da Kèn là nguyên do vậy. Có cây cổ thụ lại gắn liền với những câu chuyện ly kỳ, thần bí đó là cây đa bia yếm ở đường Phan Chu Trinh. Cây đa bia yếm có thân khá to, rễ phụ chằng chịt phát triển thành những thân phụ bao phủ lên một am thờ nhỏ xây bằng gạch ở phía Bắc của gốc cây, bên trong có đặt một tấm bia đá khắc chữ Hán và những hình vẽ. Cũng chính từ tấm bia đá này đã xuất hiện những câu chuyện ly kỳ được một số người giàu trí tưởng tượng cho rằng đó là tấm bản đồ kho báu. Tuy vậy, theo các nhà nghiên cứu đây là một tấm bia yếm thủy đạo nhằm mục đích khắc phục những yếu tố bất lợi của phong thủy đối với vùng đất cư dân đang sinh sống. Có thể thấy rằng, cây đa không chỉ bảo vệ am miếu và tấm bia yếm đến ngày nay mà còn phản ánh sự tồn tại, phát triển lâu đời của vùng đất và những nét đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng trong đời sống của người dân Hội An từ xa xưa. Cây cổ thụ ở Hội An còn gắn liền với sự tồn tại của các di tích tín ngưỡng và các sự kiện lịch sử vùng đất, có thể nói đến cây đa miếu Ngũ Hành (*đường Phan Chu Trinh*), cây có thân khá to cao, rễ phụ chằng chịt bao

trùm lên ngôi miếu Ngũ Hành tạo nên khung cảnh linh thiêng, cổ kính. Trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, địch xây dựng nơi đây thành một nhà lao (*nhà lao Thông Đẳng*) để giam cầm đồng bào, chiến sĩ cách mạng yêu nước. Cây đa miếu Ngũ Hành không chỉ là có giá trị cao về mặt sinh thái, tự nhiên mà còn là chứng tích lịch sử với biết bao biến động đau thương của đất và người Hội An.

Đối với cây cổ thụ, người dân Hội An thể hiện sự sùng bái qua những hoạt động thường xuyên như thắp hương trên thân cây vào sáng sớm và chiều tối, một số cây được lập ban/khám thờ để hằng ngày dâng hương, hoa quả, bánh trái. Đặc biệt vào những ngày rằm còn dâng lễ vật gà, xôi chè, bánh trái và đứng trước gốc cây cổ thụ khấn vái, cầu mong những điều tốt lành đến với gia đình và bản thân. Hay ta thường thấy xung quanh gốc cây cổ thụ có đặt các vật dụng như ông bình vôi, cối đá, đồ thờ tự đã cũ



Tượng thờ trong cây đa đình Xuân Mỹ

hoặc hư hỏng nhưng người ta không dám vất đi lung tung. Khi đứng gần cây cổ thụ, người ta còn nhiều kiêng cử như không nói lớn tiếng, không dùng những từ ngữ thô tục, không leo trèo đùa nghịch trên thân cây và không tự ý chặt nhánh cây/thân cây, vì người ta tin rằng những việc làm đó là bất kính, mạo phạm đến thần cây, sẽ bị quở trách. Về những khám thờ, ban thờ ở đây không theo một khuôn khổ nhất định, có thể ở cây này người ta đặt một khám gỗ dưới gốc hoặc trên thân cây, hay xây một khám/ban thờ bằng xi măng. Nói về những khám ban/khám thờ, E.B. Tylor nhận định: *“xét về mục đích tôn giáo thì không có một sự khác nhau thật sự nào giữa một cây thiêng và một cánh rừng thiêng cả. Cây có thể để dùng làm một cái bệ hay một cái bàn thờ, vừa thuận tiện, vừa lịch sự để bày những lễ vật lên cúng cho một thực thể ma. Thực thể này có thể là ma cây hay một vị thần địa phương nào đó sống trong đó, và cũng giống như người, nó có chỗ ở và một mảnh đất quanh chỗ ở. Bóng râm của một cây đơn độc... là những nơi mà như chính tự nhiên dành để thờ... Cuối cùng, cây chỉ có thể là một vật thiêng được thần thánh che chở hoặc gắn với thần thánh, hoặc đó cũng là một hình ảnh tượng trưng của thần thánh”*.¹ Nói về tập tục thờ cây cối ở Hội An, có thể kể đến tục dựng cây Nêu ngày tết nguyên đán. Dựng cây Nêu là một trong những tập tục truyền thống của cư dân Việt Nam nói chung, cư dân Hội An nói riêng vào dịp tết nguyên đán. Từ xa xưa, để chuẩn bị ăn Tết, người ta thường lo mua sắm, làm bánh mứt, vệ sinh, trang hoàng nhà cửa... và dựng một cây nêu trước

¹ E.B. Tylor (2000) *Văn hóa nguyên thủy* - Hà Nội; NXB Văn hóa Nghệ thuật - Tr.794.

sân nhà, sân đình,... Cây Nêu được xem là biểu tượng của sự trừ tà, trấn ác, ước mong bình an, mưa thuận gió hòa và khẳng định chủ quyền lãnh thổ đất đai của gia đình, làng xóm, cộng đồng. Theo một số tư liệu xưa, tại Đàng Trong cũng như ở Hội An, cư dân thường dựng cây Nêu vào những ngày cuối năm. Trong tác phẩm *Gia Định Thành thông chí* được xuất bản vào thời Minh Mạng, đầu thế kỷ XIX, tác giả Trịnh Hoài Đức viết: *"Ngày trừ tịch tức ngày cuối cùng của năm, ở trước cửa lớn mọi nhà đều dựng 1 cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi, ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là dựng nêu... Đến ngày mùng 7 Tết thì triệt hạ, gọi là hạ nêu. Trong mấy ngày Tết phàm những khoản nợ nần thiếu thốn đều không được đòi hỏi, đợi ngày hạ nêu rồi mới được đòi".* Trong sách Đại Nam Thực lục chính biên, tập sáu, phần năm Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 tức năm 1845, mùa Đông, tháng 12 về định lại ngày tế hợp hưởng có dụ rằng: *"Hằng năm, tháng chạp làm lễ "tuế trừ", tháng đủ, vào ngày 30, tháng thiếu vào ngày 29... đến ngày làm lễ, trống canh năm, sau khi bắn súng, hữu ty bày đặt cổ bàn, vàng bạc, hương đèn, các hạng lễ phẩm ở các miếu đều đủ cả, biên binh thì bày hàng lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc ở hai bên tả hữu trước sân miếu, hoàng tử, hoàng thân đều mặc áo thêu con mãng xà, chia đến các miếu đứng chờ làm lễ "tuế trừ"... lễ xong, hữu ty chiếu lệ, dựng nêu..."*. Về nguồn gốc ra đời của tập tục trên xuất phát từ một điển tích lâu đời, chuyện kể rằng xưa kia đất đai của người Việt thường bị quý dữ tranh giành nên con người trồng trồng trọt, chăn nuôi đều bị quý phá phách làm cho mất mùa dẫn đến đời sống người dân điêu đứng. Trước tình cảnh đó, một vị

Thần đã mách bảo cho người dân dùng một chiếc áo cà sa của Phật treo lên ngọn cây Nêu (*cây tre được chặt sát gốc và để cả ngọn*). Bóng chiếc cà sa đó trùm tới đâu thì quý phải lui tới đó, người Việt đã làm theo và khi chiếc áo cà sa được treo lên ngọn nêu thì bóng của nó tỏa ra bao phủ kín cả mặt đất nên lũ quý phải ra biển Đông, từ đó đất đai thuộc quyền quản lý của con người. Cũng từ đây, vào dịp tết nguyên đán, gia đình nào cũng trồng cây Nêu ở trước nhà.¹ Cũng trong dịp tết nguyên đán, người Hội An (*chủ yếu các cụ cao niên*) có thói quen chưng cành hoa mai trong nhà. Cành mai được các cụ chọn lựa một cách kỹ càng và được đặt ở vị trí trang trọng trong nhà, chưng từ mùng 1 đến mùng 7 tết. Cũng chính trong quãng thời gian này diễn ra phong tục bói hoa mai, các cụ tin rằng có thể nhìn vào đó mà đoán định được vận mệnh của gia đình trong năm này.

Có thể thấy rằng tín ngưỡng thờ cúng cây cối là một loại hình tín ngưỡng dân gian rất độc đáo ở Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng. Tín ngưỡng này xuất phát từ lòng tin về một thế giới vô hình tồn tại và hiện diện ở khắp mọi nơi, trong đó có thần, ma ở cây cối và các thần linh luôn dõi theo phù trợ cho cuộc sống của con người. Hội An, vùng đất hội tụ của các nền văn hóa, với nhiều hình thức văn hóa tín ngưỡng khác nhau, trong đó tín ngưỡng thờ cúng cây cối là một bộ phận trong đời sống văn hóa tinh thần không thể thiếu của cộng đồng cư dân Hội An, góp phần làm phong phú, đa dạng các loại hình tín ngưỡng ở Hội An ♦

¹ Nguyễn Bích Hằng - Lê Thị Uyên (2016) Phong tục và Lễ nghi cổ truyền Việt Nam – Hà Nội; NXB Hồng Đức - Tr.80-81.

NGHỀ TRỒNG DẦU, ƯƠM TƠ Ở CẨM KIM TRƯỚC NĂM 1975 QUA THÔNG TIN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Trương Hoàng Vinh

Hiện nay, ở Quảng Nam còn lưu truyền câu ca:

Chồng em là lái buôn tiêu

Đi lên, đi xuống Trà Nhiêu, Kim Bồng

Chồng em là lái buôn bông

Đi lên, đi xuống Kim Bồng, Trà Nhiêu

Câu ca trên phản ánh Kim Bồng (nay gọi là Cẩm Kim) vào trước năm 1945 là một vùng trao đổi buôn bán khá nhộn nhịp. Giao lưu buôn bán được phát triển bởi Kim Bồng là vùng đất còn bãi thuộc hạ lưu sông Thu Bồn, tiếp giáp với Hội An và lưu thông thuận tiện bằng đường biển thông qua Cửa Đại cách nơi đây không xa. Kim Bồng ngày xưa có nền kinh tế phát triển mạnh với sự đa dạng về cơ cấu ngành nghề gồm nông nghiệp, đánh bắt thủy hải sản, buôn ghe bầu, buôn nguồn, các nghề thủ công: mộc, nề, dệt chiếu, trồng dầu ươm tơ... Trong đó, nghề trồng dầu, ươm tơ khá phát triển trong giai đoạn trước năm 1954 và hiện nay đã không còn. Nhằm có một cái nhìn đầy đủ về các ngành nghề thủ công đã phát triển trong lịch sử của Cẩm Kim, chúng tôi xin giới thiệu một số thông tin về nghề trồng dầu ươm tơ thu thập được từ những người đã tham gia làm nghề và sống lâu năm ở đây.

Cẩm Kim có nhiều khu vực còn bãi ven sông thích hợp cho việc trồng dầu. Một số người cao tuổi ở Phước Thắng

cho rằng cách đây 50, 60 năm trở về trước, bãi Bà Mau là nơi trồng nhiều cây dầu tằm nên được dân gian gọi là Lùm tằm. Ngoài ra, còn có bãi Gò Mò và một số bãi khác ở Phước Thắng... cũng trồng dầu. Đồng thời, cho đến nay, nhiều người vẫn còn nhớ đến những người phụ nữ giỏi việc trồng dầu, nuôi tằm, canh cửi cách đây hơn 60 năm như bà Hay, bà Cừ Bái, bà Vọng ở Phước Thắng, Bà Xuyên ở Thượng Phước...

Ông Huỳnh Tấn Lộc thuộc một gia đình có trồng dầu nuôi tằm kể lại việc nuôi tằm ở Cẩm Kim cách đây 50 - 60 năm như sau: Dầu trồng bằng cây, trồng trên các bãi bồi phù sa, vào sau mùa lụt, khoảng tháng 11 âm lịch để cây không bị chết vì úng nước hoặc giảm chất lượng của dầu. Người ta cũng trồng dầu theo hàng, lấy nộm cây con khoảng 5, 6 cây, bỏ hom vào đất đã được đào sâu đến 50cm theo tính toán từ mặt đất phù sa đến giáp đất thịt. Trong một hàng thì người ta đặt hom cách nhau 1,5m dự lường khi cây lớn, trồng hàng cách hàng 1,5m. Đến tháng Giêng năm sau cây cao khoảng 1m, hái lá lứa đầu tiên gọi là hái lá chân. Trong khi hái, có chừa một đoạn 40cm, 2 tháng sau hái lá lần thứ hai và hái liên tục đến giáp năm. Theo kinh nghiệm thì người ta sẽ hái những lá dầu không quá già, không quá non cho tằm ăn là tốt nhất. Vì lá non thì dễ dưỡng cho cây. Lá già đã trải qua thời gian ngâm

nước lụt, khi cho tằm ăn sẽ nhả ra sợi tơ không mềm bóng. Sau khi cây bị ngập lụt, người ta chặt ngang gốc để cây tiếp tục sinh trưởng cho mùa sau.

Người ta hái dâu về, ngắt bỏ những lá xấu, chọn những lá mượt rải đều trên nhiều nong to đường kính khoảng 1m để tằm đã lớn to bằng chiếc đũa tự ăn lá dâu. Đối với tằm nhỏ, người ta phải cắt lá dâu thành những sợi rất nhỏ tằm mới ăn được. Tằm ăn dâu cho đến khi thân chín vàng sẽ được đặt lên hom dâu được làm từ thân cây dâu phơi khô đan thành vĩ 4 x 2m, có kẹp nẹp tre. Người ta thường đặt tằm trên vĩ với mật độ khoảng 20 – 30 cm/con là phù hợp. Từ đây, con tằm bò trong hom gậy ỏ, sau lột vào giữa ỏ, nhả tơ. Khi tằm nhả xong tơ tự bít lỗ kén, lộn thành con nhộng. Bằng kinh nghiệm, người nuôi tằm tự nhận biết là tơ ngoài kén có màu vàng hơi đục gọi là thao càng, tơ ở giữa và trong cùng của kén gọi là tơ lụa, có màu vàng ánh, sợi mềm, rất đẹp.

Để có tằm cho mùa sau, người nuôi tằm cũng phải tự chọn kén ngon làm giống. Kén lộn ra nhộng - thành bướm gồm bướm đực và bướm cái, sau khi khi thụ tinh, bướm đực sẽ ra khỏi kén, bướm cái ở lại đẻ, trong quá trình đẻ, bướm được cho nằm trên tờ giấy trắng, sau khi đẻ xong, gói tờ giấy lại cẩn thận, không để bị bẻ trứng, cột lại, treo trên cao vài ngày, thì trứng sẽ nở ra con tằm con như con sâu dùn cho mùa sau.

Ngày xưa, ở Cẩm Kim thường mua tằm ở Phú Bông - Duy Thành, Mã Châu cho ra nhiều lụa tốt, ít thao nhưng sản lượng không cao. Ngược lại, người ở Phú Bông lại thường xuyên dệt lụa, bán giống tằm, do vậy hai làng thường có sự quan hệ qua lại trong việc trồng dâu nuôi tằm. Sau năm 1975, những người biết

ươm tơ dệt lụa vẫn tiếp tục nuôi tằm cho Hợp tác xã Cẩm Kim, cung cấp nhiều kén tơ cho Hội An và phục vụ cho phong trào dệt ở Hội An và một số nơi khác trong tỉnh phát triển. Đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, hợp tác xã tan rã, từ đó đến nay không còn ai làm gì gắn với ươm tơ dệt lụa nữa.

Đây là những thông tin đã bước đầu được tư liệu hóa về một di sản văn hóa từng phát triển mạnh mẽ ở Cẩm Kim, nhằm góp thêm tư liệu nghiên cứu về nghề thủ công, văn hóa trang phục ở Kim Bồng - Cẩm Kim trong lịch sử. Những thông tin này cũng chứng minh sự kết nối giữa các vùng phía Tây và phía Đông của sông Thu Bồn (*gồm địa phương Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An*) trong việc sản xuất tiêu thụ, trao đổi sản phẩm của nghề ươm tơ dệt lụa và mua bán hàng liên quan đến vải vóc. Từ một số thông tin trên, hy vọng rằng một số doanh nghiệp du lịch quan tâm sẽ tìm hiểu sâu, đầu tư phục chế hoạt động này nhất là đối với các mô hình du lịch homestay, trang trại để tạo thêm một điểm nhấn cho du khách khi đến với Cẩm Kim để góp phần quảng bá một giá trị văn hóa xưa của vùng đất này ♦



CÂY MÈ TRÊN VÙNG ĐẤT CẨM HÀ

Nguyễn Thị Trang Thi

Hội An, một vùng quê thanh bình, yên tĩnh với vẻ đẹp lung linh huyền ảo, nơi có dòng sông Hoài thơ mộng với ánh đèn lồng ngả bóng về đêm, những khu du lịch sinh thái mang đậm màu sắc của làng quê Hội An, được nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan và chiêm ngưỡng. Hiện nay, các khu du lịch ở Hội An đã và đang thực hiện mô hình “du lịch cộng đồng”, “du lịch sinh thái” gắn liền với văn hóa vùng quê, tuy là một hoạt động mới hình thành nhưng được đông đảo du khách thích thú và tham gia các tour du lịch trải nghiệm cùng với người dân như: học cách làm đất, trồng rau tại làng rau Trà Quế; học cách chuốt gốm tại làng gốm Thanh Hà; hay đến với làng sinh thái dừa nước Cẩm Thanh du khách có thể bơi thúng chai, chơi các trò chơi dưới nước, tham gia

học và tự tay nấu những món ăn dân dã, đặc sản của vùng quê, học cách trồng lúa, cây ruộng...; chiêm ngưỡng những nghệ nhân chạm khắc tại làng mộc Kim Bồng... tất cả những hoạt động đó đã thu hút được du khách đến tham quan Hội An ngày càng tăng. Ngoài ra, một phần không nhỏ đã đem lại cho Hội An sự phát triển lớn đó chính là nền kinh tế nông nghiệp, với nền nông nghiệp ngày càng phát triển hàng năm đã đem lại thu nhập cao cho bà con nông dân nói riêng và thành phố Hội An nói chung.

Một trong số các xã, phường có ngành kinh tế nông nghiệp lâu đời là xã Cẩm Hà. Xã có diện tích 6,13 km² với mật độ dân số đạt 707 người/km². Là một xã nhỏ thuộc vùng ven thành phố, đa số người dân ở đây sống chủ yếu bằng nghề nông, quanh năm làm lúa, hoa màu và một số loại lương thực, nông nghiệp ở đây phát triển mạnh đem lại nguồn thu nhập chính cho bà con nhân dân. Lúa, hoa màu và các loại lương thực ngô, đậu, mè,... trong đó mè là loại cây dễ trồng và cũng đem lại thu nhập cao.

Mè còn gọi là vùng, là loại cây có dầu, cây hoa màu hiện đang được nhiều nơi trên vùng đất Hội An nói chung và ở vùng đất



Cẩm Hà nói riêng quan tâm và có định hướng phát triển trên diện rộng. Mè có 2 loại, mè đen và mè trắng, nhưng đa số bà con ở Cẩm Hà trồng mè trắng vì thời gian sinh trưởng ngắn hơn mè đen, cây cao từ 0,6 đến 1,2m, ít sâu bệnh, sản phẩm dễ tiêu thụ. Mè có thể trồng quanh năm, tuy nhiên tùy điều kiện địa hình của từng vùng chọn thời điểm xuống giống thích hợp và mang lại hiệu quả kinh tế nhất. Mè là cây chịu hạn, nhưng để hạt giống nảy mầm tốt yêu cầu đất phải đủ ẩm, đất quá khô hay thừa nước đều làm hạt nảy mầm yếu và không đồng đều.

Theo như lời ông Nguyễn Hà (một nông dân chuyên trồng mè ở thôn Cửa Suối thuộc xã Cẩm Hà) cho biết: “Đất ở Cẩm Hà tuy là loại đất màu mỡ nhưng do lượng mưa, lượng nhiệt phân bố theo mùa không đồng đều nên cũng gây ảnh hưởng lớn đến việc bố trí mùa vụ sản xuất, nên hầu như bà con ở vùng Cẩm Hà thường trồng cây hoa màu lương thực theo thời vụ, đối với mè thì bà con trồng 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu. Vụ Đông Xuân: bà con thường gieo từ tháng 12 đến tháng 1 dương lịch, thu hoạch tháng 2 đến tháng 3 dương lịch, vụ này cho năng suất cao nhất trong năm, thuận lợi cho thu hoạch và phơi hạt dễ dàng, hạt có màu sáng đẹp, ít bị nấm mốc tấn công. Trồng mè vụ Đông Xuân cây ít đổ ngã, ít sâu bệnh, tuy nhiên trong vụ Đông Xuân cây mè khó cạnh tranh được với cây ngô, lạc. Với vụ Hè Thu: bà con thường trồng trên đất cao, thoát nước tốt, tránh úng khi gặp mưa nhiều. Gieo vào tháng 4 đến tháng 5 dương lịch thu hoạch vào tháng 6 đến tháng 7 dương lịch gieo trên đất màu hoặc đất lúa sau khi đã thu hoạch xong lúa vụ Đông Xuân. Vụ này hay gặp hạn khi gieo và gặp mưa to gây ngập úng

cục bộ ở một số vùng vào thời kỳ thu hoạch, vì vậy gieo càng sớm càng tốt”.

Mè là loại cây thích hợp trồng trên các chân đất thịt nhẹ, đất cát pha và thoát nước tốt, hạt mè rất nhỏ nên phải làm đất thật kỹ, nếu không làm đất kỹ hạt mè sẽ bị vùi khó nảy mầm. Bác Hà cũng cho biết thêm về cách làm đất và bón phân để mè phát triển tốt đem lại năng suất cao: “Đất cày sâu 15 đến 20 cm, bừa kỹ nhiều lượt làm đất thật nhỏ và sạch cỏ, sau đó tiến hành lên luống, luống cao 15 đến 20cm, luống rộng 150 đến 250m², rãnh rộng 30 đến 35cm để thoát nước tốt, mặt luống có hình lưng rùa. Những vùng đất cát pha, tơi xốp, thoát nước tốt thì gieo mè xong mới vét rãnh thoát nước, tạo thành từng luống rộng từ 250 đến 300m². Gieo thưa, lượng hạt giống 3 kg/ha. Trước khi sạ cần trộn hạt giống với đất bột sạ cho đều, hoặc sạ hàng bằng công cụ sạ mè theo hàng. Để đạt năng suất mè cao phải bón phân. Theo kết quả nghiên cứu (ở Venezuela), để đạt năng suất mè 500kg/ha, mè lấy đi từ đất 25kg N; 30kg P và 25 kg K. Thời kỳ hấp thu dinh dưỡng lớn nhất là khoảng 40 đến 70 ngày tuổi tương ứng với thời gian ra nụ thành lập quả và tạo hạt (đối với giống có thời gian sinh trưởng là 90 ngày).

Bón phân cho mè phải sử dụng phân dễ tiêu và bón sớm. Nhất là trong điều kiện sử dụng phân hữu cơ. Lượng phân bón có thể chia làm hai hoặc ba lần bón tùy theo thời gian sinh trưởng của từng giống. Đối với những giống có thời gian sinh trưởng từ 80 đến 90 ngày thường bón hai lần: Bón lót 1 ngày trước khi gieo 1/2 đạm toàn bộ lân và kali; Bón thúc 1/2 đạm còn lại 30 ngày sau khi gieo. Đối với những giống có thời gian sinh trưởng trên 90 ngày chia



làm ba lần bón: Bón lót 1/3 đạm và toàn bộ lân và kali một ngày trước khi gieo; Bón thúc 1/3 đạm từ 30 đến 35 ngày sau khi gieo; Bón thúc 1/3 đạm từ 45 đến 50 ngày sau khi gieo”.

Tuy mè không cần tưới nước thường xuyên nhưng thiếu nước thì năng suất không cao, do đó trồng vào vụ Hè Thu cần phải cung cấp nước đầy đủ, nhất là khi bón phân cho mè, tưới bảo đảm 50% thủy dung ngoài đồng. Mè cần nhiều nước từ khi gieo đến ra hoa đầu tiên. Sau đó giảm dần và ngưng tưới nước khi có trái chín đầu tiên. Trên đất có điều kiện thoát nước tốt, có thể tưới tràn sau đó cho nước rút nhanh qua các rãnh, đất thoát nước kém nên dùng thùng tưới. Mè là cây chịu úng kém nên trồng vào mùa mưa phải xẻ rãnh thoát nước.

Khi mè có 3/4 số lá ngả vàng, quả đã cứng, chuyển màu từ vàng xanh sang vàng thẫm hoặc vàng nâu là thu hoạch được. Dùng liềm cắt cách gốc 10cm, đem về ủ 1 đến 2 hôm cho rụng hết lá rồi trải ra sân phơi có lót màng nylon hoặc nong nia trong 4 đến 5 giờ, sau đó đập, sàng sảy lấy hạt. Hạt mè được phơi lại 1 đến 2 nắng nữa cho khô thì đem tiêu thụ hoặc cất trữ, bảo quản.

Mè có rất nhiều công dụng trong đời sống của chúng ta, mè được chế biến thành dầu để sử dụng trong các bữa cơm của gia đình, trong các món ăn của trẻ vì dầu mè có mùi thơm rất hấp dẫn và vị rất ngon, dầu mè là loại dầu không bị oxy hóa nên không chuyển thành mùi khó chịu vì trong dầu mè thành phần chủ yếu là các axit béo: axit linoleic (41%),

axit oleic (39%), axit palmitic (8%), axit stearic (5%); dầu mè còn có nhiều chất như mangan, sắt, kẽm, canxi, vitamin B6, phot pho, magie, tryptophan, vitamin K... Ngoài ra, mè còn có một số tác dụng khác như làm đẹp da, chăm sóc răng miệng, ngăn ngừa bệnh tiểu đường, giảm huyết áp, ngăn ngừa ung thư, rối loạn hô hấp, thiếu máu... trong dân gian, còn dùng mè để nấu cháo (*nếp với mè*) cho người mẹ cho con bú rất tốt, mè còn được sử dụng rất phổ biến để chế biến trong nhiều món ăn như kẹo mè, bánh mè, chè mè (*xí mại*).

Trên vùng đất Cẩm Hà ngày nay chỉ còn một vài hộ trồng mè, trong đó hộ bác Hà là hộ trồng nhiều và lâu năm nhất. Hiện nay, dầu mè được bán rộng rãi và phổ biến trên thị trường, trong các siêu thị, chợ, một số người thích chọn mua dầu ép tại nhà người quen để đảm bảo chất lượng hơn. Giá của dầu mè dao động từ khoảng 35000đ đến 50000đ cho 1 chai 250ml. So với các loại dầu khác như dầu đậu phộng, dầu đậu nành... thì dầu mè có nhiều công dụng hơn nên được đa số phái nữ tin dùng trong công việc chăm sóc sắc đẹp cũng như chăm lo sức khỏe cho gia đình nhỏ của mình ♦

MỘT SỐ CÔNG CỤ TRONG CANH TÁC NÔNG NGHIỆP Ở AN MỸ - CẨM CHÂU

Lê Thị Ngọc Hương

Ở nước ta, nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế trọng yếu, phát triển từ lâu đời và để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa của dân tộc. Tại Hội An, nhất là các vùng nông thôn như Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm An,... nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người dân địa phương. Ngày nay, bên cạnh các loại máy móc thiết bị hiện đại, những loại công cụ thủ công để canh tác các loại hoa màu, lúa nước,... vẫn được người dân duy trì sử dụng, đáp ứng được nhu cầu trong canh tác nông nghiệp. Công cụ hỗ trợ cho con người, góp một phần quyết định hiệu quả năng suất sản xuất. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một số công cụ truyền thống trong hoạt động canh tác nông nghiệp của người dân làng An Mỹ ở Cẩm Châu hiện nay mà chúng tôi đã có dịp khảo sát.

1. Cuốc

Cuốc là dụng cụ dùng để cuốc đất, đánh rãnh, lên hàng. Cuốc gồm hai bộ phận, lưỡi cuốc và cán cuốc. Cán được làm bằng thân tre, lưỡi cuốc bằng sắt. Lưỡi cuốc được mua ở chợ hoặc đặt ở các lò rèn tại địa phương làm. Cán cuốc làm từ ngọn tre già, thẳng. Cây tre chặt về lấy phần ngọn dài khoảng 1m90, phơi thật khô, dùng rựa vót các mắt tre, sau đó tra phần đầu to của cán vào lưỡi, dùng miếng “yếm” bằng sắt lót vào đai

cuốc để cán và lưỡi thêm chặt hơn. Sau đó dùng cây nõ bằng thân cây dài khoảng 10cm đóng chặt vào phần đầu cán cuốc giữ cho cuốc cứng, chặt không bị sổ ra trong quá trình sử dụng. Hiện nay, lưỡi cuốc có nhiều kích thước khác nhau, tùy theo mục đích sử dụng mà người làm nông chọn các loại lưỡi cuốc như: Cuốc dùng để trồng rau khoai lang phải cuốc từng thớ đất lên giồng cao nên lưỡi dài 28cm, ngang 20cm, độ nghiêng của cuốc khi tra vào cán là 45 độ; Cuốc dùng để cuốc bờ, góc, xới cỏ trong trồng lúa, các loại hoa màu có lưỡi cuốc to và ngắn hơn, chiều dài 25cm, ngang 22cm, độ nghiêng của lưỡi cuốc khoảng 60 độ. Khi cuốc đất, 2 tay cầm cán cuốc, tay cầm phía trước, tay cầm phía sau, nâng cuốc lên và cuốc sâu xuống mặt đất, đánh hàng thì đi lui, cuốc đất thì đi tới.

2. Trang

Trang có 2 loại, trang bằng gỗ và trang bằng sắt. Trang bằng sắt thường dùng để trang bằng phẳng bề mặt ruộng sau khi đã bừa nhuyễn đất. Trang bằng gỗ dùng để san thóc, đảo thóc được phơi trên sân nắng cho thóc khô đều.... Cái trang gồm 2 phần, cán và bàn trang. Cán trang làm bằng ngọn tre già được phơi khô vót các mắt, có độ lớn vừa cầm, chiều dài không quá 2m. Bàn trang gỗ làm bằng một miếng gỗ được cắt theo dạng hình chữ nhật hoặc hình thang cân,



rộng hai đầu khoảng 5cm, rộng ở giữa 10cm, dài 50 - 60cm, dày 2,5cm. Bàn trang bằng sắt có 2 loại nhỏ và lớn, loại nhỏ có kích thước tương tự bàn trang gỗ nhưng dày khoảng 0,3cm. Hiện nay để việc trang đất ruộng trồng lúa cho nhanh người ta làm loại trang có chiều dài lên đến 107cm. Ở giữa bàn trang làm bằng gỗ hoặc sắt đều có một lỗ tròn để tra cán (*độ rộng lỗ vừa bằng độ rộng của cán*). Sau đó tra cán vào lỗ bàn trang và thò xuống nền đất cho cán dính chặt, dùng 1 cái nỏ làm bằng gỗ dài khoảng 10cm, đóng vào đầu cán, đóng khi nào chặt mới thôi, dùng dao cắt bớt phần dư của nỏ.

3. Bò Cào

Bò cào có nhiều loại (*làm bằng tre, gỗ, sắt*), hiện nay dùng 2 loại: loại bò cào bằng gỗ dùng để cào lúa, đậu, bắp,... khi phơi và loại bò cào bằng sắt dùng để cào đất cho tơi khi trồng hoa màu hoặc cào gom cỏ lại. Bò cào gỗ gồm hai phần: phần cán bằng ngọn tre già và phần bàn cào làm bằng gỗ. Để làm cán, chặt cây tre già lấy phần ngọn, phơi khô, vót mất tre nhẵn. Bàn bò cào dài khoảng 40 - 50cm, rộng 7cm, dày 3cm. Răng bò cào làm bằng gỗ, tùy vào độ dài ngắn của bàn cào mà đặt từ 6 đến 8 răng, chiều dài mỗi răng khoảng 6cm, rộng 3cm, dày 0,7cm. Trên bàn cào, mặt

bên có 1 lỗ tròn ở giữa để tra cán, mặt dưới có các lỗ để tra răng. Tra cán tre vào bàn cào, đóng chặt đầu cán, dùng 1 cái nỏ bằng gỗ hoặc thân cây dài khoảng 10cm đóng ngược vào ống tre để giữ chặt cán bò cào. Bên cạnh bò cào bằng gỗ, để phù hợp với các loại cây trồng, hiện nay, người ta còn sử dụng các loại bò cào bằng sắt để cào cỏ, cào đất cho tơi, mịn để gieo trồng các loại hoa

màu. Bò cào sắt có bàn cào được làm bằng sắt, các răng nhỏ nhọn, số lượng răng nhiều và dày hơn bò cào bằng gỗ. Khi cào 2 tay cầm cán bò cào, điều khiển bò cào theo nhiều hướng khác nhau tùy theo cách dùng.

4. Gióng và đòn gánh

Ngày xưa, đôi gióng là vật dụng rất cần thiết trong nghề nông, gánh giống, phân bón ra đồng, gánh lúa, hoa màu từ ruộng đồng về nhà,... không thể không có đôi gióng và đòn gánh. Gióng gồm có đế gióng và 4 quai gióng ở 4 góc. Gióng được làm bằng mây và chỉ có mây thắt gióng thì gióng mới lâu bền. Cây mây to phải chẻ đôi, mây nhỏ không chẻ đôi, chuốt sạch bớt một phần ruột sợi mây. Để gióng được tết 4 góc thành hình vuông, quai gióng gồm 4 quai đôi túm ở đầu gióng.

Đòn gánh dùng xỏ vào đôi gióng gánh đi. Đòn gánh làm từ thân tre già phân sát gốc, to thẳng. Đòn gánh thường chỉ làm bằng cây tre, không làm bằng gỗ, vì tre có độ dẻo, độ bền cao, người gánh sẽ đỡ đau vai. Cây tre to, già chặt lấy đoạn gốc, chẻ đôi, chuốt bằng phẳng, đầu đòn gánh dùng dao đẽo mấu để giữ cho đầu gióng không di chuyển được trong quá trình sử dụng. Đòn gánh có



chiều dài khoảng 1m35, rộng 7,5cm. Khi gánh, tra gióng vào hai đầu gánh, đặt sản phẩm vào trong gióng, khom lưng xuống, kê vai vào đòn gánh, hai tay vịn hai đầu gióng, đứng thẳng lưng và di chuyển về phía trước. Khi gánh đòn gánh phải luôn ngửa mặt trong lên trên, phần lưng đòn gánh áp vào vai.

5. Rổ sàng

Rổ sàng (*rổ sỏ*) (*dạng lòng rổ sâu hoặc dạng lòng rổ cạn*) là một vật dụng đan bằng nan tre già được bào nhẵn, dụng cụ này dành riêng để sàng lúa khi đã tuốt xong lúa, sàng cho hạt lúa rớt xuống, còn cọng lúa, nhàu lúa nằm trên mặt sàng thì bỏ đi, rổ sàng làm bằng tre, khi sàng lúa càng nhiều thì rổ sàng còn tròn, láng. Rổ sàng đan lóng một, rổ

thường có đường kính 50cm, cao 7cm, phần đáy hơi nhỏ lại, sàng đan bằng nan tre nhỏ thẳng, chẻ vót đều. Khoảng cách giữa các lỗ sàng lớn để cho hạt lúa rơi xuống, nhàu lúa giữ lại trên sàng. Với 22 cái nan nằm ngang đan xen kẽ với 22 cái nan nằm dọc, đan ở giữa đan ra. Khi đan đủ diện tích rổ, chèn các nan nhỏ lên 4 đầu để rổ có hình tròn và đạt độ cong, dùng vành tre nhỏ cạp xung quanh bên ngoài rổ và 1 vành nhỏ hơn cạp trong rổ, các đầu nan nằm giữa 2 vành tre, bắt đầu nức cước cho chặt rổ. Sau khi đan xong là có thể dùng được. Rổ sàng khi sử dụng, tay cầm vành rổ nhưng không cầm hết 5 ngón tay của mỗi bàn tay, mà chỉ cầm bằng 3 ngón: ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa. Người làm quen tay chỉ cần cầm 2 ngón, ngón cái và ngón trỏ. Có như thế thì hai tay cử động sẽ nhịp nhàng hơn để xoay tròn rổ theo chiều thuận kim đồng hồ, hạt lúa sẽ dễ lọt xuống.

6. Nong, nia

Nong và nia là dụng cụ để phơi lúa, hứng lúa khi giê, phơi các loại hoa màu như đậu, bắp, khoai, sắn.... dùng cho nhà nào không có sân phơi. Nong và nia có nhiều điểm giống nhau, cùng làm bằng nan tre, hình tròn, cạp vành giống nhau, chúng chỉ khác về độ to, nhỏ và một số công dụng.

Tre làm nong, nia phải làm tre to, già, dùng ở phần đoạn giữa cây tre là tốt nhất. Tre tươi chặt về chẻ làm nan, nan tre phải to, thẳng, ruột dày, được vót nhẵn, phơi khô, chiều rộng của nan làm nong khoảng 1cm, dày 1mm. Nan đan nia mỏng, nhỏ và ngắn bằng nửa nan đan nong.



Đan nong, nia từ giữa đan dần ra bốn mặt, đan lồng 2, 3, 4. Nong đan từ trong đan ra, chiên 4 đầu để nong có độ cong. Vành nong làm bằng miếng tre già, dày, gồm có vành ngoài và vành trong. Lặn vành nong xong thì nút chặt bằng dây cước. Nong có kích thước lớn, đường kính 1,6 - 2m.

Nia có đường kính từ 1 - 1,3m, cao 5cm, nhỏ hơn nong. Cũng giống như nong, nia đan từ trong đan ra 4 đầu, chiên tre túm bốn đầu có độ cong để vành vào và lặn đứng, kẹp vành trong vành ngoài cho tròn trịa, vành trong 3 phân vành ngoài 2 phân, dùng dây cước nức vành cho thật chặt. Nia rất tiện dụng trong mọi việc có thể dùng nia để sàng sảy trấu, hạt lép từ lúa, phơi được mọi thứ (khoai, đậu ...)

7. Đòn xóc

Đòn xóc là công cụ dùng để gánh lúa sau khi gặt xong. Tre làm đòn xóc phải chọn loại tre thẳng, già, đặt ruột. Tre chặt về lấy đoạn gần gốc khoảng 2m, dùng dao rựa vót nhọn hai đầu, vót nhẵn các mắt tre, phơi đòn xóc hơi khô là có thể dùng được. Lúa sau khi gặt xong, dùng dây lạt tre buộc chặt theo kiểu tròn, dùng đầu gói ép lúa chặt thành hình

tròn, tay túm 2 đầu dây lạt chụm lại, xoắn dây lạt theo hình xoắn ốc và cắm phần dư của dây lạt vào trong bó lúa. Sau khi bó xong, dùng đòn xóc chọc mạnh vào phần thân giữa bó lúa. Hai đầu đòn xóc chọc vào thân hai bó lúa, (theo kinh nghiệm của người làm nông để tạo sự cân bằng khi gánh, một đầu đặt bông lúa nằm lên trên, đầu kia đặt bông lúa nằm phía dưới để tiện cho việc di chuyển). Sau khi 2 bó lúa đã chặt, người gánh phải khom lưng xuống, kê vai vào đòn sóc, 2 tay nắm đòn xóc trước sau, đứng thẳng lưng và di chuyển về phía trước.

Có thể nói rằng các loại công cụ nêu trên là một phần quan trọng trong hoạt động nông nghiệp. Trải qua thời gian dài, người dân nơi đây vẫn duy trì và thường xuyên sử dụng những loại công cụ giản đơn nhưng có thể nói là vật bất ly thân của người dân chuyên làm nghề nông. Những loại công cụ này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình canh tác trồng trọt. Từ những vật liệu có sẵn trong tự nhiên, gần gũi với môi trường sinh sống, trải qua quá trình lao động sáng tạo người dân đã tích lũy kinh nghiệm tự chế tác các loại công cụ để hỗ trợ trong quá trình lao động sản xuất và đã mang lại hiệu quả hơn trong quá trình canh tác ♦



SỰ HẤP DẪN CỦA KHU ẨM THỰC CHỢ HỘI AN

Khánh Vân

Hội An có một nền văn hóa ẩm thực đa dạng và mang sắc thái riêng biệt. Có thể nói ẩm thực là một trong những thế mạnh phát triển du lịch của Hội An. Ẩm thực Hội An từng được xếp vào hàng thứ 6 trong "top" 25 điểm đến có ẩm thực tốt nhất thế giới, theo xếp hạng của Tripadvisor. Gần đây, Hội đầu bếp thế giới đã công nhận Hội An là thủ phủ ẩm thực của châu Á. Vì thế du khách đến Hội An không chỉ để tham quan mà còn khám phá, trải nghiệm ẩm thực phong phú của nơi đây. Điều đáng nói, Hội An tuy có nhiều nhà hàng, quán ăn, những quán café kết hợp ẩm thực nhưng thực khách vẫn thích khám phá nét dân dã, đa dạng của ẩm thực địa phương ở khu ẩm thực chợ Hội An.

Khu ẩm thực chợ Hội An nằm ở cạnh giếng máy. Không gian khu ẩm thực chợ không quá lớn nhưng số lượng các quầy ăn uống tương đối nhiều (có gần 100 hộ kinh doanh chiếm gần 20% các quầy hàng trong chợ). và được chia thành các gian hàng: Hàng cơm, hàng bún, hàng cao lầu, hàng mì Quảng, hàng bánh xèo, hàng sinh tố, hàng chè... Khu ẩm thực chợ Hội An phục vụ du khách bắt đầu từ 6 giờ sáng đến 7 giờ tối. Thực khách đến đây ăn uống, vào buổi sáng đa phần vẫn là người dân địa phương hoặc khách trong nước, còn buổi trưa và chiều tối đa dạng hơn gồm cả khách du lịch trong nước và quốc tế. Các quầy hàng ở

đây được bố trí san sát nhau, đơn giản, gọn nhẹ mang đến cho du khách sự bình dị, dân dã. Hầu hết các quán ăn được bố trí với chiếc bàn đủ cho 5-10 người, tuy nhỏ nhưng đều có đầy đủ các vật dụng phục vụ cho nhu cầu ăn uống của du khách. Ngồi trong những gian hàng nhỏ nhắn, không cầu kỳ, không khoa trương, giữa những tiếng ồn của buổi chợ mới thấy được cái chất của ẩm thực trong khu chợ Hội An này.

Cô Thanh Thanh - chủ quầy hàng sinh tố cho biết: Lượng khách đến đây hằng ngày rất đông, tầm vài trăm người, những khi có lễ hội hay dịp đặc biệt lượng khách tăng gấp đôi, phục vụ luôn tay luôn chân. Có đến khu ẩm thực chợ Hội An mới thấy nơi đây nhộn nhịp và đông khách đến thế nào. Vậy đâu là sức hấp dẫn của khu ẩm thực chợ Hội An?

Sự đa dạng đến từ món ăn

Có thể nói đến với khu ẩm thực chợ Hội An thực khách sẽ không cần phải đi quá nhiều mà vẫn tìm được những món ăn bình dị, dân dã đến nỗi tiếng của phố cổ Hội An, đồng thời thực khách còn khám phá được nét văn hóa Hội An thông qua ẩm thực nơi đây. Từ những món ăn bình dân phổ biến như cơm, bún, phở, hủ tiếu, cháo dinh dưỡng đến các món ăn đặc sản như cao lầu, mì Quảng, bánh xèo, ram cuốn, thịt nướng...hay những món ăn vặt, giải khát như chè, sinh tố, xoa xoa, nước giải khát

... tất cả đều được bày bán trong chợ ẩm thực Hội An. Đặc biệt hơn, ẩm thực nơi đây đều ngon chẳng kém những nhà hàng, quán ăn nổi tiếng. Các hàng quán được yêu thích nhiều và được thực khách truyền tai nhau như là một điểm đến tin cậy có thể kể đến như phở cô Quới, cơm – cao lầu cô Lan, mỳ Quảng cô Hà, bún mắm cô Tám, sinh tố cô Thanh Thanh... Tất cả như lời giới thiệu mộc mạc nhưng trân trọng cho thực khách khi ghé đến đây.

Chất lượng món ăn được đặt lên hàng đầu

Món ăn được chế biến dựa trên tiêu chí đảm bảo sức khỏe cho thực khách, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến phương pháp chế biến, trình bày món ăn. Món ăn đẹp mắt, cơ sở kinh doanh sạch sẽ, thoáng mát, phục vụ tận tình, niềm nở sẽ tạo ra sự hấp dẫn và đem lại cảm giác ngon miệng hơn cho thực khách. Vì vậy không chỉ dừng lại ở sự đa dạng, phong phú về các món ăn mà quầy ẩm thực nơi đây còn đi đầu trong đảm bảo chất lượng. Nguồn nguyên liệu sử dụng ở đây vô cùng phong phú và đa dạng, đảm bảo sạch sẽ và vệ sinh. Có nguồn nguyên liệu là đặc sản ở Hội An như rau sống Trà Quế, cá, tôm biển Cửa Đại và sông Thu Bồn. Đó là nguyên liệu chế biến, còn về phương pháp chế biến thì nhìn qua thôi cũng đủ thấy, các gian hàng ở đây đã chăm chút cho món ăn của mình đến mức nào. Ngay chỉ một chén nước chấm thông thường thôi, nhưng các hàng quán ở đây đều pha chế rất kì công sao cho đủ vị, không chỉ có cái mặn đậm đà của nước mắm mà còn phải có vị cay



của ớt, vị chua của chanh, vị ngọt của đường, vị nồng của tỏi,... Hay một bát phở bình dân thôi cũng đã có sự tổng hợp của mọi chất liệu, mọi mùi vị, mọi sắc màu. Nó vừa có cái mềm của thịt bò tái, cái dẻo của sợi phở trắng, cái cay dịu của hạt tiêu đen, cái thơm nhẹ của hành, vị ngọt từ cái ngọt của tủy xương... đủ thấy các món ăn ở đây được chuẩn bị kĩ lưỡng từ nguyên liệu đến cung cách chế biến tỉ mỉ, công phu như thế nào. Thêm vào đó, thức ăn chế biến xong được đặt vào tủ kính nhìn rất sạch sẽ và bắt mắt. Tại tất cả các gian hàng kinh doanh ăn uống đều có giấy treo công nhận cho từng hộ kinh doanh ăn uống với dòng chữ: Top 10 (hoặc top 30) cửa hàng “Đạt chuẩn văn minh tại chợ Hội An”. Đây chính là một trong những điểm nhấn mà mỗi du khách tới đây đều chú ý và ấn tượng, cùng với đó là sự an tâm hơn trong chất lượng được phục vụ.

Với nguồn nguyên liệu sạch, cộng với sự kì công, tỉ mỉ trong khâu chế biến, các gian hàng trong khu ẩm thực đảm bảo mang đến cho thực khách những món ăn không chỉ ngon miệng, bắt mắt mà còn đảm bảo vệ sinh trong từng công đoạn, giúp thực khách cảm thấy yên tâm

về chất lượng, đồng thời cảm nhận tinh tế nhất hương vị của các món ăn mà mình chọn lựa.

Cách trình bày món ăn bắt mắt

Ngoài sự đa dạng, phong phú, món ăn còn thể hiện cả sự thanh lịch mến khách của người Hội An ở hình thức trình bày và phối hợp màu sắc. Với vài thao tác và một chút sắp đặt, những món ăn đã thành một bức tranh nghệ thuật đầy hấp dẫn. Khi thưởng thức các món ăn ở khu ẩm thực chợ Hội An, thực khách không chỉ nếm vị ngon của món ăn mà còn được thỏa mãn nhu cầu ngắm nhìn “ngon cả mắt” và bổ dưỡng. Bát cao lầu được trang trí bắt mắt bởi các màu xanh của rau sống, thịt xiu màu nâu vàng, đậu phộng màu nâu, sợi cao lầu màu vàng đậm, ... khiến ai cũng muốn thưởng thức ngay. Hay tô mỳ Quảng dưới là rau sống, bên trên là trái dừa những sợi mỳ trắng xen kẽ những sợi vàng được chan với những miếng thịt gà hay thịt lợn, tôm, trứng béo ngậy thơm lừng ắt hẳn tạo cho người ăn cảm giác ngon miệng ngay từ cái nhìn đầu tiên khi được mang ra. Nhìn đĩa cơm gà vàng ươm điểm thêm ít rau răm, những lát hành tây trắng tinh, tương ớt đỏ tươi, tiêu lấm chấm được bày trong đĩa khiến ai cũng muốn thưởng thức ngay. Với những món giải khát thì sự kết hợp hài hòa của các hoa quả trong li sinh tố như thanh long, mít, đu đủ, xoài, măng cầu gai... càng làm nên sự hấp dẫn, khiến ai cũng phải thòm thèm. Chính vẻ đẹp của món ăn đã bổ sung đáng kể cho vị ngon, làm người ăn có hứng thú với món ăn và khi ăn thấy ngon hơn. Việc trình bày món ăn bắt mắt còn thể hiện sự tôn trọng của chủ quán đối với người thưởng thức.

Cách ứng xử đầy văn hóa

Đến chợ Hội An, sẽ bắt gặp nhiều hình ảnh, cách cư xử rất hay qua đó thể thấy sự thân thiện, mến khách của người dân bán ở chợ. Những thực khách mỗi dịp có ghé đến đây đều được đón tiếp rất nồng hậu và cởi mở với lời mời chào thân thiết, hóm hỉnh. Do vậy, món ăn không chỉ ngon về hương vị và cách chế biến mà còn “ngon” bởi tiếng mời chào thân thương của những người bán hàng. Điều đặc biệt ở khu ẩm thực này là đa phần người bán hàng đều có khả năng giao tiếp bằng tiếng anh, từ những câu mời chào đến phục vụ giao tiếp đều khá lưu loát. Vì thế, người bán hàng hòa nhã vui vẻ với thực khách với những câu chuyện dí dỏm, những lời hỏi thăm mang đến cảm giác thoải mái tự nhiên cho khách đồng thời họ cũng chính là người có thể giải thích những thắc mắc của khách về những món ăn, cách chế biến, về nguồn nguyên liệu cũng như cách thức thưởng thức đặc sản ẩm thực Hội An. Đó là lí do nhiều du khách khi đến với Hội An họ có cảm giác như về nhà mình. Với những người dân ở đây thì đôi khi chỉ là những lời hỏi thăm sức khỏe, tình hình làm ăn buôn bán của nhau... hay chỉ là những câu chuyện hài hước khiến thực khách cảm thấy gần gũi và thân thiện hơn. Có thể nói, những người bán hàng nơi đây chính là những sứ giả đưa đặc sản ẩm thực Hội An tới thực khách trong và ngoài nước.

Giá cả là một trong những yếu tố quan trọng thu hút thực khách bên cạnh chất lượng các món ăn. Ở đây, người dân địa phương và khách du lịch đều trả tiền cho món ăn như nhau, không có sự phân biệt. Tại mỗi gian hàng còn có bảng báo giá cụ thể cho từng món ăn, thức uống và luôn có đầy đủ 2 thứ tiếng

là tiếng Việt và tiếng Anh. Điều này tạo thuận lợi cho khách lựa chọn cũng như đảm bảo tình trạng không chật chội đối với khách du lịch. Chính điều này mang đến cho du khách sự an tâm khi ăn uống ở bất cứ gian hàng nào.

Có thể nói, tưởng chừng như thức ăn trong chợ chỉ là những món ăn bình dân, giản dị không cần phải kì công, dành nhiều tâm sức nhưng ở khu ẩm thực chợ Hội An lại khác, những món ăn ở đây đa dạng, phong phú về số lượng, chất lượng được đặt lên hàng đầu, trang trí bắt mắt thu hút thực khách. Cùng với phong thái phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp không thua kém các quán ăn, nhà hàng, khu ẩm thực chợ Hội An đã ghi điểm trong lòng thực khách.

Hiện nay cùng với sự phát triển du lịch, sự gia tăng của lượng khách quốc tế và nội địa đến Hội An, nhiều nhà hàng, quán ăn, hàng rong ven đường được mở ra... Nhưng khu ẩm thực chợ Hội An vẫn là điểm đến hấp dẫn để thực khách có thể cảm nhận được văn hóa ẩm thực

chợ Hội An. Với các yếu tố về sự đa dạng, chất lượng món ăn cùng cách phục vụ thân thiện, cởi mở thì khu ẩm thực Hội An sẽ còn thu hút khách du lịch nhiều hơn, đặc biệt sẽ được truyền tai đề khu ẩm thực nơi đây ngày càng phát triển.

Ẩm thực kể nên những câu chuyện, tìm về cội nguồn, và tiến triển cùng chúng ta, không những giới thiệu cho bạn bè thế giới về lối sống, thói quen, cách hành xử văn hóa con người tạo nên những ấn tượng mạnh mẽ, những tình cảm đặc biệt, mà ở đây – khu ẩm thực chợ Hội An còn đem lại lợi ích phát triển kinh tế du lịch, góp phần xây dựng một Hội An giàu mạnh - văn minh ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn An (2000), *Văn hóa ẩm thực ở khu phố cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Vũ Huyền (2003), *Văn hóa nghệ thuật ăn uống*, Nxb Tuổi trẻ.



MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỊA DANH Ở HỘI AN

Võ Hồng Việt

Địa danh, theo từ điển là “*tên đất, tên địa phương*”¹, “*tên xứ đất, tên gọi mỗi vùng, mỗi địa phương*”², là đối tượng nghiên cứu của Địa danh học - một bộ phận của Danh xưng học. Trong những năm gần đây, vấn đề địa danh được nhiều nhà khoa học tiếp cận, nghiên cứu bởi lẽ qua đó sẽ góp phần nhận diện rõ hơn đặc điểm cổ sinh học, đặc điểm địa lý, địa mạo, sinh thái cũng như bức tranh về lịch sử - văn hóa của vùng đất, khu vực. Việc nghiên cứu địa danh cũng hướng đến mục tiêu bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, dân tộc.

Vùng đất Hội An với bề dày lịch sử hơn 3000 năm, là địa bàn sinh sống liên tục của nhiều lớp cư dân - thành phần tộc người, từng là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của Quảng Nam nên đã định hình nên văn hóa Hội An đa dạng và mang những dấu ấn riêng được minh chứng qua những giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Là một thành phần quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An, những giá trị của địa danh đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến địa hình - địa mạo - sinh thái

và lịch sử - văn hóa Hội An. Với tầm quan trọng đó, trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An cần phải nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị của địa danh ở Hội An. Bước đầu tiếp cận qua công tác sưu tầm, chúng tôi đã thống kê được khoảng 2000 đơn vị địa danh ở Hội An đã từng và đang được sử dụng. Qua khối lượng đơn vị địa danh này, một mặt khẳng định quá trình khai phá, khám phá, sử dụng các dạng địa hình, địa mạo tự nhiên trong quá trình lao động sản xuất của người dân Hội An trong lịch sử, mặt khác thể hiện tư duy, tính sáng tạo của người dân Hội An trong việc sử dụng ngôn ngữ để định danh cho từng vùng đất, khu vực. Từ khối lượng đơn vị địa danh nói trên, bước đầu chúng tôi nhận thấy địa danh ở Hội An có những đặc điểm sau:

Trước hết, địa danh ở Hội An nhiều về số lượng, phong phú về loại hình phản ánh rõ nét đặc điểm sinh thái, địa hình địa mạo tự nhiên, đặc điểm xã hội, dân cư và lịch sử - văn hóa của vùng đất nằm ở cửa sông, ven biển và đảo ven bờ. Ít có nơi nào mà số lượng loại hình địa danh đa dạng như ở Hội An với gần 100 loại hình chỉ các đối tượng địa lý tự nhiên và địa lý nhân văn thuộc khu vực đất liền ở tả ngạn hạ lưu sông Thu Bồn và hải đảo Cù Lao Chàm. Một điều dễ dàng nhận thấy là khu vực nào mà địa hình địa mạo tự nhiên càng đa dạng thì

¹ Trần Văn Chánh (2005), Từ điển Hán Việt Hán ngữ cổ đại và hiện đại, tái bản lần 4, NXB Trẻ, 2005, trang 453.

² Viện Ngôn ngữ (2007), Từ điển tiếng Việt, NXB Từ điển Bách Khoa, 2007, trang 357.

nơi đó số lượng loại hình địa danh, số lượng địa danh càng nhiều. Hẳn nhiên điều này còn xuất phát từ hoạt động lao động sản xuất, sáng tạo và khám phá, chiếm lĩnh tự nhiên cũng như tư duy sáng tạo của con người trong việc sử dụng vỏ bọc ngôn ngữ. Nếu như ở Cẩm Thanh, số lượng đơn vị địa danh chiếm khoảng 10% tổng số địa danh sưu tầm được trên toàn địa bàn thành phố Hội An thì ở Cù Lao Chàm lại chiếm đến 25%. Đặc biệt, trong tổng số đơn vị địa danh ở Hội An chỉ đối tượng địa lý tự nhiên thì ở Cù Lao Chàm chiếm đến 45,4%. Tiếp cận địa danh chỉ đối tượng địa lý tự nhiên ở Cù Lao Chàm, số lượng loại hình và tần số xuất hiện của mỗi loại hình rất cao phản ánh rõ nét đặc điểm, điều kiện tự nhiên biển đảo ở đây. Trong khi các địa phương ở khu vực đất liền chỉ có một vài loại hình thì ở Cù Lao Chàm có đến 27 loại hình, bao gồm nông, nhón, nương, hòn, gò, cồn, dốc, đồi, bằng, eo, hói, hang, hực, vũng, sũng, khe, suối, mũi, bãi, bến, trướng,... Ở Hội An, trong địa danh chỉ đối tượng địa lý tự nhiên, loại hình có số lượng địa danh nhiều nhất là cồn. Trong địa danh chỉ đối tượng địa lý nhân văn, loại hình có số lượng địa danh nhiều nhất là xóm.

Hội An là mảnh đất “*Hội thủy, hội nhân và hội tụ văn hóa vô cùng đa dạng*”. Về tính chất “*Hội thủy*” của Hội An, dưới góc độ địa danh thể hiện rất rõ. Ở Hội An, số lượng loại hình địa danh và số lượng đơn vị địa danh liên quan đến nước rất nhiều như cồn (*cồn biển - cồn sông*), ao, bến, hói, sông, vũng, khe, cống, cầu, bầu, suối,... Tính chất “*Hội nhân*” của mảnh đất Hội An thể hiện khá rõ trong diễn trình lịch sử. Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học đã chứng minh trong quá khứ trên mảnh đất Hội An có nhiều lớp cư dân kế tiếp nhau sinh

sống. Đầu tiên là lớp cư dân Tiên Sa Huỳnh - Bãi Ông, đến lớp cư dân Sa Huỳnh thời kỳ Tiên - Sơ sử, lớp cư dân Chămpa thời kỳ Champa và các cộng đồng cư dân Việt, Hoa, Nhật, phương Tây thời kỳ Đại Việt - Đại Nam. Tại Hội An có nhiều địa danh mang dấu ấn Chămpa như miếu Thần Hời, Trà Quân, Trà Quế, Lùm Bà, Lãng Bà Lôi, Lùm Bà Yàng, Cù Lao Chàm,... Hầu hết những địa danh ở Hội An mà hiện nay sưu tầm được được hình thành, xuất hiện dưới thời Đại Việt. Những đợt di dân của người Việt, người Hoa đến Hội An cư trú cùng với sự lui tới sinh sống, buôn bán của các thương nhân Nhật Bản, phương Tây đã thúc đẩy sự hình thành các địa danh chỉ đối tượng địa lý nhân văn ở Hội An như tổng, làng/xã, xóm, ấp,... thuộc địa lý hành chính cư trú, các địa danh chỉ công trình xây dựng mang tính chất văn hóa - tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình xây dựng mang tính chất dân sinh và mang tính chất quân sự - chính trị. Ngoài địa danh người Việt chiếm số lượng áp đảo còn có nhiều địa danh liên quan đến người Hoa như cồn đất Bang, xã Minh Hương,... Dấu ấn lịch sử Hội An thời Pháp cũng thể hiện rất rõ qua địa danh với sự xuất hiện nhiều tên đường mang tiếng Pháp như Rue de Cantonnaise, Rue de Khải Định, Rue du Marché, Rue Hoi An, kiệt SICA...

Địa danh ở Hội An thể hiện sự kết hợp đa dạng các yếu tố của ngôn ngữ. Về mô hình cấu trúc, địa danh ở Hội An bao gồm hai yếu tố chứa đựng hai nội dung thông tin. Yếu tố 1 là danh từ chung, chứa đựng thông tin về loại hình của đối tượng như làng/xã, xóm, ấp, hòn, bãi, hang,... Yếu tố 2 là tên riêng, chứa đựng thông tin riêng của từng đối tượng hoặc những ý nghĩa mà chủ thể đặt tên

gửi gắm như phường Xuân Mỹ, hang Bà, mũi Đông Tai... Mỗi yếu tố đều có vai trò và chức năng riêng. Danh từ chung (yếu tố 1) giúp nhận biết loại hình của đối tượng địa danh, tên riêng (yếu tố 2) giúp phân biệt địa danh này với địa danh khác.

Danh từ chung chỉ các đối tượng địa lý tự nhiên, ngoài những từ quen thuộc chung như: sông, núi, ao, đầm, hồ, hố, lạch, kinh/kênh, mương, vũng, cửa, khe, gò, bãi, đồi, dốc, lùm, ruộng... còn có nhiều từ ít phổ biến hoặc biểu thị cho đặc điểm địa lý của Hội An như bầu, cù lao, hói, rộc, sũng, trắng, bằng,... Danh từ chung chỉ đối tượng địa lý nhân văn, ngoài những danh từ chung chỉ các khu cư trú thường gặp như: xóm, ấp, thôn, làng, xã, phường, tổng, huyện,... ở Hội An còn có các danh từ chung thể hiện đặc điểm riêng về dân cư, xã hội, lịch sử vạn, phố, lân, khu,...

Tên riêng là thành phần chính trong cấu trúc địa danh. Ở Hội An, cấu trúc tên riêng khá đa dạng, bao gồm cấu tạo đơn và cấu tạo phức. Cấu tạo đơn gồm chỉ một từ đơn tiết (như xóm Mới, xóm Dinh, xóm Trạt, xóm Đa,...) được cấu tạo từ nhiều từ loại khác nhau, danh từ (cầu Cống, làng Mây, bầu Súng,...), động từ (cồn Kiện), tính từ (xóm Mới, cửa Đại, hòn Khô,...), trạng từ (xóm Trong, xóm Giữa,...), số từ/số thứ tự; hoặc từ đơn đa tiết như kiệt SICA... Cấu tạo phức gồm hai thành tố trở lên. Tên riêng cấu tạo phức ở Hội An được kết cấu theo 3 dạng gồm quan hệ đẳng lập (xóm Cồn Đầm,...), quan hệ chính phụ (Trung Giang Thượng, Trung Giang Hạ,...), quan hệ chủ vị (sông Trầu Lân,...).

Về phương thức định danh cho các địa danh ở Hội An suu tầm được có

phương thức tự tạo (vũng Cây Chanh, bãi Bìm, bầu Súng,...), phương thức ghép (An Mỹ, Xuân Lâm, Xuân Quang,...), phương thức gộp, phương thức rút gọn, phương thức chuyển hóa. Các địa danh chỉ đối tượng địa lý tự nhiên thường định danh theo phương thức tự tạo dựa vào đặc điểm sinh thái, tính chất hay hoạt động đặc trưng/điển hình tại khu vực. Cách định danh này thể hiện rất rõ đối với các địa danh ở Cù Lao Chàm (Bãi Bìm: Bãi biển có nhiều dây Bìm Bìm; Bãi Tra: Bãi biển có nhiều cây Tra; Hang Bà: Hang đá có hình dáng giống âm vật của phụ nữ; Hang Tò Vò: Hang đá có hình dáng giống như tổ tò vò; Vũng Cây Chanh: Khu vực vũng này có cây chanh lớn; Mũi Cây Bút: Mũi đảo có cây bút lớn; Hang Trán Quỳ: Hang đá có nhón đá nhô ra với hình dáng dị kỳ; Vũng Thùng: Vũng biển có kiến tạo hình dáng giống như cái thùng; Vũng Bao Gạo: Khu vực vũng biển này có hòn đá có hình dáng giống như bao gạo; Đá Tàu: Hòn đá lớn nhô lên giống như mũi tàu; Đá Đen: Hòn đá lớn có màu đen; Hố Trò: Khu vực hố này có chủ yếu cây gõ Trò sinh sống; Hố Mít Nài: Khu vực hố này có chủ yếu cây mít nài sinh sống; Bằng Lâu Tán: Khu vực bằng này có chủ yếu cây Lâu Tán sinh sống; Mũi Đông: Mũi đảo nhô ra biển nằm xa nhất về phía đông của Hòn Lao; Dốc Gắm: Dốc núi có nhiều cây gắm,...)

Địa danh được xem là “hóa thạch” của tự nhiên, lịch sử và văn hóa. Do đó, qua nghiên cứu về địa danh ở Hội An sẽ nhận diện sâu nhiều vấn đề về văn hóa, lịch sử của mảnh đất Hội An, góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An hiệu quả hơn ♦

THÔNG TIN TƯ LIỆU

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ VĂN BIA Ở HỘI AN TRONG TỔNG TẬP THÁC BẢN VĂN KHẮC HÁN NÔM

Trần Văn An - Phạm Phước Tịnh

Vừa qua, trong quá trình thu thập tư liệu về lịch sử văn hóa Hội An, chúng tôi đã đã tiến hành sao chụp một số văn bia liên quan đến Hội An trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm do Viện nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam phối hợp với Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp và Viện Cao Học Thực hành Đại học Sorbonne (Pháp) xuất bản. Đa số những văn bia liên quan đến Hội An tập trung trong cuốn 9, 20 và 21 của Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm. Qua đối chiếu chúng tôi thấy bên cạnh những văn bia hiện còn được lưu giữ tại các di tích, thì một số văn bia do nhiều lý do hiện đã không còn. Với mong muốn cung cấp thêm một số thông tin mới liên quan đến lịch sử văn hóa Hội An qua văn bia, chúng tôi giới thiệu một số thác bản của các bia hiện không còn tại các di tích và trích lược nội dung của các thác bản này, cụ thể như sau:

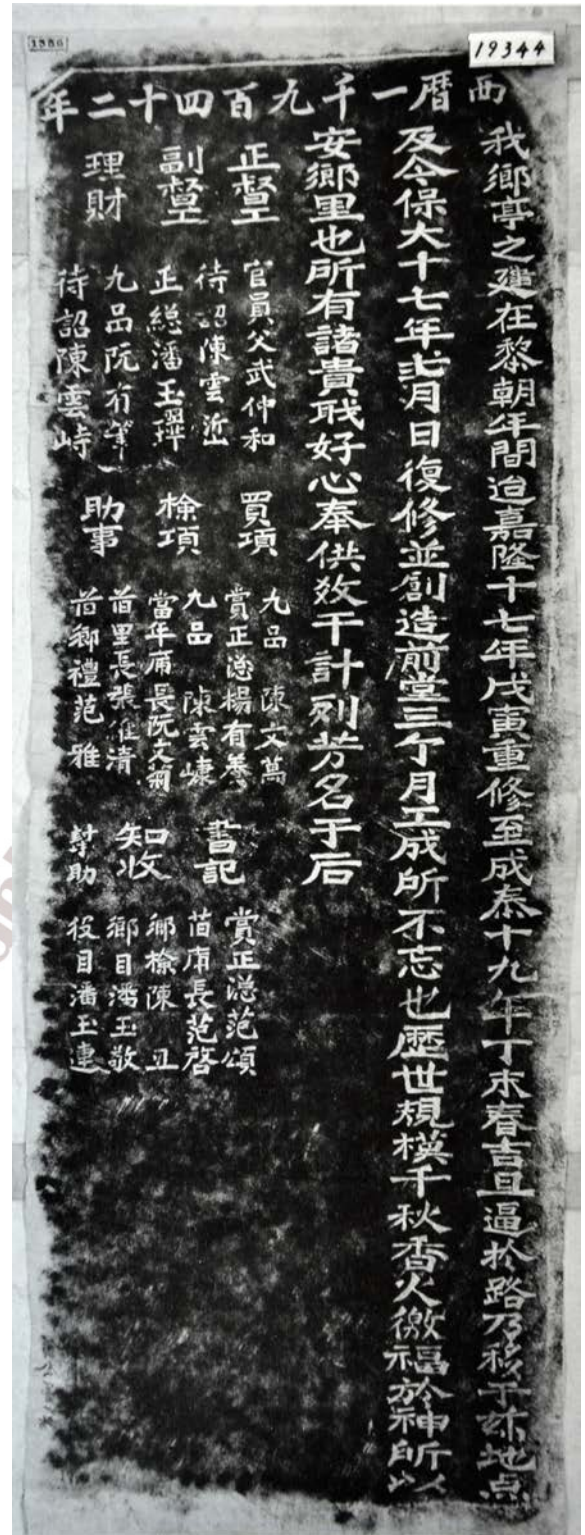
1. Bia ký hiệu số 19326: Bia trùng tu nhà thờ tộc Võ Văn ở xã Thanh Hà.



2. Bia ký hiệu số 19351: Bia lập đình Sơn Phô năm Thành Thái 2 (1890).



3. Bia ký hiệu số 19344: Bia trùng tu đình Cẩm Phô năm 1942, trong đó ghi: Đình làng xây dựng vào triều Lê, đến năm Gia Long 17 (1818) thì tu bổ, năm Thành Thái 19 (1907) do mở đường nên dời địa điểm, đến năm Bảo Đại 17 thì tu bổ và làm thêm tiền đình...



4. Bia ký hiệu số 19348: Bia lập đình tiền hiền giáp Đông xã Thanh Châu năm Tự Đức 7 (1854), trong bia ghi tên nhiều người làm yển, trong đó có tên Cáo thụ Tín nghĩa Đô úy, Phó thân quân hiệu, phó quản cơ gia tam cấp nhưng lãnh quản yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa Hồ Văn Hòa...



5. Bia ký hiệu số 19349: Bia trùng tu miếu thần năm Thiệu Trị 6 (1846). Người đứng dựng bia là Phó quản cơ lãnh yển hộ Hồ Văn Hòa ở xã Thanh Châu.

6. Bia ký hiệu số 19350: Bia cúng đất cho chùa năm Tự Đức 7 (1854). Người cúng là Nguyễn Văn Tổ, thư lại yển hộ ở giáp Đông xã Thanh Châu. Đất cúng là 2 sào ở Cây Chá xứ.



TIN TỨC – SỰ KIỆN

Lễ cúng Thanh minh, cầu an tại lăng Nghĩa Trung - phường Cửa Đại

Ngọc Hương

Từ ngày 03-05/4/2017 (nhằm ngày 07-09/3 Đinh Dậu), Ban Quản lý di tích lăng Nghĩa Trung cùng đông đảo bà con nhân dân, các doanh nghiệp trên địa bàn khối Tân Mỹ - phường Cửa Đại đã long trọng tổ chức lễ Thanh minh, cầu an tại di tích. Lễ túc được diễn ra ngày 03/4 nhằm ngày 07/3 âm lịch với hoạt động nghinh thần và cúng tại lăng. Lễ chính tổ chức vào ngày 04/4 theo nghi thức cổ truyền. Tham dự buổi lễ chính có đại diện lãnh đạo các ban ngành của thành phố Hội An, lãnh đạo chính quyền phường Cửa Đại và đông đảo bà con nhân dân khối Tân Mỹ. Bên cạnh phần nghi lễ, Ban Quản lý di tích cũng đã tổ chức hát tuồng vào các đêm ngày 4 và 5 để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của cộng đồng cư dân địa phương. Di tích lăng Nghĩa Trung được Ủy Ban Nhân dân thành phố Hội An đưa vào danh mục di tích lịch sử - văn hóa thành phố tại công văn số 200/TB - UBND ngày 22/5/2015. Lễ cúng Thanh minh tại di tích là lễ lệ truyền thống từ xưa của cộng đồng được bảo tồn cho đến ngày nay, cần tiếp tục gìn giữ và phát huy♦

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích Yến nghệ tổ miếu - xã Cẩm Thanh

Ngọc Hương

Di tích Yến nghệ tổ miếu (miếu ông Tiến) ở thôn Thanh Đông, xã Cẩm

Thanh là di tích lịch sử văn hóa, được cấp bằng xếp hạng cấp Tỉnh năm 2011. Di tích là nơi thờ cúng những người có công trong việc sáng lập và phát triển nghề khai thác tổ chim yến của làng Thanh Châu và các vị thần bảo hộ của nghề. Trải qua thời gian sử dụng, di tích bị xuống cấp và đã được UBND thành phố Hội An thống nhất chủ trương tu bổ. Sau hơn 2 tháng thi công tu bổ, đầu tháng 4/2017, công trình tu bổ di tích được hoàn thành. Ngày 14/4, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành của thành phố, UBND xã Cẩm Thanh tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng di tích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng nhân dân địa phương. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích là 448.325.000 đồng, từ ngân sách Tỉnh và thành phố Hội An. Việc tu bổ hoàn thành di tích góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa Hội An♦

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích đình Thanh Tam - xã Cẩm Thanh

Ngọc Hương

Sau hơn 6 tháng thi công tu bổ tôn tạo, vào ngày 14/4, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành của thành phố, UBND xã Cẩm Thanh và đơn vị thi công tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng di tích đình Thanh Tam, thôn Thanh Tam Tây, xã Cẩm Thanh. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích là 1.564.544.000 đồng, từ nguồn ngân sách của thành phố Hội An. Được



biết, di tích đình Thanh Tam là công trình kiến trúc tín ngưỡng quan trọng của cư dân làng Thanh Tam xưa. Trải qua thời gian, di tích đã bị hư hại nghiêm trọng. Việc tu bổ hoàn thành di tích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng nhân dân địa phương, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa xã Cẩm Thanh nói riêng, thành phố Hội An nói chung ♦

Tổ chức triển khai “Dự án đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch Di sản tại các làng nông ngư nghiệp vùng sâu vùng xa” tại Cù Lao Chàm - Hội An

Hoàng Phúc

Nằm trong “Dự án đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch Di sản tại các làng nông ngư nghiệp vùng sâu vùng xa” thuộc khuôn khổ Chương trình Đối tác Phát triển của JICA tại Việt Nam, trong đó có chương trình phát triển sản phẩm



lá Lao (hay còn gọi là Trà lá rừng) Cù Lao Chàm, ngày 20/4/2017, Trung tâm Quản lý bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với đại diện Dự án, phòng Kinh tế, Ban Quản lý Bảo tồn biển tổ chức buổi gặp mặt 36 hộ hiện đang khai thác, kinh doanh trà lá Lao tại Cù Lao Chàm - xã Tân Hiệp. Trong buổi gặp mặt, đoàn công tác đã trao đổi với bà con về việc khai thác bền vững nguồn lá Lao, các lưu ý về an toàn vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản và đóng gói sản phẩm, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng tầm sản phẩm trà lá Lao thông qua việc nâng cấp hình thức bao bì đóng gói.

Bước đầu, chương trình hỗ trợ mỗi hộ khai thác, kinh doanh trà lá Lao một máy dập miệng túi (thay cho việc dùng đèn cầy hoặc đinh bấm như cách bà con đang làm), 50 bao bì bằng giấy kraft đóng gói kèm theo nhãn dán, đồng thời hướng dẫn bà con cách thức sử dụng máy, đóng gói sản phẩm. Trên nhãn dán có logo thương hiệu, thông tin về thành phần, ngày sản xuất và hạn sử dụng của sản phẩm bằng song ngữ Việt – Anh. Việc đóng gói sản phẩm bằng túi giấy góp phần giảm thiểu rác thải khó phân hủy, tạo sự thân thiện với môi trường, và cũng phù hợp với chương trình “Nói không với túi nilon” ở xã đảo. Ngoài ra, chương trình còn có các mẫu phiếu khảo sát đối với du khách góp ý về chất lượng, hình thức mẫu mã bao bì sản phẩm trà lá Lao để từ đó có các điều chỉnh cho phù hợp, hiệu quả hơn trong các lần hỗ trợ tiếp theo. Cuối ngày làm việc, đoàn cũng đã đến tham quan trực tiếp việc đóng gói trà lá Lao của một số hộ gia đình, có các hướng dẫn, hỗ trợ cụ thể để bà con thực hiện ♦

Tham gia trưng bày sách giới thiệu về Hội An

Thùy Dương

Trong những ngày từ 21 - 24/4/2017, thành phố Hội An và Sở Thông tin - Truyền thông phối hợp tổ chức triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu với chủ đề: “*Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý*” và triển lãm sách xuất bản năm 2017 tại Thư viện Hội An - Thanh Hóa. Tham gia hoạt động này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã trưng bày hơn 20 đầu sách giới thiệu về địa chí - lịch sử - văn hóa Hội An do Trung tâm biên soạn, xuất bản. Trong đó tiêu biểu là: Sách cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử, Di sản Văn hóa văn nghệ dân gian Hội An, Nghề truyền thống, Lễ lệ lễ hội, Di sản Hán Nôm tập văn bia và tập Tư liệu lưu trữ của nhà thờ tộc Nguyễn Tường... và bộ ấn phẩm Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản. Qua việc trưng bày, giới thiệu những ấn phẩm này vừa góp phần quảng bá những giá trị lịch sử, văn hóa Hội An, đồng thời cũng giúp cho người xem, đặc biệt là thế hệ trẻ Hội An có điều kiện tiếp xúc, nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn về mảnh đất và con người Hội An♦

Lễ cúng cầu ngư tại xã Tân Hiệp

Ngọc Hương

Vào ngày mùng 03 - 04/4 âm lịch hằng năm, ngư dân xã đảo Tân Hiệp (Cù Lao Chàm) long trọng tổ chức lễ hội Cầu Ngư nhằm tạ ơn và cầu mong thần Nam Hải phù hộ, độ trì cho ngư dân trên đảo được bình an đánh bắt thủy hải sản đạt kết quả cao trong mỗi chuyến ra khơi.

Năm nay, lễ cúng diễn ra vào ngày 28 và 29 tháng 4 dương lịch. Ngày 28 diễn ra lễ nghinh thần tại các di tích tín ngưỡng. Kết thúc lễ nghinh thần là lễ túc. Buổi trưa và chiều cùng ngày diễn ra hoạt động diễn xướng bả trạo. Lễ chính tổ chức vào ngày 29 với lễ tế âm linh và cúng cầu ngư theo nghi thức truyền thống. Trong dịp lễ cúng cầu ngư năm nay, cộng đồng ngư dân Cù Lao Chàm còn tổ chức các hoạt động thể thao dưới nước như bơi lội, kéo co, lắc thúng chai,...

Lễ cúng cầu ngư là một trong những lễ hội lớn được diễn ra hàng năm của người dân xã đảo Tân Hiệp - Cù Lao Chàm, thu hút đông đảo bà con ngư dân và du khách tham gia, tạo không khí vui tươi phấn khởi cho mùa vụ đánh bắt thủy hải sản mới của ngư dân địa phương♦

Di tích Thanh Minh từ của làng Minh Hương được ghi vào Danh mục di tích Lịch sử - Văn hóa của Thành phố

Nguyễn Cường

Thanh Minh từ của làng Minh Hương tọa lạc ở khối An Phong, phường Tân An, là công trình kiến trúc tín ngưỡng quy mô và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân làng Minh Hương sinh sống tại khu vực này trước đây. Mặc dù hiện nay di tích đã bị hư hại, chỉ



còn lại nền móng và những bia đá nhưng đó là chứng tích, tư liệu thực địa quan trọng góp phần nghiên cứu nhiều vấn đề liên quan đến làng Minh Hương ở Hội An trong lịch sử; đồng thời giúp cho công tác tìm hiểu, giáo dục về lịch sử, văn hóa địa phương cho thế hệ trẻ. Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành khảo sát, lập hồ sơ trình và được UBND Thành phố thống nhất bổ sung những phần còn lại của di tích này vào Danh mục bảo vệ của Thành phố tại Công văn số 1606/UBND ngày 05/5/2017. Việc bổ sung di tích vào danh mục bảo vệ của Thành phố là cơ sở để các cấp chính quyền và cộng đồng nhân dân địa phương triển khai các biện pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích trong thời gian đến ♦

Triển khai công tác chống mối các di tích vùng ven (giai đoạn 2) năm 2017 **Ngọc Hương**

Vào chiều ngày 12/5/2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với một số ban ngành của Thành phố tiến hành bàn giao mặt bằng thực hiện dự án chống mối các di tích vùng ven (giai đoạn 2) năm 2017. Theo đó, có 14 di tích sẽ được chống mối trong đợt này gồm: Chùa Kim Bửu, nhà thờ tộc Phan Xuân, nhà ông Trương Kim Sen (xã Cẩm Kim); Miếu tổ nghề



Yến, nhà ông Trần Cần, tịnh xá Ngọc Hương, tịnh xá Ngọc Truyền, chùa Hải Tạng (xã Tân Hiệp); Nhà thờ tộc Huỳnh, tịnh xá Ngọc Châu, đình Đế Vông, chùa Nam Tôn (phường Cẩm Châu); Chùa Vạn Đức, chùa Phước Lâm (xã Cẩm Hà). Dự án chống mối này do Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình thực hiện với tổng kinh phí được phê duyệt 1.118.979.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hội An. Thời gian thi công thực hiện chống mối cho các di tích nói trên là 90 ngày. Các di tích sẽ được xử lý diệt tận gốc và phòng chống mối không xâm hại lại nhằm góp phần bảo tồn hiệu quả các di tích vùng ven trong thời gian đến ♦

Kết quả cuộc thi sáng tác logo Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An

Thùy Dương

Để có một biểu trưng đầy đủ ý nghĩa thể hiện rõ nét nhất những đặc trưng văn hóa - thiên nhiên, sức hấp dẫn của Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An sử dụng chính thức trong các hoạt động giới thiệu, tuyên truyền và quảng bá cho mục tiêu bảo tồn, khai thác, phát triển Kinh tế, Văn hóa - Xã hội của Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An, tháng 5/2016 thành phố Hội An phát động cuộc thi sáng tác biểu trưng (logo) Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An đồng thời giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì thực hiện công việc này. Sau một năm phát động, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã nhận được nhiều tác phẩm của các tác giả khắp mọi nơi gửi về tham gia dự thi. Qua chấm chọn, Ban tổ chức

đã chọn 01 giải nhất và 05 giải khuyến khích. Ngày 12/5/2017, UBND Thành phố Hội An có ban hành Quyết định số 1033/QĐ - UBND công nhận kết quả cuộc thi sáng tác logo Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An. Theo đó, giải nhất thuộc về tác giả Nguyễn Trọng Dũng (MS: 09) - số 117 Hoàng Văn Thụ - thành phố Đà Nẵng; 05 giải khuyến khích thuộc về các tác giả: Cù Hồng Sơn (MS:01) - số 9 ngõ 25 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội; Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp TW (MS: 04) - số 204, đường Hồ Tùng Mậu, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Lê Quý Hải (MS: 05) - P. 813 Tòa nhà LICO61 -13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội; Lê Hữu Lành (MS: 06) - số nhà 22/16, kiết 119 Hùng Vương, Phường Phú Hội, Thừa Thiên Huế; Phan Văn Quang - Cẩm Nam, Hội An. Các cá nhân/tổ chức đạt giải thưởng sẽ được trao vào ngày 26/5/2017 trong chương trình kỷ niệm 08 năm ngày Cù Lao Chàm – Hội An được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

**Đại hội Chi đoàn Trung tâm
Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa
Hội An nhiệm kỳ 2017 - 2019**

BCH Chi Đoàn

Thực hiện kế hoạch số 23-KH/ĐTN, ngày 23/9/2016 của BCH Đoàn thành phố Hội An về tổ chức Đại hội Đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hội An lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2017-2022, được sự thống nhất của BTV Thành đoàn, Đảng ủy Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa về việc tổ chức Đại hội chi đoàn hết nhiệm kỳ, vào ngày 16/5/2017, Chi đoàn Trung tâm

Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2017 - 2019.

Đại hội đã diễn ra với sự tham dự của đại biểu Ban Thường vụ Thành đoàn, đại biểu một số chi đoàn bạn, cùng đại biểu Đảng ủy Trung tâm, Ban giám đốc, lãnh đạo các đoàn thể, các chi bộ, các phòng chuyên môn trực thuộc Trung tâm và toàn thể đoàn viên chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Tại Đại hội, BCH Chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An khóa VIII đã báo cáo đã đánh giá kết quả công tác trong nhiệm kỳ 2014 - 2017; phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2017-2019. Sau một ngày làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt huyết và dân chủ, Đại hội Chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã thông qua phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2017 - 2019 với chủ điểm hành động xuyên suốt là “*Tuổi trẻ Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An - Đoàn kết - Xung kích - Sáng tạo trên lĩnh vực bảo tồn di sản*”; phần đầu đạt được những chỉ tiêu cơ bản gồm:

- 90% đoàn viên xếp loại đoàn viên xuất sắc,

- Giữ vững danh hiệu Chi đoàn Vững mạnh xuất sắc,

- 100% đoàn viên được tham gia học tập đầy đủ các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Đoàn gắn với thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”,

- Mỗi năm có 01 công trình, phần việc thanh niên,

- Tiếp tục giúp đỡ 01 gia đình có hoàn cảnh khó khăn,

- Mỗi năm xây dựng một gương điển hình tiên tiến về học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác,

- 100% ĐVTN thực hiện tốt chương trình nâng cao năng lực chuyên môn của cơ quan,

- Mỗi năm Chi đoàn tổ chức 01 diễn đàn thanh niên liên quan đến lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa Hội An,

- Phân đấu giới thiệu cho Đảng bộ xem xét kết nạp Đảng từ 03 đến 04 đoàn viên ưu tú.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng đã bầu ra Ban chấp hành khóa IX, nhiệm kỳ 2017-2019 với 05 đoàn viên trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn để thực hiện mục tiêu đưa phong trào Đoàn của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An ngày càng phát triển và thực hiện đạt được những chỉ tiêu cơ bản mà đại hội đã nhất trí thông qua

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích nhà thờ tộc Đình - phường Cẩm Nam

Ngọc Hương

Sau hơn 3 tháng thi công, công trình tu bổ di tích nhà thờ tộc Đình – phường Cẩm Nam đã hoàn thành. Vào sáng ngày 19/5/2017, Trung tâm Quản lý



Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND phường Cẩm Nam tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ di tích nhà thờ tộc nói trên. Đây là di tích được UBND tỉnh Quảng Nam cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh vào năm 2013. Di tích được tu bổ từ nguồn vốn ngân sách Tỉnh bố trí trùng tu di tích hằng năm với mức hỗ trợ 60%, thành phố Hội An đầu tư 40% trong tổng mức đầu tư tu bổ cho toàn bộ di tích là 695.514.000 đồng. Việc tu bổ hoàn thành di tích đáp ứng kịp thời nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của bà con trong tộc họ, vừa góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn phát huy các di tích trên địa bàn thành phố

Thống nhất lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Phục hồi và phát huy giá trị khu di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu

Ngọc Hương

Rừng dừa Bảy Mẫu là di tích lịch sử gắn với quá trình đấu tranh yêu nước cách mạng của quân và dân Cẩm Thanh, Hội An nói riêng, của tỉnh Quảng Nam nói chung, đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh vào năm 2007. Trải qua thời gian dài do nhiều nguyên nhân tác động các hạng mục liên quan đến khu di tích đã bị hư hại. Để bảo tồn và phát huy giá trị di tích, trên cơ sở đề nghị của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, ngày 29/5/2017, UBND thành phố Hội An đã có văn bản số 1933/UBND thống nhất giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Phục hồi và phát huy giá trị khu di tích lịch sử cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu

trình các cấp thẩm quyền thống nhất để triển khai thực hiện các bước kế tiếp theo quy định. Được biết thời gian thực hiện của dự án từ năm 2018 đến 2020. Việc triển khai thực hiện hoàn thành dự án này sẽ góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di tích Rừng dừa Bảy Mẫu, đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, học tập, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, đồng thời góp phần quan trọng cho công tác giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ, phục vụ hoạt động du lịch đang phát triển mạnh ở địa phương và nâng cao đời sống kinh tế văn hóa, xã hội cho người dân ♦

**Triển lãm tư liệu
“Hội An - Quảng Nam, những dấu
mốc lịch sử qua Châu bản, Mộc bản
triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới”**

Ban biên tập



Châu bản và Mộc bản triều Nguyễn là nguồn sử liệu đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam thời kỳ cận đại. Do hội tụ đầy đủ các tiêu chí như: giá trị về mặt nội dung, tính độc đáo về hình thức, tính xác thực, duy nhất, tầm ảnh hưởng đến khu vực và quốc tế, nên Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn đã được UNESCO lần lượt vinh danh là Di sản Tư liệu thế giới vào tháng

7/2009 đối với tư liệu Mộc bản và Di sản Tư liệu thế giới thuộc Khu vực Châu Á Thái Bình Dương đối với tư liệu Châu bản vào tháng 5/2014.

Là một vùng đất có vị trí quan trọng nên Quảng Nam nói chung, Hội An nói riêng được ghi chép trong nhiều trang tư liệu của Châu bản và Mộc bản triều Nguyễn. Nhằm giới thiệu những trang tư liệu quý này đến với nhân dân và du khách để qua đó nâng cao nhận thức và lòng tự hào về lịch sử - văn hóa địa phương, đất nước, trong dịp Festival Di sản Quảng Nam lần thứ 6, UBND thành phố Hội An phối hợp với Cục văn thư lưu trữ nhà nước tổ chức triển lãm tư liệu với chủ đề “ *Hội An - Quảng Nam, những dấu mốc lịch sử qua Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới*” từ ngày 06-16/6/2017 tại Bảo tàng Hội An - số 10B Trần Hưng Đạo - thành phố Hội An.

Triển lãm chính thức khai mạc vào sáng nay với sự tham dự của ông Nguyễn Xuân Hùng - Giám đốc Trung tâm lưu trữ quốc gia IV, ông Vũ Văn Tâm - Giám đốc Trung tâm lưu trữ quốc gia II, bà Nguyễn Thị Hoài - Phó Giám đốc Trung tâm lưu trữ quốc gia I, ông Trần Ánh - Tỉnh ủy viên, Phó bí thư thường trực Thành ủy Hội An, ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An, ông Lê Chơí - Chủ tịch UBMTTQVN thành phố Hội An cùng đại diện lãnh đạo các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể và cán bộ, nhân dân thành phố Hội An.

Triển lãm giới thiệu hơn 80 hình ảnh tư liệu và phiên bản hiện vật phản ánh những mốc son chính về Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Hội An - Quảng Nam từ khi vùng đất này là quận Nhật Nam trải qua thời kỳ

vương quốc Champa và thời kỳ Đại Việt lúc Quảng Nam trở thành vùng đất trù phú với cảng thị Hội An nổi tiếng. Triển lãm cũng giới thiệu những tư liệu quý liên quan đến vị trí chiến lược và những đóng góp quan trọng của vùng đất Quảng Nam xưa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; những tư liệu minh chứng Quảng Nam là vùng đất hiếu học với những danh nhân tiêu biểu đỗ đạt dưới thời Nguyễn như: Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu (*Hoàng Kim Tích*), Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...

Qua triển lãm này sẽ giúp cho nhân dân và du khách hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất và con người Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung trong hành trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc, trong việc cùng chung tay giữ gìn và phát huy tốt các di sản văn hóa của Việt Nam♦

Khai mạc hội chợ công thương Quảng Nam 2017

Trang Thi

Hòa trong không khí hân hoan, sôi động của Festival Di sản Quảng Nam lần thứ VI năm 2017, vào chiều ngày 09/6/2017, tại Trung tâm Văn hóa Thể thao Phường Tân An, thành phố Hội An



đã diễn ra lễ khai mạc Hội chợ Công thương Quảng Nam 2017. Hội chợ Công thương này kéo dài từ ngày 09 - 14/6/2017, là hoạt động có ý nghĩa quan trọng kết nối các vùng miền, thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại và xúc tiến thương mại đầu tư. Đồng thời, qua đây giới thiệu tiềm năng thế mạnh, quảng bá thương hiệu sản phẩm của các địa phương, các doanh nghiệp trong cả nước, với các nhà đầu tư và du khách quốc tế khi đến với Quảng Nam nói chung và khu vực Duyên Hải nói riêng.

Là một trong chuỗi các sự kiện quan trọng của Festival kết nối các Di sản, Hội chợ Công thương Quảng Nam năm 2017 thuộc chương trình xúc tiến thương mại quốc gia do Cục Xúc tiến thương mại thuộc Bộ Công thương và Sở Công thương chủ trì, là hội chợ có uy tín, thu hút nhiều địa phương, doanh nghiệp trong nước đến tham gia. Đây cũng chính là cơ hội để Quảng Nam cùng các tỉnh thành trong nước, các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp về thành phố Hội An để giao lưu trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu tiềm năng thế mạnh và quảng bá thương hiệu sản phẩm của địa phương đến với các nhà đầu tư và tất cả các du khách, tạo cầu nối trong hợp tác và đầu tư góp phần đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển thị trường. Hội chợ Công thương Quảng Nam đã quy tụ 400 gian hàng của 230 doanh nghiệp đến trưng bày, giới thiệu những thành tựu kinh tế - xã hội, tiềm năng, thế mạnh sản phẩm, dịch vụ phong phú, đa dạng của các doanh nghiệp trong nước và sự tham gia của hơn 20 Sở Công thương các tỉnh thành phố. Sản phẩm trưng bày giới thiệu lần này chủ yếu gồm các ngành hàng, mặt hàng chủ lực và thiết yếu với mục tiêu tập trung phát triển thị trường hàng hóa sản xuất gần

liên với xuất khẩu. Với sự hưởng ứng tham gia tích cực của người tiêu dùng, của các địa phương, doanh nghiệp và sự chỉ đạo sâu sát của Bộ Công thương, sự hỗ trợ giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp các ngành, Hội chợ Công thương lần này đã đem đến cho người dân, du khách sự mới mẻ, hấp dẫn, sự uy tín và đảm bảo về chất lượng sản phẩm

Lễ trao giải Hợp xưởng quốc tế Việt Nam lần thứ V tại Hội An *Trang Thi*



Vào lúc 16h00 ngày 10/6/2017 đã diễn ra buổi lễ trao giải hội thi Hợp xưởng Quốc tế Việt Nam lần thứ V tại Nhà hát thành phố Hội An. Tham dự buổi lễ trao giải với sự tham gia của hơn 1.000 nghệ sĩ thuộc 32 đoàn hợp xưởng đến từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tổng cộng gồm có 29 chứng chỉ Vàng và 18 chứng chỉ Bạc đã được Ban Giám khảo quốc tế trao tặng cho các tiết mục dự thi đẳng cấp, đầy màu sắc của các đoàn. Buổi trao giải được diễn ra hết sức hòa hợp nhưng cũng không kém phần sôi nổi với sự hò reo, vui mừng của các nghệ sĩ, các đội dự thi đến từ các quốc gia đã đem lại cho buổi lễ sự thành công rực rỡ. Hội thi hợp xưởng quốc tế tại Hội An được tổ chức 2 năm một lần, không chỉ trở thành một điểm hẹn quen thuộc của những quốc gia có nền âm

nhạc và nghệ thuật trình diễn hợp xưởng phát triển mà cũng là một thương hiệu văn hóa giúp quảng bá sâu rộng hơn hình ảnh Hội An, Việt Nam tới công chúng và bạn bè trên quốc tế

Hội thảo khoa học “Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - vai trò và các mối liên hệ”

Hồng Việt

Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “*Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - Vai trò và các mối liên hệ*” nằm trong chuỗi hoạt động của Festival di sản Quảng Nam lần thứ VI diễn ra tại thành phố Hội An. Hội thảo này được tổ chức vào ngày 13/6 vừa qua tại Làng lụa Hội An do Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội phối hợp với UBND thành phố Hội An tổ chức với sự tham dự của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước, lãnh đạo chính quyền và cơ quan chuyên môn của địa phương. Mục đích của hội thảo là nhằm hướng đến những nhận thức mới, sâu sắc và toàn diện hơn về mô hình và đặc điểm phát triển của các thương cảng miền Trung trong mối liên hệ, so sánh với các trung tâm kinh tế khác của đất nước và hệ thống giao thương châu Á.

Có 33 bài tham luận khoa học của



các học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia hội thảo tập trung vào các nội dung chủ yếu như: Quá trình hình thành, phát triển của các thương cảng miền Trung qua các thời kỳ lịch sử; Vai trò, vị trí của các thương cảng miền Trung; Chủ trương, chính sách bảo vệ chủ quyền, an ninh biển, các vùng đặc quyền kinh tế, tuyến giao thương của các chính thể và chính quyền địa phương; Hoạt động của các trung tâm sản xuất, buôn bán, vùng cung cấp nguyên liệu; Vai trò và sự tham gia của các tộc người, cộng đồng thương nhân; Sự chuyển biến của hệ thống thương cảng miền Trung và hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XV-XIX. Tại buổi hội thảo, các nhà khoa học đã thảo luận sôi nổi, nhiệt huyết trên tinh thần khoa học, khách quan về các vấn đề liên quan đến những nội dung nói trên.

Hội thảo được tổ chức vừa góp phần làm phong phú các hoạt động của Festival di sản Quảng Nam lần VI, đồng thời cũng khẳng định thêm vai trò, tầm quan trọng của Hội An - đô thị thương cảng quốc tế trong lịch sử, một trung tâm văn hóa, du lịch của khu vực hiện nay ♦

Lễ bế mạc Festival Di sản Quảng Nam lần thứ VI năm 2017

Ngọc Hương

Trải qua 1 tuần diễn ra với nhiều hoạt động sôi nổi, hấp dẫn, vào tối ngày 14/6/2017, tại Quảng trường sông Hoài, thành phố Hội An, UBND tỉnh Quảng Nam đã tổ chức bế mạc Festival Di sản Quảng Nam lần thứ VI năm 2017. Tham dự buổi lễ về phía Trung ương có bà Đặng Thị Ngọc Thịnh - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Phó Chủ

tịch nước. Về phía tỉnh Quảng Nam có ông Nguyễn Ngọc Quang - Bí thư Tỉnh ủy, ông Phan Việt Cường - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, ông Đinh Văn Thu - Chủ tịch UBND tỉnh, ông Võ Xuân Ca - Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, ông Lê Văn Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, kiêm Trưởng ban tổ chức Festival Di sản Quảng Nam – 2017.

Với với chủ đề: “*Hành trình kết nối di sản*”, Festival di sản Quảng Nam năm nay là nơi gặp gỡ của hơn 2.000 nghệ sĩ, diễn viên, nghệ nhân, vận động viên, nhà khoa học, doanh nhân đến từ 33 quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế và 35 tỉnh, thành phố trong cả nước, với 22 hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao, du lịch đặc sắc, phong phú, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

Festival năm nay với nhiều hoạt động diễn ra phong phú, đa dạng trong toàn Tỉnh như: Liên hoan hô hát bài Chòi các tỉnh miền Trung Việt Nam và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh; Lễ hội Sâm Ngọc Linh; Trình diễn nghi thức dựng cây Nêu các dân tộc Việt Nam với chủ đề “*Hương sắc vùng cao Quảng Nam*”; Hội thảo Quốc tế Bảo tồn và phát huy giá trị các Đô thị Di sản; Diễn đàn du lịch miền Trung - Tây Nguyên; Festival tơ lụa, thổ cẩm Việt Nam và Thế giới; một số giải thi đấu thể thao gắn liền với bản sắc và truyền thống như: Giải đua thuyền buồm Việt Nam mở rộng và Giải lướt ván buồm vô địch thế giới; Festival thuyền Kayak toàn quốc mở rộng...

Nhiều cuộc hội thảo, diễn đàn và gặp gỡ quốc tế nhằm tìm giải pháp cho việc bảo tồn, phát huy giá trị các di sản, cũng như giải pháp cho phát triển du lịch

của Quảng Nam và khu vực miền Trung - Tây nguyên đã diễn ra.

Đặc biệt, Hội thảo quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị đô thị di sản do UNESCO bảo trợ đã ra Tuyên bố Hội An 2017, thể hiện mối quan tâm chung trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển kinh tế xã hội, làm cho di sản thực sự ở trong tâm thức của nhân loại.

Tại buổi lễ bế mạc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh đã phát biểu: *“Có thể nói, thành công của Festival năm nay chính là việc tỉnh Quảng Nam đã biết huy động sự nỗ lực tham gia của cộng đồng và xã hội. Nhiều hoạt động trong Festival đã mang tính xã hội hóa cao. Đây là hướng đi đúng trong việc tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật. Tôi mong muốn và tin tưởng rằng, trong thời gian tới tỉnh Quảng Nam tiếp tục duy trì và phát huy thương hiệu Festival Di sản Quảng Nam; nghiên cứu, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng và thiết thực hơn nữa, thu hút nhiều nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả hơn. Đồng thời, quan tâm chọn lọc để quảng bá những đặc trưng về văn hóa, ẩm thực, những sản phẩm du lịch đặc sắc do chính con người xứ Quảng tạo nên, để ngày càng thu hút nhiều hơn du khách trong nước và quốc tế, góp phần đưa Quảng Nam phát triển nhanh và bền vững”*.

Ngay sau phát biểu bế mạc là Chương trình nghệ thuật với chủ đề *“Thu Bồn - dòng sông di sản”* được dàn dựng công phu, với các tiết mục biểu diễn đặc sắc, tái hiện một cách tinh tế nhưng không kém phần sinh động những địa danh văn hóa, tâm linh trải dài theo

lòng sông Thu Bồn. Bên cạnh đó chương trình còn có những tiết mục biểu diễn mang đậm văn hóa đặc sắc đến từ các bạn bè quốc tế tham dự Festival như song tấu trống của Seojanggu của đoàn nhạc cụ dân tộc Nan-gye, tỉnh Chungcheongbukdo (*Hàn Quốc*), điệu luân vũ *“mùa hoa anh đào”* của những cô gái Phù Tang...

Có thể nói rằng Festival Di sản Quảng Nam lần thứ VI năm 2017 đã diễn ra thành công tốt đẹp, tạo ra cơ hội để quảng bá hình ảnh Quảng Nam giàu tài nguyên về du lịch, một điểm đến đậm đà bản sắc văn hoá, một thiên đường du lịch biển, đảo của Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và đưa du lịch Quảng Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong nhiều năm qua ♦

Tham gia Hội nghị quốc tế về Các thành phố Di sản và Du lịch bền vững tại Siem Reap - Campuchia

Bảo Vy

Trong 2 ngày 14 và 15/6 vừa qua, tại Siem Reap - Campuchia đã diễn ra hội nghị quốc tế về các thành phố Di sản và Du lịch bền vững. Hội nghị này được tổ chức bởi văn phòng UNESCO tại Phnom Penh, với sự hợp tác, hỗ trợ từ tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hiệp quốc (UNWTO) và tổ chức UNESCO. Hội nghị thu hút sự tham gia của các chuyên gia trong khu vực và quốc tế, lãnh đạo cơ quan chuyên môn của các thành phố di sản trong khu vực, lãnh đạo cơ quan chuyên môn trung ương và chính quyền cấp tỉnh có liên quan của Campuchia. Hội nghị tập trung thảo luận các giá trị của di sản đô thị được xem như tài sản chủ chốt cho các thành phố

bền vững. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cử ông Phạm Phú Ngọc - Phó Giám đốc Trung tâm tham dự và phát biểu tại hội nghị này với bài tham luận liên quan đến vấn đề Quản lý và quy hoạch Di sản Đô thị; Bảo tồn, phát triển Du lịch và sự tham gia của cộng đồng tại Khu Di sản Thế giới Hội An. Trong các chương trình liên quan đến hội nghị, Ban tổ chức đã tổ chức chuyến trải nghiệm thực tế tại thành phố trung tâm tỉnh Battambang, nơi mà di sản kiến trúc thuộc địa được gìn giữ gần như nguyên vẹn ở Campuchia

Tình nguyện viên Chikara Wakako báo cáo kết thúc nhiệm kỳ 2 năm làm việc tại Hội An

Bảo Vy



Những năm qua, trong khuôn khổ chương trình Hợp tác Phát triển giữa 2 nước Việt Nam - Nhật Bản, cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã cử nhiều Tình nguyện viên hợp tác hải ngoại Nhật Bản (JOCV) đến Hội An để hỗ trợ giúp đỡ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt về giáo dục, văn hóa và môi trường. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa là một trong số những đơn vị trên địa bàn thành phố Hội An tiếp nhận tình nguyện viên JICA với nhiệm vụ trao đổi các kinh nghiệm bảo tồn di sản của Nhật Bản với Hội An, phối hợp tổ chức các

hoạt động cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức người dân trong quản lý, trùng tu, bảo tồn và phát huy di tích... Năm 2015, JICA đã cử tình nguyện viên Chikara Wakako, chuyên ngành khảo cổ học và bảo tàng đến làm việc tại Trung tâm trong 2 năm. Với những kinh nghiệm có được tại Nhật Bản trong lĩnh vực nghiên cứu khảo cổ, bảo tàng tình nguyện viên Chikara Wakako đã hỗ trợ đắc lực cho đội ngũ cán bộ Trung tâm trong các hoạt động như tư vấn, đề xuất phương án chỉnh lý trưng bày các bảo tàng Lịch sử - Văn hóa, bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh; cải thiện các etiket và pano giới thiệu tiếng Nhật tại các bảo tàng Hội An; thiết kế và dịch nội dung tiếng Nhật tờ gấp giới thiệu hệ thống bảo tàng Hội An; cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến mối quan hệ giữa Nhật Bản và Hội An trong quá khứ, những kinh nghiệm trong công tác khảo cổ học và bảo tàng học tại Nhật Bản. Ngoài ra, một hoạt động cần phải kể đến là tham gia thực hiện đề án “*Giáo dục Di sản học đường*” đang được Trung tâm triển khai trong suốt thời gian qua và nhận được sự quan tâm của nhiều trường học trên địa bàn thành phố. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, tình nguyện viên Chikara Wakako cũng đã có những đóng góp tích cực trong các phong trào xã hội chung như giới thiệu và tổ chức các trò chơi dân gian Nhật Bản đến với công chúng đặc biệt là các em thiếu nhi trong dịp lễ hội giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản; tham gia các phong trào xây dựng xanh do Trung tâm tổ chức... Tại buổi làm việc ngày 16/6/2017 với đại diện văn phòng JICA tại Hà Nội, sau khi nghe tình nguyện viên Chikara Wakako báo cáo tổng kết những công việc đã thực hiện trong 2 năm vừa qua, đại diện lãnh đạo Trung tâm - ông Phạm Phú

Ngọc đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của tình nguyện viên JICA nói chung của Chikara Wakako trong thời gian vừa qua nói riêng, mong muốn sau khi trở về Nhật Bản Chikara Wakako sẽ tiếp tục giữ mối liên lạc và tham gia cùng Trung tâm thực hiện những công việc còn dở dang. Đại diện chương trình Tình nguyện viên hợp tác hải ngoại của JICA – ông Ohi Toshiaki bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc vì sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của Trung tâm đối với tình nguyện viên JICA trong suốt nhiệm kỳ làm việc, và cũng mong muốn Trung tâm sẽ tiếp tục hỗ trợ các tình nguyện viên kế nhiệm trong thời gian đến, đặc biệt là tình nguyện viên Hattori Sumika - chuyên ngành kiến trúc sư sẽ đến Việt Nam vào đầu tháng 7 năm nay. Cùng ngày, tình nguyện viên Chikara Wakako đã đến chào tạm biệt đại diện lãnh đạo UBND thành phố Hội An

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ tôn tạo di tích Khổng Tử miếu

Hồng Việt



Di tích Khổng Tử miếu ở khối Tu Lễ, phường Cẩm Phô là công trình văn hóa - tín ngưỡng có quy mô lớn ở Hội An. Sự hiện diện của di tích này vừa góp phần làm phong phú thêm loại hình di

tích ở Hội An, vừa minh chứng vai trò Hội An là trung tâm văn hóa - giáo dục của tỉnh Quảng Nam, là mảnh đất giàu truyền thống hiếu học. Trải qua quá trình sử dụng, nhiều hạng mục của di tích đã bị xuống cấp. Thực hiện phương án bảo tồn và phát huy giá trị của di tích, được sự thống nhất của UBND thành phố, ngày 27/6 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành liên quan và UBND phường Cẩm Phô tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích cho đơn vị thi công là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và dịch vụ Kim Châu. Theo hồ sơ được phê duyệt, di tích Khổng Tử miếu sẽ được tu bổ những hạng mục hư hại ở cổng tam quan, hồ nước, chính điện và hậu điện, nhà đông, nhà tây; tôn tạo sân vườn như trồng sen ở hồ nước, cây xanh, điện chiếu sáng; bố trí thêm hệ thống thờ tự ở chính điện. Tổng kinh phí tu bổ, tôn tạo di tích được phê duyệt là 956.270.000đ, từ ngân sách thành phố Hội An. Thời gian thực hiện hoàn thành thi công tu bổ là 120 ngày

Hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng” sau 4 năm triển khai thực hiện

Cẩm Giang

Căn cứ nhiệm vụ của bảo tàng theo quy định của Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật di sản văn hóa năm 2009, Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2008 về việc phát động phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Văn hóa Hội An đã phối hợp với Phòng Giáo dục Đào



tạo Hội An tổ chức hoạt động “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*”. Từ năm 2013 đến nay, hoạt động này được tổ chức 33 lần, hơn 1334 em học sinh khối lớp 4, 5 các trường Tiểu học và khối lớp 6 các trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố tham gia. Bên cạnh đối tượng là học sinh, vào các dịp hè, Trung tâm cũng phối hợp với các Chi đoàn của các xã, phường trên địa bàn thành phố tổ chức cho các em đoàn viên của các địa phương tham gia hoạt động này.

Qua hoạt động này đã góp phần tuyên truyền, quảng bá những giá trị lịch sử, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An đến với các em, tạo điều kiện để các em tìm hiểu về lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống của địa phương nói riêng, Hội An nói chung. Hoạt động này cũng tạo cho các em có những buổi sinh hoạt ngoại khóa bổ ích “*học mà chơi, chơi mà học*” và gắn kết hoạt động giáo dục di sản với nhà trường để sớm hình thành ý thức bảo vệ di sản của học sinh khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Trong thời gian tới, Trung tâm tiếp tục triển khai hoạt động này tại Bảo tàng Hội An (10B Trần Hưng Đạo) cho toàn bộ các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố tham gia. Đồng thời cũng đổi mới, đa dạng các hình thức thực hiện để tạo thêm sự hấp dẫn của hoạt động ♦

Triển khai dựng bia cắm mốc bảo vệ di tích năm 2017

Nguyễn Cường

Phát huy kết quả đạt được trong những năm qua, trong năm 2017, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tiếp tục triển khai công tác dựng bia cắm mốc bảo vệ di tích trên địa bàn thành phố nhằm giảm thiểu các nguy cơ xâm hại, tạo điều kiện thuận lợi hơn để quản lý, bảo vệ di tích lâu dài.

Theo kế hoạch, 20 di tích trên địa bàn các địa phương như phường Thanh Hà, Minh An, Cẩm Phô, Cẩm An, Cẩm Châu, Tân An, xã Cẩm Hà, Cẩm Thanh, Cẩm Kim sẽ được thực hiện. Các di tích được thực hiện đợt này chủ yếu là loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, thuộc sở hữu cộng đồng hiện đang có nguy cơ bị xâm lấn cao. Hiện nay, Trung tâm đã phối hợp với các địa phương hoàn thành công tác khảo sát từng di tích và sẽ xúc tiến các nội dung tiếp theo để sớm hoàn thành công việc này trước mùa mưa bão năm nay ♦

Hội An lọt top 7 điểm đến phải chăng cho khách nước ngoài

Ngọc Hương

Trung tuần tháng 5/2017, Tạp chí du lịch hàng đầu của Mỹ - Travel & Leisure đã công bố danh sách 7 điểm đến phải chăng cho khách nước ngoài. Thành phố Hội An, Việt Nam cũng góp mặt trong top danh sách này cùng với các điểm đến như Siem Reap, Campuchia; Tây An, Trung Quốc; Sharm el Sheikh, Ai Cập; Kraków, Ba Lan; Sofia, Bulgaria; Oaxaca, Mexico.

Viết về Hội An, tạp chí này miêu tả: *Hội An là một bến cảng của Việt Nam*

từ thế kỷ 15, ngày nay nơi đây vẫn còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử và có bãi biển cát trắng nguyên sơ. Di tích nổi tiếng nhất là Chùa Cầu, do những thương nhân Nhật Bản góp tiền xây dựng vào thế kỷ 17. Du khách có thể khám phá sông nước trên những con thuyền gỗ, hay đến làng Cẩm Thanh, gặp gỡ nghệ nhân làm đồ thủ công và ăn cơm với những gia đình địa phương.

Việc Hội An lọt top 7 điểm đến phải chăng cho khách nước ngoài là một trong những kết quả đáng khích lệ trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hội An

Hội An lọt top 10 thành phố nhỏ đáng thăm nhất thế giới

Ngọc Hương

Tờ IB là tờ báo điện tử danh tiếng của Mỹ Business Insider mới đây đã công bố danh sách các thành phố nhỏ đáng thăm nhất thế giới năm 2017. Thành phố Hội An, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 6 trong top 10 thành phố nhỏ đáng thăm nhất của thế giới.

Theo đó, danh cách các thành phố được bầu chọn theo thứ tự lần lượt là:

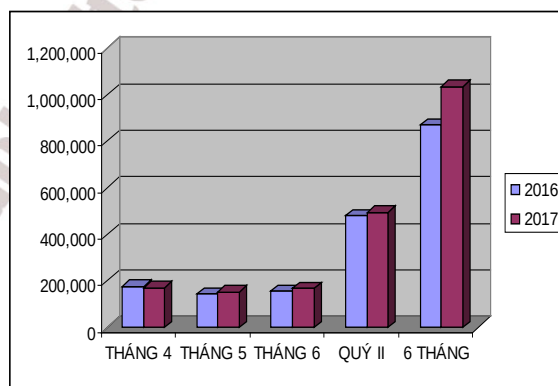
- 1.Sidi Bou Said (Tunisia)
2. Alberobello (Italia)
3. Annecy (Pháp)
4. Sedona (Mỹ)
5. Positano (Italia)
6. Hội An (Việt Nam)
7. Dinan (Pháp)
8. Albarracin (Tây Ban Nha)
9. Bled (Slovenia)
- 10.Tenby (Wales).

Tình hình khách tham quan các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý trong quý 2 năm 2017

NV.Bảo Tàng

Trong quý II/2017, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý đã đón 495,541 lượt khách tham quan. Trong đó, khách quốc tế 321.083 lượt, khách Việt Nam 174.458 lượt. So với cùng kỳ năm trước, lượt khách tham quan tăng 3%.

Tính tổng 6 tháng đầu năm 2017 có 1.035.807 lượt khách tham quan các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.



VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ SƯU TẦM HIỆN VẬT CỦA BẢO TÀNG CÔNG LẬP

Quản lý Di tích

Ngày 16/12/2013, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hoàng Anh Tuấn đã ký ban hành Thông tư số 11/2013/TT-BVHTTDL Quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập. Thông tư này gồm có 3 chương, 16 điều. Trong số này, Ban Biên tập trân trọng trích giới thiệu nội dung thông tư trên để chúng ta cùng tìm hiểu.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập (sau đây gọi là bảo tàng).

2. Thông tư này áp dụng đối với bảo tàng và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sưu tầm hiện vật của bảo tàng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiện vật là bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường

sống của con người, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, được bảo tàng sưu tầm, hoàn thiện hồ sơ về khoa học và pháp lý để trở thành hiện vật bảo tàng.

Trong Thông tư này, từ ngữ “Di vật khảo cổ” theo quy định tại Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ được gọi chung là “hiện vật”.

2. Sưu tầm hiện vật là việc bảo tàng thông qua các phương thức khác nhau để đưa hiện vật về bảo tàng, phục vụ hoạt động của bảo tàng.

3. Hồ sơ sưu tầm hiện vật là tập hợp các tài liệu khoa học và pháp lý về hiện vật, được hình thành trong quá trình nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin, giải quyết các thủ tục liên quan đến việc đưa hiện vật về bảo tàng.

4. Đề cương sưu tầm hiện vật là văn bản thể hiện những vấn đề chủ yếu về mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng dự kiến sưu tầm, thời gian thực hiện và những vấn đề khác có liên quan đến việc triển khai sưu tầm hiện vật cho bảo tàng.

5. Hiến tặng hiện vật là việc tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao cho bảo tàng sử dụng vĩnh viễn hiện vật thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân, không kèm theo điều kiện về chi phí cho việc chuyển giao đó, để bảo tàng quản lý và phát huy giá trị hiện vật.

6. Chuyển giao hiện vật là việc một cơ quan, đơn vị không có chức năng, nhiệm vụ hoạt động bảo tàng chuyển giao cho bảo tàng quản lý và sử dụng vĩnh viễn những hiện vật thuộc đối tượng sưu tầm của bảo tàng do cơ quan, đơn vị thu giữ được trong quá trình thực thi công vụ.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện việc sưu tầm hiện vật

1. Thực hiện việc sưu tầm hiện vật theo trình tự sau:

a) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và nghiên cứu về hiện vật; xác định các hiện vật có đủ tiêu chí là đối tượng sưu tầm của bảo tàng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này để lập đề cương, kế hoạch sưu tầm trình người có thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập hồ sơ hiện vật dự kiến sưu tầm theo quy định tại Thông tư này và quy định của bảo tàng;

c) Thực hiện việc sưu tầm hiện vật theo đề cương, kế hoạch sưu tầm đã được phê duyệt;

d) Bàn giao hiện vật và các tài liệu được hình thành trong quá trình sưu tầm theo quy định tại Thông tư này cho bảo tàng.

2. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân được bảo tàng giao thực hiện sưu tầm hiện vật lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ để tư vấn cho tổ chức, cá nhân khác mua, bán hiện vật thuộc đối tượng sưu tầm của bảo tàng hoặc tiết lộ thông tin liên quan đến việc mua, bán hiện vật khi chưa được Giám đốc bảo tàng và chủ sở hữu hiện vật đồng ý.

Điều 4. Hiện vật thuộc đối tượng sưu tầm

Hiện vật thuộc đối tượng sưu tầm của bảo tàng phải có đủ các tiêu chí sau:

1. Là hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ.

2. Có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp và đang không có tranh chấp, khiếu kiện liên quan.

3. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng.

Điều 5. Phương thức sưu tầm

Việc sưu tầm hiện vật được thực hiện theo các phương thức sau:

1. Thăm dò, khai quật khảo cổ hoặc thu thập hiện vật tại thực địa.

2. Mua hiện vật của tổ chức, cá nhân.

3. Tiếp nhận hiện vật từ tổ chức, cá nhân hiến tặng hoặc chuyển giao.

4. Các phương thức sưu tầm khác.

Điều 6. Kinh phí sưu tầm hiện vật

1. Nguồn kinh phí sưu tầm hiện vật bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng để sưu tầm hiện vật.

2. Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*) nơi có bảo tàng thực hiện việc sưu tầm hiện vật quyết định mức kinh phí tối đa mà Giám đốc bảo tàng

được quyết định để mua 01 (một) hiện vật.

3. Việc sử dụng kinh phí sưu tầm hiện vật thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định của pháp luật về tài chính.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Các phương thức sưu tầm

Điều 7. Thăm dò, khai quật khảo cổ hoặc thu thập hiện vật tại thực địa

1. Việc bảo tàng tổ chức hoặc phối hợp tổ chức thăm dò, khai quật khảo cổ (sau đây gọi là khai quật khảo cổ) để sưu tầm hiện vật thực hiện theo các bước sau:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá trữ lượng hiện vật tại địa điểm dự kiến khai quật khảo cổ;

b) Xin giấy phép khai quật khảo cổ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

c) Tổ chức khai quật khảo cổ;

d) Chinh lý hiện vật và lập phiếu hiện vật cho các hiện vật khai quật được theo quy định tại Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ;

đ) Trong trường hợp bảo tàng quốc gia hoặc bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, hoặc bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ

chức chính trị - xã hội ở trung ương (sau đây gọi là bảo tàng ở trung ương) tổ chức khai quật khảo cổ để sưu tầm hiện vật, bảo tàng ở trung ương có trách nhiệm phối hợp với bảo tàng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi khai quật khảo cổ (sau đây gọi là bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật) bảo quản hiện vật khai quật được, lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc giao hiện vật khai quật được cho bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị giao hiện vật khai quật khảo cổ);

Việc lập hồ sơ đề nghị giao hiện vật khai quật khảo cổ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

e) Tiếp nhận hiện vật được giao và lập hồ sơ sưu tầm hiện vật theo quy định của bảo tàng.

2. Việc thu thập hiện vật tại thực địa thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc bảo tàng được giao nhiệm vụ điều tra, khảo sát tại thực địa, khi phát hiện hiện vật thuộc đối tượng sưu tầm của bảo tàng, có trách nhiệm thu thập thông tin về hiện vật và đưa hiện vật đó về giao nộp cho bảo tàng;

b) Tổ chức, cá nhân thu thập hiện vật tại thực địa có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan của bảo tàng lập và bàn giao cho bảo tàng hồ sơ sưu tầm hiện vật theo quy định của bảo tàng.

Điều 8. Mua hiện vật cho bảo tàng

Việc bảo tàng mua hiện vật của tổ chức, cá nhân thực hiện theo các bước sau:

1. Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về hiện vật dự kiến mua.

2. Tiến hành thương thảo với chủ sở hữu hiện vật về giá bán hiện vật.

3. Lập Danh sách hiện vật dự kiến sưu tầm theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Lập dự án hoặc kế hoạch mua hiện vật trình Giám đốc bảo tàng hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trình Hội đồng khoa học của bảo tàng (*sau đây gọi là Hội đồng khoa học*) hoặc trình Hội đồng thẩm định mua hiện vật (*sau đây gọi là Hội đồng thẩm định*) để lựa chọn hiện vật có đủ tiêu chí quy định tại Điều 4 Thông tư này và xác định giá mua hiện vật theo quy định sau:

a) Trình Hội đồng khoa học thẩm định đối với hiện vật mà Giám đốc bảo tàng được quyết định việc mua theo thẩm quyền.

Khi tổ chức thẩm định hiện vật được quyết định việc mua theo thẩm quyền, Giám đốc bảo tàng mời đại diện cơ quan quản lý tài chính có thẩm quyền liên quan đến việc sử dụng kinh phí mua hiện vật tham gia Hội đồng khoa học;

Việc thành lập và nhiệm vụ của Hội đồng khoa học thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng;

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định mua hiện vật của Hội đồng khoa học thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này;

b) Trình Hội đồng thẩm định để lựa chọn hiện vật có đủ tiêu chí theo quy

định tại Điều 4 và xác định giá mua hiện vật theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư này đối với hiện vật mà Giám đốc bảo tàng không có thẩm quyền quyết định việc mua.

6. Giám đốc bảo tàng quyết định việc mua hiện vật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc mua hiện vật.

7. Tổ chức mua hiện vật:

a) Ký Hợp đồng mua, bán hiện vật giữa bảo tàng và chủ sở hữu hiện vật theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tiếp nhận hiện vật, tài liệu có liên quan đến nguồn gốc hiện vật, quyền sở hữu và bản quyền đối với hiện vật (*nếu có*) từ chủ sở hữu hiện vật; lập Biên bản giao, nhận hiện vật theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hoàn thành việc thanh toán, quyết toán với chủ sở hữu hiện vật theo quy định của pháp luật về tài chính.

8. Hoàn thiện hồ sơ sưu tầm hiện vật theo quy định của bảo tàng.

Điều 9. Tiếp nhận hiện vật do tổ chức, cá nhân hiến tặng hoặc chuyển giao cho bảo tàng

Việc tiếp nhận hiện vật do tổ chức, cá nhân hiến tặng hoặc chuyển giao cho bảo tàng thực hiện theo các bước sau:

1. Tổ chức khảo sát, nghiên cứu, thu thập thông tin về hiện vật của tổ chức, cá nhân có dự định hiến tặng hoặc chuyển giao hiện vật cho bảo tàng.

2. Lập Danh sách hiện vật dự kiến sưu tầm theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hội đồng khoa học tổ chức xem xét, lựa chọn hiện vật có đủ tiêu chí theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

4. Lập kế hoạch tiếp nhận hiện vật được hiến tặng hoặc chuyển giao trình Giám đốc bảo tàng hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Tiếp nhận hiện vật, tài liệu có liên quan đến nguồn gốc hiện vật, quyền sở hữu và bản quyền đối với hiện vật (nếu có) từ chủ sở hữu hiện vật; lập Biên bản giao, nhận hiện vật theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

6. Thực hiện việc khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân đã hiến tặng hoặc chuyển giao hiện vật cho bảo tàng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về tài chính và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Hoàn thiện hồ sơ sưu tầm hiện vật theo quy định của bảo tàng.

Điều 10. Sưu tầm hiện vật theo các phương thức khác

1. Việc sưu tầm hiện vật theo phương thức trao đổi hiện vật giữa hai bảo tàng thực hiện theo quy định sau:

a) Thực hiện trao đổi hiện vật theo nguyên tắc tự nguyện, tự thỏa thuận, được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ quản bảo tàng và tuân thủ quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước;

b) Thực hiện việc tiếp nhận hiện vật theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Việc sưu tầm hiện vật theo phương thức mua hiện vật tại các phiên đấu giá thực hiện theo quy định về việc mua hiện vật cho bảo tàng tại Thông tư

này và các quy định của pháp luật về đấu giá.

Giám đốc bảo tàng hoặc người có thẩm quyền quyết định việc mua hiện vật quyết định giá tối đa tham gia trong phiên đấu giá nhưng không được vượt quá giá mua do Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định đề xuất.

3. Trường hợp sưu tầm hiện vật đặc biệt:

a) Sưu tầm hiện vật trong các trường hợp sau đây được coi là trường hợp sưu tầm hiện vật đặc biệt: mua hiện vật có giá mua đặc biệt lớn; mua khăn cấp hiện vật quý hiếm; được tiếp nhận từ tổ chức, cá nhân hiến tặng, chuyển giao hiện vật đặc biệt quý hiếm hoặc có giá trị kinh tế đặc biệt lớn;

b) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có bảo tàng thực hiện việc sưu tầm hiện vật quyết định việc sưu tầm hiện vật đặc biệt theo đề nghị của Giám đốc bảo tàng hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Đối với hiện vật có giá mua đặc biệt lớn, người có thẩm quyền quyết định việc mua hiện vật cần xin ý kiến tham vấn bằng văn bản của chuyên gia am hiểu về hiện vật dự kiến mua trước khi quyết định việc mua.

Mục 2

Hồ sơ và trình tự thực hiện việc giao hiện vật khai quật khảo cổ

Điều 11. Hồ sơ đề nghị giao hiện vật khai quật khảo cổ

Hồ sơ đề nghị giao hiện vật khai quật khảo cổ bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định giao hiện vật khai quật được cho bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật, do bảo tàng ở trung ương là đơn vị tổ chức khai quật khảo cổ lập;

2. Danh sách hiện vật khảo cổ giao cho các bảo tàng theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, do bảo tàng ở trung ương là đơn vị tổ chức khai quật khảo cổ phối hợp với bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật lập.

Điều 12. Trình tự thực hiện việc giao hiện vật khai quật khảo cổ cho bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật

1. Bảo tàng ở trung ương gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ Hồ sơ đề nghị giao hiện vật khai quật khảo cổ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa).

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc giao hiện vật khai quật được cho bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao hiện vật khai quật được, bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh nơi khai quật phải hoàn thành việc bàn giao hiện vật khai quật được.

Mục 3

Tổ chức thẩm định mua hiện vật

Điều 13. Hội đồng thẩm định

1. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định là tổ chức tư vấn cho Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật về việc lựa chọn hiện vật cần mua và xác định giá mua hiện vật;

b) Thời gian hoạt động của Hội đồng thẩm định được quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

2. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, theo đề nghị của Giám đốc bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật (đối với bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương) hoặc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương (đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với bảo tàng cấp tỉnh);

Quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định do người quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ban hành.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định:

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định là người được Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật ủy quyền;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Giám đốc bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật (*đối với bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương*), hoặc người đứng đầu đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương (*đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương*), hoặc Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*đối với bảo tàng cấp tỉnh*);

c) Ủy viên Hội đồng thẩm định là những người có uy tín về các lĩnh vực khoa học, nghiệp vụ liên quan đến hiện vật dự kiến mua và đại diện cơ quan quản lý tài chính có liên quan đến việc sử dụng kinh phí mua hiện vật;

Đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh, Giám đốc bảo tàng là ủy viên thường trực của Hội đồng thẩm định;

Số lượng ủy viên Hội đồng thẩm định do người quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quyết định;

d) Thư ký Hội đồng thẩm định được lựa chọn trong số ủy viên Hội đồng khoa học của bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định thuộc kinh phí hoạt động của bảo tàng.

Điều 14. Hồ sơ hiện vật dự kiến mua

Hồ sơ hiện vật dự kiến mua bao gồm:

a) Danh sách hiện vật dự kiến sưu tầm theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu thẩm định hiện vật dự kiến mua theo Mẫu số 5A (trường hợp lập hồ sơ trình Hội đồng khoa học) hoặc Mẫu số 5B (*trường hợp lập hồ sơ trình Hội đồng thẩm định*) ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu khác liên quan đến hiện vật dự kiến mua (*nếu có*).

Điều 15. Trình tự, thủ tục thẩm định mua hiện vật

1. Việc thẩm định mua hiện vật được thực hiện thông qua cuộc họp của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định.

Bảo tàng thực hiện việc mua hiện vật chịu trách nhiệm chuẩn bị cuộc họp của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định và hồ sơ hiện vật dự kiến mua.

Hồ sơ hiện vật dự kiến mua phải được gửi đến các thành viên Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất 07 ngày.

2. Cuộc họp của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định phải có ít nhất 75% thành viên có tên trong Quyết định thành lập Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

Thành viên Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng, phải gửi tới Hội đồng Phiếu thẩm định hiện vật dự kiến mua đã có ý kiến của mình theo Mẫu số 5A (đối với thành viên Hội đồng khoa học) hoặc Mẫu số 5B (đối với thành viên Hội đồng thẩm định) ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định chỉ lựa chọn và xác định giá mua đối với hiện vật có đầy đủ Hồ sơ hiện vật dự kiến mua theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

4. Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định chỉ đề xuất với người có thẩm quyền quyết định việc mua hiện vật đối với những hiện vật được ít nhất 75% thành viên Hội đồng đồng ý lựa chọn và thống nhất về giá mua.

Ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định được thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng thẩm định mua hiện vật theo Mẫu số 6A (đối với Hội đồng khoa học) hoặc Mẫu số 6B (đối với Hội đồng thẩm định) ban hành kèm theo Thông tư này.

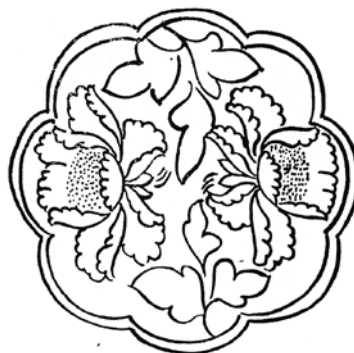
5. Toàn bộ văn bản được hình thành qua cuộc họp của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng thẩm định được tập hợp thành Hồ sơ kết quả thẩm định, do Thư ký Hội đồng thực hiện.

Hồ sơ kết quả thẩm định được lập thành nhiều bản để trình người có thẩm quyền quyết định việc mua hiện vật và các cơ quan liên quan, bản gốc lưu trữ tại bảo tàng.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014.

2. Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm tổ chức, theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, bổ sung, sửa đổi ♦



Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ CỦA NGƯỜI VIỆT TRỞ THÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ ĐẠI DIỆN CỦA NHÂN LOẠI*

Ngọc Hương (sưu tầm)

Vào hồi 17h15 giờ địa phương (21h15 giờ Việt Nam) ngày 01 tháng 12 năm 2016, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 11 của UNESCO diễn ra tại thành phố Addis Ababa, nước Cộng hòa dân chủ Liên bang Ethiopia, di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Trên nền tảng của tín ngưỡng thờ nữ thần, Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, một hình thức thờ cúng người mẹ hóa thân ở các miền trời, sông nước, rừng núi, hình thành và phát triển mạnh mẽ. Từ thế kỷ XVI, việc thực hành tín ngưỡng này trở thành một sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội và tâm thức người dân. Thánh Mẫu Liễu Hạnh được thờ cúng cùng với các vị Thánh Mẫu cai

quản miền trời, rừng, nước, những nhân vật lịch sử hoặc huyền thoại có công với nước, với dân. Theo thư tịch và huyền thoại, Bà là tiên nữ giáng trần, làm người, rồi qui y Phật giáo và được tôn vinh là “*Mẫu nghi thiên hạ*”, một trong bốn vị thánh bất tử của người Việt. Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt là sự hỗn dung tôn giáo bản địa của người Việt và một số yếu tố của tôn giáo du nhập như Đạo giáo, Phật giáo. Các Thánh Mẫu, các vị thần trong điện thần tam phủ có nguồn gốc không chỉ của người Kinh, mà còn của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam như người Mường, Tày, Nùng, Dao, v.v. thể hiện sự giao lưu văn hóa, mối quan hệ bình đẳng, gắn bó mật thiết giữa các dân tộc ở Việt Nam.

Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ của người Việt phân bố ở nhiều địa phương: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, và thành phố Hồ Chí Minh mà Nam Định được coi là trung tâm với gần 400 điểm thờ cúng Thánh Mẫu. Thông qua việc kết hợp một cách nghệ thuật các yếu tố văn hóa dân gian như trang phục, âm nhạc, hát chầu văn, múa, diễn xướng dân gian trong lễ hội, Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ như một “bảo tàng sống” lưu giữ lịch sử, di sản và bản sắc văn hóa của người Việt thể hiện quan niệm của mình về lịch sử, di sản văn hóa, vai trò của giới và bản sắc tộc người. Sức mạnh và ý nghĩa của Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ

* Tác giả bài viết: Phòng Quản lý Di sản Văn hóa Phi vật thể - Cục Di sản

chính là đáp ứng nhu cầu và khát vọng của đời sống thường nhật của con người, cầu tài, cầu lộc, cầu sức khỏe.

Theo Ủy ban Liên Chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, hồ sơ đề cử di sản văn hóa phi vật thể Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đáp ứng những tiêu chí sau để đăng ký vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại:

R.1: Các thông tin trong Hồ sơ đã chỉ ra rằng di sản đã và đang góp phần quan trọng vào việc tạo ra sợi dây tinh thần liên kết các cộng đồng thực hành di sản. Từ góc độ xã hội, với tính chất cởi mở của di sản, đã thúc đẩy sự khoan dung giữa các sắc tộc và tôn giáo. Di sản này đã được trao truyền lại từ thế kỷ thứ 16 thông qua việc thực hành, truyền dạy của thủ nhang, đồng đền và con nhang, đệ tử,... Nó tương thích với các quy định về nhân quyền quốc tế và không có giới hạn về thực hành;

R.2: Các thông tin trong Hồ sơ chỉ ra rằng, bộ phận cấu thành của di sản này góp phần vào khả năng thực hành di sản nói chung và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nó ở các cấp độ khác nhau; đưa ra được những điểm tương đồng văn hóa giữa các cộng đồng và các nhóm người tham gia vào việc thờ Mẫu như là biểu tượng của lòng từ bi và độ lượng, cùng với đó là sự kết hợp của Đạo giáo, Phật giáo và các tôn giáo khác. Khi di sản này được chia sẻ bởi các nhóm dân tộc khác nhau ở Việt Nam, việc thực hành sẽ tăng cường đối thoại và thúc đẩy tôn trọng đa dạng văn hóa; giúp cho việc sáng tạo, làm giàu vốn văn hóa và trở thành một thành phần quan trọng của lễ hội, nơi mà yếu tố nghệ thuật như trang phục, vũ đạo và âm nhạc đóng vai trò quan trọng;

R.3: Từ những năm 1990, các con nhang, đệ tử và người thực hành di sản này đã tự nguyện huy động, đóng góp tiền, hỗ trợ cho việc duy trì lễ hội và trùng tu di tích thờ Mẫu. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để quản lý các lễ hội, di sản. Các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị của di sản đã được đưa ra bao gồm: xây dựng chính sách hỗ trợ, thành lập các câu lạc bộ bảo vệ và phát huy giá trị di sản ở địa phương; phục hồi các lễ hội truyền thống; tổ chức nghiên cứu khoa học, xuất bản tài liệu hướng dẫn; tổ chức triển lãm, trưng bày, trình diễn di sản tại bảo tàng; thiết kế các chương trình giảng dạy chính thức và phi chính thức; tôn vinh, công nhận danh hiệu cho các nghệ nhân và thủ nhang, đồng đền tiêu biểu. Các hoạt động đó phản ánh cam kết của Nhà nước, cộng đồng và các nhóm nhằm bảo vệ di sản. Mục tiêu tổng thể là để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hành di sản, tránh việc thương mại hóa các nghi lễ;

R.4: Đề cử này là kết quả của việc tham vấn và hợp tác của những người thực hành (thủ nhang, đồng đền, ông đồng, bà đồng, cung văn, con nhang, đệ tử,...), đại diện cộng đồng, nhà nghiên cứu, cùng với nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Các tài liệu kèm theo hồ sơ cho thấy họ đã nhận được sự đồng thuận của cộng đồng cho việc đề cử di sản. Thông tin của Hồ sơ đã chứng minh rằng các biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản đã được thực hiện luôn tôn trọng phong tục tập quán, quyền tham gia thực hành di sản;

R.5: Thông tin Hồ sơ cũng đã cung cấp một phụ lục chứng minh di sản đã được đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2013. Hoạt động kiểm kê đã được Cục Di sản văn

hóa (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) phối hợp tổ chức thực hiện với Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam; kết quả kiểm kê đều được cập nhật hàng năm. Việc kiểm kê đã được thực hiện với sự tham gia của cộng đồng địa phương, trưởng thôn, thủ nhang, đồng đền, ông đồng, bà đồng, con nhang, đệ tử...”.

Việc UNESCO ghi danh Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại khẳng định những nỗ lực của các cấp, các ngành và cộng đồng trong việc bảo tồn kho tàng di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc ♦

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

Thu Hương

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2017

1. Công tác nghiên cứu khoa học

- Đối với đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn Địa chí Hội An*”: Xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện công tác năm của đề tài. Hoàn thành *thêm 10 chuyên đề* (đã được 74/216 chuyên đề hoàn thành). Hoàn thành xử lý báo cáo kinh tế xã hội Hội An từ năm 1990 đến 2010, Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ Hội An qua các lần đại hội. Hoàn thành báo cáo tiến độ đề tài lần 9.

- Công tác sưu tầm, xử lý tư liệu, hiện vật nhà lao Hội An: Hoàn thành kế hoạch sưu tầm tư liệu nhà lao Hội An. Triển khai phỏng vấn sâu 02 nhân chứng và sưu tầm 02 hiện vật.

- Kế hoạch Quản lý Di sản: tiếp nhận, kiểm tra sản phẩm và làm việc với đơn vị tư vấn để nghiệm thu thanh toán kinh phí thực hiện đợt 1.

- Phối hợp tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế: Bảo tồn di sản văn hóa dưới nước - Sự chia sẻ kinh nghiệm giữa các quốc gia vì lợi ích cộng đồng; Hệ thống thương cảng miền Trung trong con đường tơ lụa trên biển - Vai trò và các mối liên hệ.

- Đăng ký thực hiện 2 đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Tỉnh, giai đoạn 2018-2020

- Thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao: hoàn thành khái toán và phương án đầu tư, tôn tạo các di tích trên địa bàn phường Cẩm An; Hoàn thành phương án bảo tồn, tôn tạo di tích theo phương án phát triển du lịch tại xã đảo Tân Hiệp, phường Cẩm Hà, làng rau Trà Quế; Khảo sát, lập phương án quản lý, phát huy di tích Không

Tử miếu và Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam; Khảo sát, báo cáo đề xuất ý tưởng thực hiện Phương án phục hồi và phát huy giá trị di tích Rừng dừa Bảy mẫu thuộc đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch trên địa bàn xã Cẩm Thanh.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di sản vật thể

Công tác quản lý di sản cũng được quan tâm thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị đã xây dựng kế hoạch quản lý di sản vật thể năm 2017. Khảo sát, kiểm tra tình hình quản lý các di tích, tín ngưỡng, lịch sử cách mạng trên địa bàn thành phố phục vụ Tết Nguyên đán. Thường xuyên nhắc nhở các địa phương tăng cường bảo vệ và chăm sóc các di tích lịch sử cách mạng và di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã/phường. Hoàn thành kế hoạch điều chỉnh nội dung quy chế quản lý bảo tồn làng gốm Thanh Hà.

Phối hợp xác định vị trí khoanh vùng bảo vệ di tích Vườn bà Thủ Khóa; Khảo sát các di tích và hoàn thành phục hồi giấy chứng nhận 04 di tích (*miếu Trung Hòa, miếu Trung Lương, lăng Ông Ngọc, đình ấp Trường Lệ*). Hoàn thành khảo sát di tích tại 8 xã, phường và đôn đốc, đề nghị các địa phương điều chỉnh, bổ sung các trích lục bản đồ đất không đúng hiện trạng. Triển khai lập nội dung văn bia di tích. Khảo sát và lập mới lý lịch di tích miếu Ông Địa - Trường Lệ - Cẩm Châu, miếu Ngũ Hành khối Tu Lễ - Cẩm Phô và bản vẽ hiện trạng, sơ đồ vị trí di tích miếu Ngũ Hành khối Tu Lễ - Cẩm Phô. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã triển khai làm tư liệu lễ tết Nguyên tiêu tại Chùa Ông, hội quán Phước Kiến... để bổ sung hồ sơ DSVH phi vật thể về lễ hội ở Hội An.

Đối với cây cổ thụ, cây đa bia yếm: Tham mưu văn bản đề nghị bố trí vốn phục vụ công tác chặt tỉa cây xanh tại di tích trước mùa mưa bão. Tham mưu văn bản đề xuất bảo vệ cây đa bia yếm.

b. Đối với công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể

Tham mưu văn bản xin chủ trương lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể nghề gốm Thanh Hà, Tết Trung thu và di sản văn hóa vật thể Khu phố kiến trúc Pháp gửi Ủy ban Nhân dân thành phố và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tham mưu văn bản xin chủ trương lập đề án bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể quốc gia nghề khai thác yến Thanh Châu, nghề mộc Kim Bồng.

Hướng dẫn nghệ nhân làm hồ sơ đăng ký xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú theo qui định của Nghị định 62/2014/NĐ-CP: xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện, báo cáo UBND Thành phố để thống nhất danh sách; Liên hệ tập hợp thông tin và hoàn thành lập 14 lý lịch nghệ nhân đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú. Hoàn thiện 05 hồ sơ nghệ nhân đề nghị xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hoàn thành tổ chức 02 cuộc tham vấn ký ức di sản văn hóa trong khu phố cổ.

c. Đối với công tác tu bổ di tích

Công tác kiểm tra, cấp phép luôn được đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đơn vị đã thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Từ ngày 01/01/2017 - 30/6/2017, đơn vị tiếp nhận 155 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Thành phố (*khu vực I: 63 hồ sơ, khu vực IIA: 46 hồ sơ, khu vực IIB: 46 hồ sơ*). Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét hồ sơ, đơn vị đã tham mưu cấp phép 143 hồ sơ (*khu vực*

I: 59 hồ sơ, khu vực IIA: 43 hồ sơ, khu vực IIB: 41 hồ sơ) (bao gồm xử lý hồ sơ tồn đọng từ năm 2016), Trung tâm đang xử lý 08 hồ sơ, 02 hồ sơ thông báo trả cho công dân.

Công tác chuẩn bị đầu tư cũng được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ. Hoàn thành xây dựng phương án đầu tư các công trình năm 2018 thuộc các dự án từ các nguồn vốn Thành phố, dự án tu bổ khẩn cấp, dự án tu bổ cấp thiết, trình phê duyệt chủ trương đầu tư 8 công trình¹, phê duyệt chủ trương báo cáo 3 công trình². Đối với công trình năm 2017, phê duyệt báo cáo kỹ thuật 3 công trình³, đã phê duyệt chủ trương đầu tư và đang trình hồ sơ thiết kế dự toán 4 công trình⁴ và triển khai khảo sát việc dựng bia cắm mốc các di tích.

Công tác thi công và quyết toán công trình tu bổ cũng được đặc biệt chú trọng đảm bảo đúng quy trình. Trung tâm đã triển khai thi công 5 công trình⁵, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 04 công trình⁶ và quyết toán 09 công trình⁷, đang trình quyết toán 05 công trình⁸, đang kiểm tra khối lượng chuẩn bị trình phê duyệt quyết toán 8 công trình⁹. Đối với công trình hỗ trợ di tích tư nhân - tập thể: khảo sát, hướng dẫn chủ di tích lập các thủ tục hỗ trợ, tham mưu ban hành Quyết định hỗ trợ 02 di tích¹⁰, phê duyệt hồ sơ dự toán hỗ trợ 04 công trình¹¹, trình phê duyệt quyết toán 10 công trình¹².

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị cũng đạt nhiều kết quả. Công tác trang hoàng các điểm di tích, bảo tàng và trụ sở cơ quan được quan tâm chỉ đạo, đặc biệt đơn vị đã tham gia Ban Tổ chức cuộc thi trang trí cơ quan trong dịp Tết Đinh Dậu 2017. Các hoạt động Tết

¹ : Sửa chữa nhỏ Mộ Chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu, Nhà thờ tộc Trần Thanh, Đình Thanh Hà và lăng Trà Quân; Nam Diêu Tô miếu; Sửa chữa nhỏ các di tích Cù Lao Chàm (*Đình Tiền Hiền, giếng xóm Đình, giếng xóm Cẩm, miếu Thổ Thần*); Miếu Ngũ Hành - Minh An; Miếu xóm An Hòa - Sơn Phong; Miếu Ông Địa (*Thổ Công Miếu*) - Cẩm Châu; Thiết kế trưng bày giới thiệu di tích nhà lao Hội An; Đầu tư, khôi phục di tích lịch sử rừng dừa Bảy Mẫu

² : Đình Thanh Tây; Đình Thanh Đông; Đình đá An Bang

³ : Tu bổ, tôn tạo Mộ Khổng Thiên Như, Mộ Chu Kỳ Sơn; Lắp đặt bảng chỉ đường và bảng thông tin các di tích tại xã Cẩm Thanh; Tu bổ Lăng Ông Ngọc

⁴ : Tu bổ và tôn tạo cảnh quan Khu mộ Thử Phi Quang Trung và các tướng Tây Sơn; khu mộ thủy tổ tộc Lê; Sửa chữa nhỏ, tôn tạo cảnh quan các di tích và lắp dựng bảng thông tin về di tích tại xã Cẩm Kim; Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Nhút

⁵ : Bảo tàng Y học cổ truyền ; Chồng mới các di tích vùng ven (*giai đoạn 2*); Dự án tôn tạo đình An Mỹ thành điểm dừng chân đón tiếp khách du lịch; Nhà 14 Nguyễn Thị Minh Khai; Nhà 67 Trần Phú

⁶ : Tu bổ, tôn tạo di tích nhà lao Hội An giai đoạn 2; Nhà 79 Trần Phú; Tam quan chùa bà Mụ (hạng mục phần còn lại); Sửa chữa, cải tạo Khổng Tử miếu

⁷ : Nhà 44/12 Phan Châu Trinh; Nhà 51/2 Phan Châu Trinh; Nhà 97 Bạch Đằng; Di tích Chùa Cầu (*Lai Viễn Kiêu*) - Khảo sát nền móng; Tu bổ Miếu Trung Lương; Chồng mới các di tích vùng ven (*giai đoạn 1*); Tu bổ mộ ông Nguyễn Điền; Dựng bia cắm mốc năm 2016; 04 công trình (*Dựng bia di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi và vườn Bà Thủ Khóa; Sửa chữa lan can, nền bia di tích LSCM vườn xã Tiếp; Bia bến đò thôn 3 Cẩm Thanh*)

⁸ : Tu bổ Lăng Tiêu Diện; Nhà 168 Trần Phú; Trùng tu Tam quan chùa Bà Mụ. Hạng mục: Tam quan; Chồng mới các di tích vùng ven năm 2014; Thiết bị bảo tàng: Thang máy và máy phát điện dự phòng

⁹ : Nâng cấp trưng bày, bảo quản và bổ sung hiện vật Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh; Phục hồi, tôn tạo đình Thanh Tam; Nhà 07 Trần Phú; Nhà 77 Trần Phú; Nhà 26 Bạch Đằng; Tu bổ Miếu tổ yến nghệ; Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tộc Đình

¹⁰ : Nhà ông Dương Tấn Khanh - Cẩm Nam; sửa chữa lăng Bà - khối Sơn Phô 2 - phường Cẩm Châu

¹¹ : Nhà 10/26 Bạch Đằng; Nhà 76 Nguyễn Thái Học; Nhà 58/9 Lê Lợi; Nhà ông Nguyễn Huỳnh - phường Thanh Hà

¹² : Nhà 90 Phan Châu Trinh; Nhà 10/11 Nguyễn Thị Minh Khai; Nhà 152/9 Trần Phú; Nhà 10/26 Bạch Đằng; Nhà 76 Nguyễn Thái Học; Nhà ông Nguyễn Huỳnh - phường Thanh Hà; Nhà 10/26 Bạch Đằng; Nhà 3/6 Nguyễn Huệ; Nhà 76 Nguyễn Thái Học; Nhà ông Dương Tấn Khanh - Cẩm Nam

do thành phố tổ chức cũng được đơn vị tham gia nghiêm túc và đạt hiệu quả, trong đó hoạt động chủ trì tổ chức dựng cây nêu đã thu hút sự tham gia của các di tích, cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố (có 30 đơn vị tham gia). Trung tâm đã triển khai chấm chọn, tổng hợp và trao kết quả¹. Riêng hoạt động Tết Nguyên tiêu tại một số điểm di tích tôn giáo trên địa bàn Hội An được diễn ra an toàn, trật tự. Chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản hàng tuần được duy trì đều đặn với nhiều bài viết và tin tức liên quan đến hoạt động quản lý và bảo tồn di sản. Tính đến 30/6/2017, Trung tâm đã thực hiện 26 chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản; trang Website của đơn vị luôn được cập nhật và phát huy hiệu quả (đăng tải nội dung 25 chuyên mục phát thanh, Bản thông tin nghiên cứu số 1/2017 với hơn 19 tin, 15 bài viết mới...)

Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 20 năm ngày mất kiến trúc sư Kazik (người đã có công trong việc đưa phố cổ Hội An đến với danh hiệu Di sản Văn hóa thế giới) tại Quảng trường Sông Hoài và công viên Kazik. Hoàn thành tổ chức cuộc thi sáng tác logo khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An. Phối hợp tổ chức trưng bày sách giới thiệu Di sản Hội An tại sân Thư viện Hội An - Thanh Hóa.

Tham gia các hoạt động của Festival Di sản Quảng Nam: Triển lãm “Hội An - Quảng Nam, những dấu mốc lịch sử qua Châu bản, Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu” tại Bảo tàng Hội An; Phối hợp thực hiện tổ chức Hội thảo Hệ thống thương cảng Miền Trung và con đường tơ lụa tại Làng lụa Hội An và Hội thảo các thành phố Di sản tại khách sạn Hội An.

Biên tập nội dung sách Hán Nôm tập 4 “Hoành phi câu đối tại Hội An” và sách Hán Nôm tập 5 “Tư liệu dòng tộc tại Hội An”: Tập hợp tư liệu, lập thư mục các tài liệu, kiểm tra bản chữ Hán, đánh máy bản dịch.

Hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng” đã thu hút 734 học sinh của 19 lớp khối học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Đề án giáo dục di sản trong học đường đã hoàn thiện và thông qua Hội đồng Khoa học 2 chủ đề của khối học sinh lớp 1 và lớp 6.

Nâng cấp tại các bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý như: xây dựng đề cương trưng bày, lập maket 2 giai đoạn lịch sử cách mạng (1925-1930, 1930-1945) phòng Truyền thống cách mạng Hội An.

Công tác kiểm tra tại các điểm bảo tàng, di tích được duy trì thường xuyên như: công tác vệ sinh, kiểm kê, bảo quản hiện vật, PCCC,... các điểm di tích do Trung tâm quản lý đã được phát huy giá trị một cách tích cực, thu hút nhiều khách đến tham quan. Điểm dừng chân 57 Trần Phú đã đón tiếp 3.663 lượt khách (trong đó có 1.978 khách quốc tế, 1.685 khách Việt Nam); Các bảo tàng, di tích đã đón tiếp 866.234 lượt khách tham quan, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2016.

4. Công tác đối ngoại

Trung tâm luôn chú trọng và thực hiện công tác thông tin đối ngoại một cách tích cực, chủ động, có hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2017, đơn vị đã triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2017 của Câu lạc bộ các Di sản Thế giới tại Việt Nam; Đón tiếp làm việc với 06 đoàn nước ngoài đến làm việc tại Hội An; Triển khai một số hoạt động trong Dự án đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông ngư nghiệp, vùng sâu, vùng xa tại xã Tân Hiệp như tổ chức tọa đàm trao đổi với người dân về phát triển sản phẩm Lá Lao (Trà lá rừng) tại Cù

¹ : Khối cơ quan, doanh nghiệp, trường học: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 01 giải khuyến khích; Khối các điểm di tích, thôn/khối phố các xã/phường: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba, 05 giải tư

Lao Chàm, hoàn thiện phương án nâng cấp nhà trưng bày và đón tiếp khách Cù Lao Chàm; phối hợp với các tình nguyện viên đã thực hiện nhiều hoạt động như thiết kế nâng cấp các phòng trưng bày tại các bảo tàng, sưu tầm các tài liệu liên quan đến lịch sử quan hệ giao lưu giữa Nhật Bản với Hội An, tham gia giám sát các công trình di tích đang tu bổ, xây dựng các hồ sơ khoa học về tu bổ di tích, giới thiệu và tổ chức trò chơi dân Nhật Bản trong những ngày giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An; Làm việc JICA để cử thêm 02 tình nguyện viên dài hạn kế nhiệm.

II. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Trung tâm tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học theo hướng kịp thời, hiệu quả. Đối với đề tài “*Nghiên cứu biên soạn địa chí Hội An*”: Tiếp tục đôn đốc các tác giả hoàn thành các chuyên đề. Biên soạn bản thảo nội dung các phần Sinh thái, Lịch sử, văn hóa, Kinh tế - xã hội, Chính trị và triển khai các hoạt động của Hội đồng khoa học; Hoàn thành thực hiện sưu tầm tư liệu nhà lao Hội An theo kế hoạch đề ra năm 2017. Hoàn thành biên soạn lời giới thiệu nông cụ phục vụ phát triển du lịch An Mỹ - Cẩm Châu.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di sản vật thể: Triển khai khảo sát và hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát tình hình di tích tín ngưỡng, lịch sử cách mạng, cây cổ thụ 6 tháng cuối năm. Hoàn thành nội dung văn bia di tích phục vụ cắm mốc các di tích có nguy cơ bị lấn chiếm, vi phạm cảnh quan

b. Đối với công tác quản lý di sản phi vật thể: Triển khai lập phiếu thông tin di sản văn hóa phi vật thể; Thực hiện Chương trình văn hoá Phi vật thể của cơ quan năm 2017; Tiếp tục đôn đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất chủ trương làm đề án bảo tồn hai di sản văn hóa phi vật thể nghề khai thác yến Thanh Châu và nghề mộc Kim Bồng; Tổ chức 01 đợt tham vấn làm tư liệu ký ức về di sản văn hóa trong khu phố cổ; Tiếp tục đôn đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất chủ trương làm thủ tục đề nghị xem xét đưa các hồ sơ nghề gốm Thanh Hà, tết Trung Thu vào danh mục DSVHPVT Quốc gia; Tham mưu các hoạt động lễ hội, sự kiện của cơ quan, thành phố tổ chức.

c. Đối với công tác tu bổ di tích: Tiếp tục thực hiện công tác cấp phép tu bổ di tích, tích cực giám sát xây dựng, sửa chữa di tích/ nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ đúng quy trình, thủ tục, thời gian; Xúc tiến các nguồn vốn và triển khai các công trình đầu tư tu bổ tôn tạo các di tích năm 2018; Trình phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật 05 công trình¹; phê duyệt quyết toán 13 công trình²; hoàn thành thi công 5 công trình³; triển khai thi công mới 11 công trình⁴; Duy trì

¹ : Tu bổ và tôn tạo cảnh quan Khu mộ Thử Phi Quang Trung và các tượng Tây Sơn; khu mộ thủy tổ tộc Lê; Sửa chữa nhỏ, tôn tạo cảnh quan các di tích và lắp dựng bảng thông tin về di tích tại xã Cẩm Kim; Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Nhứt; Dựng bia cắm mốc năm 2017

² : Tu bổ lăng Tiêu Diện; Nhà 168 Trần Phú; Nhà 07 Trần Phú; Nhà 26 Bạch Đằng; Nhà 77 Trần Phú; Trùng tu Tam quan chùa Bà Mụ. Hạng mục: Tam quan; Chồng mới các di tích vùng ven năm 2014; Thiết bị bảo tàng: Thang máy và máy phát điện dự phòng; Nâng cấp trưng bày, bảo quản và bổ sung hiện vật Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh; Phục hồi, tôn tạo đình Thanh Tam; Tu bổ Miếu tổ yến nghề; Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tộc Đình

³ : Bảo tàng Y học cổ truyền; Chồng mới các di tích vùng ven; Dự án tôn tạo đình An Mỹ thành điểm dừng chân đón tiếp khách du lịch; Nhà 14 Nguyễn Thị Minh Khai; Nhà 67 Trần Phú

⁴ : Tu bổ, tôn tạo mộ Không Thiên Như, mộ Chu Kỳ Sơn; Lắp đặt bảng chỉ đường và bảng thông tin các di tích tại xã Cẩm Thanh; Tu bổ lăng Ông Ngọc; Tu bổ và tôn tạo cảnh quan Khu mộ Thử Phi Quang Trung và các tượng Tây Sơn; khu mộ thủy tổ tộc Lê; Sửa chữa nhỏ, tôn tạo cảnh quan các di tích và lắp dựng bảng thông tin về di tích tại xã Cẩm Kim; Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Nhứt; Dựng bia cắm mốc năm 2017; Tu bổ, tôn tạo di

thường xuyên công tác tham mưu và xét hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích trên địa bàn Thành phố và triển khai tu bổ di tích lăng Bà ở khối Sơn Phô 2 - Cẩm Châu. Xây dựng kế hoạch, khảo sát và triển khai công tác phòng chống bão lụt đối với di tích trong và ngoài khu phố cổ.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

Tiếp tục duy trì đều đặn và đảm bảo chất lượng chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản. Biên soạn và in ấn Bản tin hoạt động theo từng quý kịp thời. Tăng cường công tác đón khách tại các điểm bảo tàng, di tích. Duy trì tốt hoạt động điểm dừng chân tại 57 và 80 Trần Phú. Hoàn thiện trưng bày tại tầng 2 Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh và kế hoạch trưng bày chi tiết bảo tàng Y học cổ truyền; Hoàn thiện và đưa vào hoạt động Phòng trưng bày Hội An từ gian khó đi lên. Tiếp tục tổ chức hoạt động “*Chúng em cùng nhau khám phá Bảo tàng*”; Hoàn thiện nâng cấp nhà đón tiếp khách Cù Lao Chàm; Triển khai chương trình Hệ thống thông tin, biển báo trong khu phố cổ; Hoàn thành nội dung sách Hán Nôm tập IV và tập V.

4. Công tác đối ngoại

Tăng cường các mối quan hệ hợp tác để tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế; Tiếp tục triển khai các hoạt động nằm trong dự án sinh kế Cù Lao Chàm với sự hợp tác của phía JICA - Nhật Bản (*Hỗ trợ phía Nhật Bản biên tập, in ấn một số ấn phẩm liên quan đến Cù Lao Chàm*); Tham gia một số hoạt động kỷ niệm ngày Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản Văn hóa thế giới.

Bìa trước: Một góc phố cổ Hội An - Ký họa của
cổ họa sĩ Hà Lý.

Bìa sau: Bán lá cây Mồng Năm ở chợ Hội An

<https://hoianheritage.net>